

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PINKHAM SAYYAVONG

ĐỜI SỐNG KINH TẾ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN
Ở TỈNH LUÔNG NẶM THÀ NƯỚC CỘNG HÒA
DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO (1986-2016)

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

THÁI NGUYÊN 2018

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PINKHAM SAYYAVONG

**ĐỜI SỐNG KINH TẾ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN
Ở TỈNH LUÔNG NẠM THÀ NƯỚC CÔNG HÒA DÂN CHỦ
NHÂN DÂN LÀO (1986-2016)**

Ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 8229013

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hà Thị Thu Thủy

THÁI NGUYÊN 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Luận văn được hoàn thành dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS. Hà Thị Thu Thủy. Tài liệu và số liệu trích dẫn trong đề tài là hoàn toàn trung thực, đúng quy định, có nguồn gốc rõ ràng. Những kết quả nghiên cứu của luận văn không trùng lặp với những công trình đã được công bố trước đây.

TÁC GIẢ

PINKHAM SAYYAVONG

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành Luận văn Thạc sĩ của mình, em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học, Khoa Lịch sử trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình học tập và hoàn thành Luận văn Thạc sĩ.

Với lòng biết ơn chân thành, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới **PGS.TS Hà Thị Thu Thủy** đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận văn Thạc sĩ.

Nhân dịp này tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, cùng các thầy cô trong Trường Cao Đẳng Sư Phạm Luông Nặm Thà đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu. Xin chân thành cảm ơn tới Sở Thông tin Văn hoá và Du lịch, Sở Kế hoạch và đầu tư, Văn phòng Mặt trận Lào xây dựng quốc gia, tỉnh Luông Nặm Thà, Hội đồng bản Nặm Nhgen, bản Thông Ôm, bản Thông Chạy ... đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình tìm hiểu tư liệu để hoàn thành Luận văn.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã động viên, khuyến khích tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Xin chân thành cảm ơn.

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm

Tác giả luận văn

PINKHAM SAYYAVONG

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	v
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	2
4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu	4
5. Đóng góp của luận văn	5
6. Bố cục luận văn	5
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	6
1.1. Vài nét về tỉnh Luông Nặm Thà	6
1.1.1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên	6
1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội	7
1.1.3. Dân cư và thành phần dân tộc	10
1.2. Nguồn gốc tên gọi và lịch sử cư trú của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà	12
Chương 2: HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN Ở TỈNH LUÔNG NẶM THÀ NƯỚC LÀO GIAI ĐOẠN 1986 - 2016	17
2.1. Kinh tế nông nghiệp	17
2.1.1. Trồng trọt.....	17
2.1.2. Chăn nuôi.....	25
2.2. Khai thác nguồn lợi tự nhiên	27
2.3. Nghề thủ công.....	29
2.3.1. Nghề dệt.....	29
2.3.2. Đan lát.....	32

2.4. Buôn bán trao đổi	35
Tiêu kết chương 2	37
Chương 3: ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN Ở TỈNH	
LUÔNG NẶM THÀ NƯỚC LÀO GIAI ĐOẠN 1986-2016	39
3.1. Văn hóa vật chất	40
3.1.1. Nhà cửa.....	40
3.1.2. Đời sống ẩm thực.....	43
3.1.3. Trang phục.....	52
3.2. Văn hóa tinh thần.....	54
3.2.1. Ngôn ngữ, giáo dục	54
3.2.2. Tín ngưỡng dân gian.....	58
3.2.3. Nghệ thuật dân gian.....	63
3.2.4. Phong tục tập quán	65
3.2.5. Lễ hội	75
Tiêu kết chương 3	80
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84
PHỤ LỤC.....

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1.	Thống kê dân số ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016	10
Bảng 1.2.	Thống kê thành phần dân tộc ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2015 .	11
Bảng 1.3.	Thống kê về người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà (năm 2015)	14
Bảng 1.4.	Số liệu điều tra nghề nghiệp trong số hộ gia đình của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà (năm 2016).....	15
Bảng 2.1.	Lịch nông vụ của đồng bào Thái Đen ở Luông Nặm Thà	21
Bảng 2.2.	Thống kê hình thức tiêu thụ sản phẩm của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016	22
Bảng 2.3.	Thống kê các khó khăn trong phát triển sản xuất của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016	23
Bảng 2.4.	Thu nhập từ trồng trọt của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016.....	24
Bảng 2.5.	Thống kê chăn nuôi theo số điều tra của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016	26
Bảng 2.6.	Thu nhập từ chăn nuôi của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2015.....	26
Bảng 2.7.	Thống kê số lượng hộ gia đình người Thái Đen làm nghề buôn bán ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016	36
Bảng 3.1.	Thống kê phương tiện sinh hoạt của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà (năm 2016).....	43
Bảng 3.2.	So sánh giữa ngôn ngữ nói của dân tộc Thái Đen với tiếng Lào và tiếng Việt	55
Bảng 3.3.	Tuổi của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà theo điều tra (năm 2016)	58
Bảng 3.4.	Trình độ học vấn của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà theo điều tra (năm 2016)	58

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ hình thức canh tác nông nghiệp của người Thái Đen.....	22
Biểu đồ 2.2. Phân bố nguồn giống cây trồng của người Thái Đen	22

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Văn hóa vốn gắn liền với toàn bộ cuộc sống và với sự phát triển của xã hội. Con người ra đời cùng với văn hóa, trưởng thành nhờ văn hóa, hướng tới tương lai cũng từ văn hóa. Văn hóa của một dân tộc trước hết thể hiện ở bản sắc của dân tộc ấy. Bản sắc dân tộc thể hiện trong hệ giá trị của văn hóa dân tộc, nó biểu hiện và định hướng cho sự lựa chọn trong hành động của con người. Những giá trị văn hóa là thước đo trình độ phát triển và đặc tính riêng của mỗi dân tộc “Một dân tộc thiếu văn hóa chưa phải là một dân tộc thật sự hình thành, một nền văn hóa không có bản sắc dân tộc thì nền văn hóa ấy không có sức sống thật sự của nó”. Mỗi dân tộc với những đặc điểm riêng, đều sớm hình thành những nét văn hóa riêng có, độc đáo của mình.

Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là một quốc gia đa dân tộc. Theo số liệu thống kê năm 2015, Lào có 49 dân tộc, có những dân tộc gồm nhiều nhánh tộc và được chia thành 04 nhóm ngôn ngữ: nhóm ngôn ngữ Lào-Thái, nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ Me, nhóm ngôn ngữ Mông-Đao, nhóm ngôn ngữ Hán-Tây Tạng. Nền văn hóa phong phú, đa dạng đậm đà bản sắc dân tộc. Một trong những nét văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của các dân tộc đó là cuộc sống sinh hoạt, phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian và ngôn ngữ.

Tỉnh Luông Nặm Thà thuộc miền Bắc của nước Lào giáp với Mianma, Thái-Lan và Trung Quốc. Là một tỉnh thuận lợi cho phát triển kinh tế bởi sự đa dạng có tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng du lịch và văn hóa tỉnh đa dân tộc. Cho đến nay, việc giới thiệu nghiên cứu về đời sống kinh tế, văn hoá dân tộc ở địa phương chưa được chú trọng. Trong khi đó, kho tàng văn hoá dân gian của các dân tộc hiện nay đang thất truyền. Nhằm nâng cao hiểu biết về đời sống kinh tế, văn hoá dân tộc ít người này và góp phần bảo tồn phát huy di sản văn hóa dân tộc, tạo lập cơ sở khoa học cho các giải pháp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố và nâng cao tinh thần đoàn kết dân tộc, thực hiện thành công các chủ

trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tác giả đã chọn nghiên cứu **“Đời sống kinh tế văn hóa của dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (1986-2016)”** làm luận văn thạc sĩ.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Cho đến nay, đã có một số tác phẩm nghiên cứu về dân tộc Thái Đen do tác giả là người Lào và Việt Nam đề cập. Dưới đây, tác giả sẽ thống kê những công trình nghiên cứu có liên quan về đời sống sinh hoạt của người Thái Đen ở Lào nói chung và ở tỉnh Luông Nặm Thà nói riêng theo thời gian công bố:

Năm 2005, tác giả Khampheng Thipmountaly công bố công trình *“Quá trình hình thành và phát triển các dân tộc ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào”* ở Viện Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo Lào. Cuốn sách này tập trung nghiên cứu về nguồn gốc và văn hóa của các dân tộc của Lào, trong đó có văn hóa của người Thái Đen.

Năm 2006, cuốn *“Phong tục tập quán của dân tộc Thái Đen”* của tác giả Phuxaykhăm Khunsilihương, Ban Quản lý và phát huy văn hóa dân tộc Thái Đen tỉnh Luông Nặm Thà đã đề cập đến phong tục tập quán của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Năm 2007, Giáo trình *“Lào sức sống”*, và đề tài *“Văn hóa của các dân tộc Lào”* do Bộ Giáo dục và Thể thao Lào phát hành cũng nói đến văn hóa của dân tộc Thái Đen tại đất nước Lào.

Năm 2008, Luận văn thạc sĩ *“Bản sắc văn hóa dân tộc Thái trong điều kiện đổi mới và phát triển kinh tế vùng Tây Bắc”* của học viên Lô Thị Quỳnh Lan, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tổng quan về bản sắc văn hóa dân tộc Thái ở vùng Tây Bắc (khái niệm văn hóa, bản sắc văn hóa của người Thái ở Tây Bắc cũng như bản sắc văn hóa dân tộc Thái nói chung; mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và phát triển kinh tế; những ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế vùng Tây Bắc đến bản sắc văn hóa người Thái cũng như những thay đổi của bản sắc văn hóa Thái Đen bên cạnh sự phát triển kinh tế vùng Tây Bắc trong điều kiện

mới). Trong luận văn, tác giả đã đưa ra 1 số nét tương đồng của người Thái Đen ở Tây Bắc với tộc người này ở biên giới nước Lào.

Năm 2009, trong các cuốn sách “*Dân tộc học*” của tác giả Viengmala Vangmuoi, khoa Xã hội học, Đại học Quốc gia Lào; “*Tìm hiểu các dân tộc ở Lào*” của Viện nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo Lào của NXB Sibunhuong, thủ đô Viêng Chăn, đã đề cập đến các dân tộc sinh sống ở Lào, trong đó có dân tộc Thái Đen.

Năm 2011, Cuốn tóm tắt “*Lịch sử văn hoá dân tộc Thái Đen*” của Ông KẹoNinThong Đuôngmalay đã chỉnh sửa, kho bảo tàng tỉnh Luông Nặm Thà.

Năm 2017, luận văn thạc sĩ “*Đời sống kinh tế văn hóa của dân tộc Thái đen (Tày Đăm) huyện Khăm tỉnh Xiêng Khoảng nước CHDCND Lào giai đoạn 1975-2015*” của học viên Khamfeng Senkhamchan, Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã tổng quát về đời sống kinh tế văn hóa của dân tộc Thái đen (Tày Đăm) huyện Khăm tỉnh Xiêng Khoảng nước CHDCND Lào giai đoạn 1975-2015.

Khóa luận tốt nghiệp “*Văn hóa của dân tộc Thái Đen bản Xoong Tạy, huyện Xoong, tỉnh Hủa Phăn*”, tác giả Phiensy Venmixay và Alithao Phialuong, trường Đại học Quốc gia Lào đã đề cập đến tình trạng văn hóa của dân tộc Thái Đen ở bản Xoong Tạy, huyện Xoong, tỉnh Hủa Phăn. Luận văn thạc sĩ “*Lịch và Nông lịch của người Thái Đen ở Sơn La*” của học viên Phạm Ngọc Hà, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã cung cấp nội dung về Lịch và Nông lịch của người Thái Đen.

Như vậy, điếm qua một số tác phẩm lớn ta thấy các hầu hết tác phẩm trên đây đều có nội dung đề cập đời sống kinh tế văn hoá của đồng bào Thái Đen ở các góc độ khác nhau. Việc tìm hiểu một cách toàn diện về văn hoá dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà có thể cho ta cái nhìn khái quát nhất về sự hình thành, phát triển của kinh tế văn hoá dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nhưng chưa có tác giả nào nghiên cứu một cách toàn diện. Do vậy, tác giả chọn nghiên cứu “**Đời sống kinh tế văn hóa của dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (1986- 2016)**” này là có ý nghĩa khoa học.

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động kinh tế, đời sống văn hóa và những biến đổi của nó hiện nay trong tộc người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nước CHDCND Lào.

3.2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu về sự phát triển kinh tế cũng như bản sắc văn hóa của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (1986- 2016) để thấy được sự đóng góp của cộng đồng người Thái Đen cho sự phát triển chung của tỉnh Luông Nặm Thà nước CHDCND Lào.

3.3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Khái quát về tỉnh Luông Nặm Thành: vị trí, địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội.

Nguồn gốc tộc người và địa bàn cư trú người Thái Đen, tỉnh Luông Nặm Thà.

Hoạt động kinh tế và đời sống văn hóa của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (1986- 2016).

3.4. Phạm vi nghiên cứu

+ Về nội dung, nghiên cứu đời sống kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Thái Đen.

+ Về không gian, nghiên cứu trên địa bàn, tỉnh Luông Nặm Thà. Trong đó, tập trung vào 5 bản có số lượng người Thái Đen sinh sống lớn như: Thông Ôm, Nặm Nghen, Pung, Thông Đi và Thông Chạy Nưa.

+ Về thời gian, giai đoạn từ năm 1986 đến năm 2016.

4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tư liệu

Nguồn từ liệu nghiên cứu chủ yếu của luận văn là tài liệu điền dã ở tỉnh Luông Nặm Thà. Ngoài ra, tôi còn sử dụng tư liệu trong các công trình nghiên cứu, sách, báo, tạp chí của các tác giả Việt và tác giả Lào.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài tác giả luận văn đã sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic để tìm hiểu, nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng theo trình tự thời gian (niên đại) và không gian từ quá khứ đến hiện tại. Để hiểu và làm rõ quá trình hình thành và phát triển trong đời sống người Thái Đen, tỉnh Luông Nặm Thà. Trong nghiên cứu vấn đề, việc sử dụng phương pháp lịch sử giúp tác giả nghiên cứu các hiện tượng trong quá khứ của người Thái Đen. Vì thế, tác giả đã kết hợp sử dụng phương pháp logic, nhằm đi sâu tìm hiểu bản chất, cái phổ biến và đặc trưng trong hoạt động kinh tế văn hóa của người Thái Đen, tỉnh Luông Nặm Thà giai đoạn 1986-2016. Bên cạnh đó tôi đã vận dụng phương pháp điền dã dân tộc học như: quan sát cảnh quan, phỏng vấn người dân, điều tra xã hội học bổ sung các phương pháp khác: thống kê, so sánh, phân tích.

5. Đóng góp của luận văn

+ Luận văn là công trình nghiên cứu về dân tộc Thái Đen, tỉnh Luông Nặm Thà nước Lào.

+ Luận văn là tài liệu tham khảo cho những người quan tâm nghiên cứu về dân tộc và học tập các môn: Dân tộc học, Văn học Dân gian.

6. Bố cục luận văn

Luận văn gồm 3 phần: mở đầu, nội dung chính, kết luận. Phần nội dung gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về đối tượng và địa bàn nghiên cứu.

Chương 2: Hoạt động kinh tế của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nước Lào giai đoạn 1986-2016.

Chương 3: Đời sống văn hóa của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nước Lào giai đoạn 1986-2016.

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Vài nét về tỉnh Luông Nặm Thà

1.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Tỉnh Luông Nặm Thà là một tỉnh nằm ở phía Tây Bắc của nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào nơi có vị trí chiến lược trọng yếu, cách thủ đô Viêng Chăn khoảng 698,65 km (đường bộ), 345 km (đường không) có tổng diện tích tự nhiên là 9.325 km²: Phía Bắc tỉnh Luông Nặm Thà giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với đường biên giới dài 140 km, phía tây bắc giáp tỉnh Xhan (Myanma) với đường biên giới dài 130 km, phía tây giáp tỉnh BorKeo (nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào) và phía nam đông nam giáp với tỉnh U Đôm Xay (nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào). Tỉnh Luông Nặm Thà có 5 địa danh hành chính là huyện Luông Nặm Thà, huyện Long, huyện Sing, huyện Phu Kha và huyện Na Le. Cả tỉnh có 367 bản.[39, tr. 2523].

Về địa hình, Luông Nặm Thà là tỉnh miền núi, rừng, đồi, núi chiếm 85% của diện tích cả tỉnh. 15% là đồng bằng và trung du, có nguồn nước dồi dào chảy qua như Sông Nặm Thà, Sông Nặm Phá, Sông Nặm Mạ và Sông Nặm Lòng.

Về tài nguyên, toàn tỉnh có 589.349 ngàn ha rừng, chiếm 63% diện tích tự nhiên toàn tỉnh Luông Nặm Thà, trong đó rừng tự nhiên 488.864ha, rừng trồng 100.485 ngàn ha. Đặc điểm thực vật ở tỉnh Luông Nặm Thà là rừng lá rộng, phong phú, đa dạng về họ, loài; gỗ quý hiếm có lát, pơ mu, trầm *huong*. Gỗ nhóm I, II có lim, sến; gỗ nhóm III, IV có vàng tâm, dổi de, các loại thuộc họ tre có: luồng, nứa, vầu, giang, bương, tre, động vật rừng còn xuất hiện các loài bò rừng, nai, hoẵng, vượn, khỉ, lợn rừng, các loài bò sát như trăn, rắn, kỳ đà, tê tê, các loài chim, ong rừng. Vùng rừng vượn quốc gia Nặm Há là nơi còn có nhiều động vật hoang dã có giá trị kinh tế như hổ, báo, gấu, gà lôi, công, trĩ,... Tuy vậy, đại đa số diện tích rừng trên địa bàn là rừng nghèo, rừng mới tái sinh và rừng mới trồng; trữ lượng lâm sản thấp, khả năng cho khai thác trong những năm tới là rất hạn

ché; một số diện tích có trữ lượng lâm sản lớn lại phân bố trên vùng núi cao và nằm trong diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

Tài nguyên khoáng sản, khá phong phú về chủng loại, bao gồm cả kim loại như: sắt, crôm, đồng, chì, kẽm, than, vàng và phi kim loại như: cao lanh, đá vôi, đá hoa cương, đá trắng và phốt phát.

1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

Về tăng trưởng kinh tế, tốc độ bình quân hàng năm thời kỳ 2007-2011 đạt 7.8%, và 2011-2015, đạt 8.7%. Trong đó, nông - lâm đạt 7% năm; công nghiệp - xây dựng: 7.8% năm; dịch vụ: 11.5% năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt: 3.3 triệu kip (tương đương 390 USD); năm 2010 đạt 5.6 triệu kip (tương đương 670 USD); năm 2011 ước đạt 7.8 triệu kip (tương đương 917 USD); năm 2015 đạt 8.7%/năm (tương đương 2.156 tỷ kip)

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Nếu năm 2011, cơ cấu các ngành nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong GDP là: 64.13% - 12.23% - 23.64% [36, tr.9] năm 2015, cơ cấu các ngành nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong GDP là: 50% - 22.9% - 27.1% [37, tr. 45].

Về kết cấu hạ tầng kinh tế, mạng lưới giao thông đường bộ phát triển khá mạnh, kể cả quốc lộ, tỉnh lộ, và giao thông nông thôn. Đường liên huyện, đường từ huyện với bản và đến khu sản xuất tạo điều kiện cho việc mua, bán, trao đổi đi lại thuận lợi.

Kết cấu hạ tầng xã hội, giáo dục và đào tạo là một ngành rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển nguồn nhân lực. Do đó, chính quyền tỉnh Luông Nặm Thà đã phối hợp với Bộ Giáo dục-Đào tạo Lào mở rộng mạng lưới giáo dục vào đến các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tính đến thời điểm năm 2016, 95.09% số bản đã có trường học. Về giáo dục đào tạo, sự nghiệp giáo dục đào tạo tỉnh Luông Nặm Thà được cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm cả về cơ sở vật chất và lực lượng giáo viên. Hệ thống trường học các cấp

được đầu tư đến cụm bản, bản, đáp ứng nhu cầu học tập của con em các dân tộc. Mỗi cụm bản trên địa bàn có 1-2 trường tiểu học, 1 trường trung học cơ sở; mỗi huyện có ít nhất 2 trường trung học phổ thông; cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc nội trú được nâng cấp, cải tạo; ở những cụm bản, bản, cụm bản đã tổ chức các lớp, các nhóm học, lớp ghép cho học sinh bậc tiểu học được các thầy, cô giáo, đến tận nơi để dạy học cho con em của đồng bào các dân tộc vùng miền núi. Hiện nay có 349 bản, đã có trường học chiếm 95.09% số bản của cả tỉnh Luông Nặm Thà. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý luôn được chăm lo đào tạo, bổ sung và nâng cao chất lượng. Năm 2016, trung bình 25 học sinh tiểu học và trung học cơ sở có 1 giáo viên trực tiếp giảng dạy, tỷ lệ đó ở học sinh trung học phổ thông là 30 học sinh.

Lãnh đạo tỉnh Luông Nặm Thà đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế Quốc Gia Lào mở rộng hệ thống y tế đến các bản xa xôi, tạo điều kiện cho người dân được khám và chữa bệnh, đồng thời, xây dựng một số cơ sở và sửa chữa lại các trạm xacũ hoặc đã bị hư hỏng. Tính đến thời điểm năm 2015 toàn tỉnh Luông Nặm Thà có tất cả 47 trạm cụm bản. Hiện nay, có 265 bản chiếm 72.20% số bản có nước sạch để sinh hoạt. Sở Y tế đã chỉ đạo tiến hành cấp màn và một số loại thuốc cần thiết cho các bản khó khăn và đã làm cho tỷ lệ tử vong giảm xuống đáng kể.

Công tác y tế, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân được các cấp uỷ Đảng, Chính quyền quan tâm đúng mức; mạng lưới y tế được mở rộng từ cấp huyện đến cụm bản. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Đến thời điểm hiện nay toàn tỉnh có tất cả 47 trạm xá, có 6 bệnh viện, trong đó 1 bệnh viện cấp tỉnh, 5 bệnh viện cấp huyện. Sở Y tế đã chỉ đạo tiến hành cấp màn và một số loại thuốc cần thiết cho các bản khó khăn và đã làm cho tỷ lệ tử vong giảm xuống đáng kể.

Công tác y tế dự phòng triển khai chương trình tiêm chủng mở rộng không có bệnh dịch lớn xảy ra; việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người nghèo và các đối tượng xoá đói giảm nghèo được quan tâm.

Tổng dân số trong tỉnh Luông Nặm Thà là 182.401 người, nữ 91.786 người; có 17 dân tộc anh em sinh sống cùng nhau. Dân cư phân bố không đều;

mật độ dân số trung bình toàn tỉnh 19 người/km². Thực trạng phân bố dân cư như trên và vấn đề di cư tự do ở một số bộ phận dân cư trên địa bàn các huyện vùng cao diễn biến khá phức tạp; đồng bào người Mông ở các tỉnh miền núi phía Bắc chuyển đến, tình trạng vượt biên trái phép, vi phạm Hiệp định biên giới vẫn còn xảy ra; vấn đề tổ chức quy hoạch sắp xếp phân bố lại và ổn định dân cư trên địa bàn để vừa thực hiện phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo vừa đảm bảo quốc phòng và an ninh vùng biên là nhiệm vụ rất cấp thiết.

Tỉ lệ tốt nghiệp tiểu học chiếm 35.18%, tốt nghiệp trung học cơ sở 34.0%, tốt nghiệp trung học phổ thông 12.9%, lao động chưa biết chữ 9.23%. Tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng trở lên dưới 1% (năm 2010). Lao động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp chiếm 90% lao động xã hội, phần lớn chưa được đào tạo, số người được đào tạo có chuyên môn kỹ thuật chiếm khoảng 7% tổng số lao động, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế và quản lý nhà nước. Đây là một trở ngại, thách thức lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội và xoá đói giảm nghèo của tỉnh.

Cùng với việc nâng cao mức sống về vật chất, đời sống tinh thần của đồng bào miền núi được nâng lên một bước, thực hiện phát triển toàn diện cả về thể lực và trí lực. Phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, phù hợp với thuần phong, mỹ tục của nhân dân các dân tộc, các huyện luôn tích cực tham gia phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Hàng năm, các bản miền núi được cấp không thu tiền một số loại báo và tạp chí; từ năm 2013, thực hiện cấp 12 loại báo chuyên đề dân tộc thiểu số và vùng sâu, vùng xa, nhìn chung, các báo và tạp chí cấp đầy đủ theo kế hoạch, phục vụ kịp thời và thiết thực đối với đời sống đồng bào dân tộc. Hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Cay sơn Phôm Vi Hân vĩ đại”, các hoạt động thể dục thể thao miền núi luôn được quan tâm phát triển. Đến năm 2016, 22% dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.

1.1.3. Dân cư và thành phần dân tộc

Tỉnh Luông Nặm Thà có tất cả 367 bản với 34.661 gia đình và dân số cả tỉnh Luông Nặm Thà là 182,401 người, trong đó có 91.786 nữ. Theo thống kê của tỉnh năm 2016.

Bảng 1.1. Thống kê dân số ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016

STT	Tên huyện	Tổng số bản	Tổng số gia đình	Số lượng (người)			Diện tích km ²	Mật độ dân số (ng/km ²)
				Tổng số	Nam	Nữ		
1	Luông Nặm Thà	78	10 599	55 942	27 784	28 158	2 124	26
2	Sing	91	8 007	40 858	20 364	20 494	1 457	28
3	Long	80	6 786	36 113	18 160	17 953	2 435	15
4	PhuKha	46	4 689	25 208	12 437	12 771	1 930	13
5	NaLe	72	4 580	24 280	11 870	12 410	1 379	18
Tổng cộng		367	34 661	182 401	90 615	91 786	9 325	19

[Nguồn thông tin: 29, tr. 36]

Tỉnh Luông Nặm Thà cũng là một trong 18 tỉnh của quốc gia Lào có nhiều dân tộc làm ăn và sinh sống. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa đặc trưng riêng biệt của mình, góp phần làm cho nét văn hóa của tỉnh thêm đa dạng và phong phú. Trong đó dân tộc Lào chiếm tỷ lệ đông nhất chiếm 25.9% của dân số cả tỉnh, tiếp theo là dân tộc Khor Mú chiếm 24.01% của dân số cả tỉnh, sau đó là dân tộc Lự chiếm 11.80% của dân số cả tỉnh và dân tộc Tày (Thái đen, Thái trắng...) chiếm 9.9% của dân số cả tỉnh. Dưới đây là những thống kê dân số của các dân tộc ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2015:

Bảng 1.2. Thống kê thành phần dân tộc ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2015

STT	Nhóm/Dân tộc	Số lượng (người)			Tỷ lệ dân số (%)
		Tổng số	Nam	Nữ	
I	Nhóm ngôn ngữ Lào – Tày			52.2%	
1	Lào	47 185	23 873	23 312	25.86
2	Tày(Thái đen, trắng...)	17 948	8 038	9 910	9.90
3	Lư	21 444	10 791	10 653	11.75
4	Nhuôn	5 424	2 777	2 647	3.00
5	Nhãng	739	439	300	0.40
6	Tày nửa	2 358	1 218	1 140	1.29
II	Nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme			28.25%	
7	Khơ mụ	43 808	21 508	22 300	24.01
8	Lao bít	819	422	397	0.44
9	La mết	4 678	2 323	2 355	2.56
10	Sam táo	2 278	1 133	1 145	1.24
III	Nhóm ngôn ngữ Mông-Iu miên (Đao)			10.19%	
11	Mông	12 344	6 174	6 170	6.76
12	Iu miên	6 266	3 349	2 917	3.43
IV	Nhóm ngôn ngữ Hán-Tibet			9.36%	
13	Akha	3 987	2 023	1 964	2.18
14	Phu noy	3 864	2 003	1 861	2.11
15	La hu	7 353	3 609	3 744	4.03
16	Si đa	455	241	214	0.24
17	Ho	1 451	694	757	0.80
Tổng cộng		182 401	90 615	91 786	100

[Nguồn thông tin: Phòng kế hoạch và đầu tư tỉnh Luông Nặm Thà]

Như vậy, chiếm đại đa số trong tổng dân cư của tỉnh là dân tộc Lào, Khor mụ, Lư, Tày, Mông và các dân tộc khác. Họ là những cư dân nông nghiệp trồng lúa, thường canh tác tại các vùng ven sông, ven suối, vùng chân núi. Trong 17 dân tộc anh em cùng chung sống, các dân tộc có mối quan hệ lịch sử văn hoá lâu đời, trong đó người Thái đen cũng chiếm số đông và có mặt ở hầu khắp tỉnh, sống gắn bó đoàn kết với các dân tộc, Thông qua các hoạt động kinh tế, văn hóa, các dân tộc đã có sự giao lưu về văn hóa, tạo nên một nền văn hóa đa dạng, nhưng cũng mang nhiều đặc trưng riêng của từng dân tộc. Trong đó, nổi lên là dân tộc Thái Đen mà tác giả sẽ trình bày rõ ở phần sau của luận văn.

1.2. Nguồn gốc tên gọi và lịch sử cư trú của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà

Dân tộc Thái Đen là một trong 49 dân tộc anh em của Lào, thuộc nhóm ngôn ngữ Lào-Tày. Ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, dân tộc Thái Đen là dân tộc có nhiều tên gọi. Tên gọi cũ của dân tộc này là dân tộc “Tày”. Còn người Thái Đen tự gọi dân tộc mình là “Tày”. Tày, Thái, Thay đều có nghĩa là “con người” hoặc “loại người”. Tày Đăm là tên mà người Lào gọi theo cách ăn mặc của người Tày, Ví dụ: nhóm người Tày nào thường mặc màu đen người ta gọi là Tày Đăm (Thái Đen), nhóm người Tày nào thường mặc màu trắng người ta gọi là Tày Khảo (Thái Trắng), nhóm người Tày nào thường mặc màu đỏ người ta gọi Tày Đeng (Thái đỏ). Người Kinh ở Việt Nam gọi người Tày Đăm là người Thái. Người Tày Đăm ở Việt Nam tự gọi mình là “Côn Tày” hoặc “Côn Thay”. Ở Việt Nam, người Tày Đăm còn có những tên gọi khác như: Tày Thanh, Man Thanh, Tày Mươi, Hàng Tang, Tày Dọ. Người Thái ở Việt Nam có 3 ngành chính là: Thái Đen (Tày Đăm), Thái Trắng (Tày Đon hoặc Khao) và Thái Đỏ (Tày Đeng). Ngôn ngữ của người Tày Đăm ở Việt Nam thuộc với nhóm ngôn ngữ Tày - Thái (ngữ hệ Thái-Ka Đai) là con cháu của người Tày Đăm di cư từ vùng đất thuộc miền Nam của Trung Quốc sang. Người Tày Đăm ở huyện Như Thành, tỉnh Thanh Hóa gọi họ là “Chao”, có nghĩa là “nồi giống” và gọi tổ tiên của họ

là “Chao Đăm”. Người Thái Lan thường gọi dân tộc Tày Đăm ở Thái Lan là “Lào Không, Thay Xông Đăm hoặc Thái Xông Đăm” vì họ thường mặc màu đen (đăm có nghĩa là đen). Đặc biệt là họ thường mặc quần màu đen (Xông Đăm dịch nghĩa là quần đen) [51, tr.1]. Mặc dù dân tộc Thái Đen có rất nhiều tên gọi như đã trình bày ở trên, nhưng tên phổ biến mà hiện nay người ta thường gọi họ là Thái Đen (Tày Đăm).

Thái Đen là một trong đại gia đình các dân tộc đã cư trú tại đất nước Lào từ lâu đời. Dân tộc Thái Đen có nguồn gốc lịch sử và quá trình phát triển gắn bó với nguồn gốc lịch sử và quá trình phát triển của dân tộc Lào và đất nước Lào. Người Thái Đen định cư ở các tỉnh miền Bắc của Lào từ tỉnh Bo Li Khăm Xay đến thượng Lào. Tập trung ở tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Luông Nặm Thà, Luông Phạ Bang...Dân tộc Thái Đen ở Lào có nguồn gốc di cư từ vùng miền Nam của Trung Quốc (Mường Then). Do vùng đó xảy ra chiến tranh giữa các bộ tộc. Vì vậy, họ đã di cư xuống khu biên giới Việt Nam - Lào-Trung Quốc và định cư ở đó. Sau một thời gian, họ tiếp tục di cư vào các tỉnh miền Bắc của Lào như: Luông Nặm Thà, Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Luông Phạ Bang...và một số tỉnh của Việt Nam như: Điện Biên, Sơn La, Lai Châu và các tỉnh: Lôi, Xiêng Mày, Phết Sa Bun của Thái Lan để tìm nơi định cư mới. Trong tạp chí “Mo Lạ Độc Lạn Xạng”, tác giả bài viết Phẫu Tày Đăm đã viết: Dân tộc Thái Đen là một trong nhóm người AiLao có nguồn gốc từ vùng biên giới phía Bắc Lào (miền Nam của Trung Quốc). Có trung tâm cũ ở Mường Then - quê hương của Khún Lo, người xây dựng Mường Lo cổ (Luông Phạ Bang hiện nay). Về vấn đề này, tài liệu lưu trữ của Trung Quốc cũng chứng minh rằng: Tổ tiên của dân tộc Thái Đen là những người gọi tên dân tộc mình là “Tày”).

Có thể nói, việc người Thái Đen di cư vào Lào, Việt Nam và Thái Lan là do 2 nguyên nhân chủ yếu: chiến tranh và để tìm nơi sinh sống mới.

Dựa vào sách lịch sử và văn hoá của các dân tộc ở tỉnh Luông Nặm Thà viết ra: Dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà là người Thái đen nguồn gốc

di cư từ vùng miền Nam của Trung Quốc (Mường Then). Do vùng đó xảy ra chiến tranh giữa các bộ tộc. Vì vậy, họ đã di cư xuống khu biên giới Việt Nam - Lào-Trung Quốc và định cư ở đó. Sau một thời gian, họ tiếp tục di cư vào các tỉnh miền Bắc của Lào như: Luông Nặm Thà, Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Luông Phạ Bang... Người Thái đen định cư và sinh sống ở tỉnh Luông Nặm Thà từ 1895, nguyên nhân di chuyển là do chiến tranh họ phải tìm nơi cư trú mới. Khi đến những vùng đất mới họ thường phân tán để định cư “chia nhỏ thành các nhóm người”. Dân tộc Thái Đen phân tán đi định cư ở Mường Luông Hua Thà (Luông Nặm Thà hiện nay) theo các nhóm như sau:

1. Nhóm đầu tiên: Ông SụvănṇaBuaKhăm cùng dòng họ của mình đi định cư ở Tạy Thông Ôm rồi đặt tên bản Thông Ôm cho đến hiện nay.

2. Nhóm thứ hai: Ông senkọng cùng dòng họ của mình đi định cư ở Hua Nặm Nghen hoặc bản Thông Cang (bản Nặm Nghen hiện nay).

3. Nhóm thứ ba: Ông khămmi hoặc Tạopom cùng dòng họ của mình đi định cư ở Sốp-Pung rồi trở thành bản Pung hiện nay.

4. Nhóm thứ tư: Ông buapha hoặc Phanhakhămlec cùng dòng họ của mình đi định cư ở Sốp Nặm Đi rồi trở thành bản Thông Đi hiện nay.

5. Nhóm thứ năm: Phanhachay cùng dòng họ của mình đi định cư ở Hạt Chạy (Hạt Khay) rồi trở thành bản Thông Chạy Tạy hiện nay.[41, tr.10-11]

Người Thái Đen định cư ở tỉnh Luông Nặm Thà trong năm 2015 có 44 bản, tất cả có 13.426 người (6.990 nữ), chủ yếu ở 3 huyện: Luông Nặm Thà, Sinh và Long. Dưới đây là bảng thống kê về người Thái Đen định cư ở tỉnh Luông Nặm Thà:

Bảng 1.3. Thống kê về người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà (năm 2015)

STT	Tên huyện	Số bản	Số nhà	Số hộ gia đình	Số dân (người)	Nữ (người)
1	Luông Nặm Thà	36	2090	2776	11494	6028
2	Sinh	05	237	276	1155	539

3	Long	03	183	206	777	433
Tổng cộng		44	2500	3258	13426	6990

Nguồn [41, tr. 70]

Dựa vào số liệu thống kê trên đây có thể thấy; Người Thái đen định cư ở tỉnh Luông Nặm Thà chiếm tỷ lệ đông trong tỉnh. Họ tập trung làm ăn sinh sống trong nhiều làng bản. Trong đó, nhiều nhất là huyện Luông Nặm Thà có 11 494 người, nữ 6 028 người, tiếp đến là huyện Sing có 1 155 người, nữ 539 người và huyện Long có 777 người, nữ 433 người theo bảng thống kê 2015.

Người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà có bản sắc văn hóa đặc trưng riêng biệt của mình, góp phần làm nên sự đa dạng và phong phú nền văn hóa của tỉnh

Bảng 1.4. Số liệu điều tra nghề nghiệp trong số hộ gia đình của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà (năm 2016)

Stt	Nghề nghiệp	Số hộ gia đình	Tỷ lệ
1	Nông dân	106	58,89%
2	Cán bộ	60	33,33%
3	Buôn bán	14	7,78%
Tổng cộng		180	100%

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

Nghề truyền thống của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà chủ yếu là làm nông nghiệp: làm ruộng trồng lúa nước, làm nương rẫy, làm vườn và chăn nuôi. Bên cạnh đó, họ cũng làm nghề thủ công như: dệt vải và chế tạo công cụ lao động... Những hoạt động kinh tế của người Thái đen đã góp phần làm đa dạng thêm hàng hóa ở tỉnh Luông Nặm Thà. Hiện nay, trình độ dân trí của người Thái đen được nâng cao. Người Thái đen có nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các dân tộc khác, nhất là dân tộc Lào. Từ đó đã thúc đẩy sự phát triển của dân tộc này về mọi mặt.

Tiểu kết chương 1

Tỉnh Luông Nặm Thà là vùng có điều kiện tự nhiên rất đa dạng. Những đặc điểm tự nhiên này đã tạo nên những dấu ấn đậm nét trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân ở đây, nhất là dân tộc Thái Đen. Song do sống cùng người Lào và một số dân tộc khác cho nên ít nhiều về kinh tế, văn hóa, cùng với yếu tố môi trường của họ cũng bị ảnh hưởng.

Tỉnh Luông Nặm Thà là tỉnh miền núi cao nguyên, nơi người Thái Đen chiếm số dân đông trong tỉnh. Văn hóa của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà có nét gần giống văn hóa của dân tộc Thái Đen ở các nơi khác. Chính vì thế, nhiều nhà nghiên cứu của Lào cho rằng: Nguồn gốc của dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà có thể là từ Mường Thanh Sơn La. Và họ sang đây từ thời người Hồ Thung Đeng (từ Trung Quốc) vào cướp ở Hủa Phăn, Luông Phạ Bang...

Người Thái Đen định cư ở nước CHDCND Lào có nguồn gốc từ miền Nam Trung Quốc (Mường Then), giáp với vùng biên giới Việt Nam- Lào - Trung Quốc. Do chiến tranh, họ phải tìm nơi cư trú mới. Vì vậy, tổ tiên của người Thái Đen đã di cư xuống vào các tỉnh Đông Bắc của Lào, Việt Nam, Thái Lan và định cư ở đó. Ở Lào, đại đa số người Thái Đen cư trú ở vùng miền Bắc của Lào, từ Bo Li Kham Xay đến Phong Sạ Ly. Đây là vùng khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: mùa đông khô hạn và mùa hè nóng ẩm mưa nhiều. Đặc điểm khí hậu và đất đai rừng núi đã định hình nên những phương thức sản xuất truyền thống: lúa ruộng, lúa nương, săn bắn, hái lượm. Trong đời sống văn hóa, người Thái Đen vẫn giữ được nhiều nét văn hoá truyền thống về ngôn ngữ, trang phục, nghệ thuật, phong tục tập quán...

Chương 2

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN Ở TỈNH LUÔNG NẶM THÀ NƯỚC LÀO GIAI ĐOẠN 1986 - 2016

Lào là một quốc gia có 49 dân tộc anh em. Các dân tộc này đều lấy nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu. Trong đó dân tộc Thái Đen, kinh tế nông nghiệp cũng trở thành ngành kinh tế chính của cư dân người Thái Đen. Từ khi thực hiện đổi mới (năm 1986), trong kinh tế nông nghiệp, trồng trọt vẫn là ngành sản xuất chính của người Thái Đen. Các hoạt động kinh tế khác như: chăn nuôi, làm nghề thủ công, trao đổi hàng hóa, khai thác nguồn lợi tự nhiên (chủ yếu là săn bắn, hái lượm) vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày của đồng bào Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm thà.

2.1. Kinh tế nông nghiệp

2.1.1. Trồng trọt

Nương rẫy

Nương rẫy có vị trí quan trọng trong nền nông nghiệp của người Thái Đen. Do địa hình từng vùng đất đai hẹp thung lũng mật độ dân cư đông cho nên nương rẫy đóng vai trò đáng kể trong nền kinh tế của họ. Từ thế mạnh của rừng người Thái Đen ở Luông Nặm Thà đã làm nương. Nương rẫy trong đời sống kinh tế cổ truyền của các cư dân thung lũng trước hết là nguồn bổ sung một phần lương thực cho con người và cung cấp thức ăn cho gia súc. Các cây cho thức ăn có dầu như: vừng... cây cho thức ăn có đạm như: đậu, các loại rau xanh, các cây gia vị (hành, tỏi...) đều được trồng theo đất rẫy. Vì vậy nương rẫy không chỉ là mảnh đất trồng trọt đơn thuần, mà là mảnh vườn trong hiện nay.

Đồng bào Thái Đen bắt đầu làm nương khoảng tháng 4-5 dương lịch (tháng 9, 10 lịch Thái) những trận mưa đầu mùa đổ xuống cũng là lúc đầu mùa reo hạt. Cách reo hạt trước đây là: đàn ông đi trước dùng gậy đã vót nhọn đầu, chọc lỗ, phụ nữ đi theo sau thả hạt mỗi lỗ từ 5 đến 6 hạt giống. Sau đó người ta dùng cành cây tươi buộc thành chổi quét đáy lấp lỗ thả hạt.

Những năm gần đây, do kinh tế phát triển và tri thức được nâng cao, người Thái Đen đã sử dụng các công cụ và phương tiện hiện đại vào việc canh tác như: máy cày bánh lồng, máy kéo bánh lồng, máy phay và máy gặt... làm cho chất lượng sản xuất nông nghiệp được nâng lên. Ngoài việc trồng lúa nương đồng bào còn trồng thêm nhiều loại rau quả khác như: ngô, sắn, mía, chuối, lạc vừng....

Trồng lúa nước

Trong trồng trọt, thì việc trồng lúa nước trở thành phổ biến nhất. Ruộng nước được người Thái Đen gọi là “na” (khoảng đất có mặt bằng). Ở tỉnh Luông Nặm Thà người Thái Đen là cư dân chiếm đa số, sinh sống lâu đời ở đây. Vì vậy, ngay từ thời gian đầu đặt chân đến mảnh đất này, người Thái Đen đã tập trung vào việc khai phá ruộng đất ở những thung lũng thành những cánh đồng rộng lớn. Với bộ nông cụ làm ruộng như: cày, mai, xẻng; cùng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn (làm đất, làm mạ, gieo cấy, chăm sóc và thu hoạch), đặc biệt là hệ thống thủy lợi “dẫn thủy nhập điền” nương, phai, lái, lịn và cọn nước. Kết hợp với các nghi lễ tín ngưỡng liên quan. Như vậy người Thái đen ngay từ rất sớm đã có các kỹ thuật cho nghề trồng lúa nước.

Trước đây, mặc dù không được bón phân nhiều nhưng cây lúa vẫn tốt bởi vì trồng một vụ trên năm. Trong 6 tháng đồng ruộng bỏ không, từ gốc rạ, cây lúa mọc lên là nguồn thức ăn dồi dào cho gia súc. Trong quá trình đó, việc di chuyển qua lại liên tục của trâu bò một phần làm cho ruộng ngấu ra, chất thải của chúng quện với rơm, rạ cũng tạo mùn cho đất. Bên cạnh đó, cư dân còn biết làm phân bón bằng cách đào hố, chặt cây dã quỳ, cúc dại và các cây thân mềm khác trộn với phân trâu bò rồi ủ, đem bón cho ruộng; lấy nước có hàm lượng chất khoáng cao vào ruộng từ kinh nghiệm dân gian, với hệ thống nương, phai hoàn chỉnh, đảm bảo nước quanh năm. Người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà thường lấy nước theo hai cách. Cách thứ nhất: mặt ruộng bằng với mặt nước, hay nó thấp hơn thì người ta đắp đập cho nước dâng lên rồi đào nương dẫn vào ruộng, đập đó người ta gọi là phai. Cách thứ hai: mặt ruộng cao hơn mặt nước thì người ta

tạo ra hệ thống bánh xe nước (lũng cọn). Đường kính bánh xe tùy vào độ cao của mặt ruộng. Chỗ nào mặt ruộng cao thì đường kính bánh xe lớn, chỗ nào mặt ruộng thấp hơn thì đường kính vừa phải. Tối đa có những bánh xe đường kính lên đến 2-3m. Với hệ thống thủy lợi như vậy, có mương phai, có lũng cọn làm cho hệ thống tưới tiêu của người làm ruộng trở nên hoàn chỉnh. Hầu như 100% diện tích ruộng của người Thái Đen được tưới nước chỉ bằng hai cách ấy.

Người Thái Đen còn một biện pháp nữa để chăm sóc đất. Đó là biện pháp “thủy nậu”. Đây là lối canh tác dùng tay, chân sục cho bùn, cỏ hòa nhuyễn rồi cấy luôn. Điển hình cho lối canh tác này là dùng trâu quần ruộng. Ruộng trâu quần tốt nhất là ruộng ngâm nước. Nếu là ruộng chờ mưa, người ta phải ngâm một thời gian ngắn từ 4-5 ngày để cho đất mềm. Bình thường, để quần một thửa ruộng người ta phải dùng 2-3 con trâu. Người ta đưa trâu xuống ruộng, điều khiển chúng đi thành vòng tròn đồng tâm, giẫm đi, giẫm lại, hết vòng này đến vòng kia, cho đến khi đất ngấu. Quần đến lần thứ 3, nếu đất chưa ngấu, người ta để khoảng 1 tuần sau rồi lại cho trâu quần tiếp. Trâu quần thường lành, tập tính bày đàn cao, nên chỉ cần 2 người chỉ huy là có thể cho đàn trâu quần ruộng. Một người điều khiển con đầu đàn, một người đi xung quanh, khi thấy con trâu nào phá bĩnh, không đi đúng đường, người ta lại xua nó đi theo đúng hàng lối. Sức người, sức trâu được sử dụng hợp lý, tối đa là vì thế.

Nếu so với kỹ thuật hiện đại ngày nay như dùng máy cày, máy bừa thì việc dùng trâu quần chậm hơn, đất cũng không nhuyễn bằng. Nhưng không phải vì thế mà họ bỏ đi kỹ thuật này. Hiện nay những thửa ruộng hẹp, cày bừa khó, người ta vẫn sử dụng hình thức trâu quần. Năng suất và chất lượng cũng không kém so với các mảnh ruộng được cày bừa bằng máy móc.

Qua nhiều thế hệ, người Thái Đen đã đúc kết và tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà đã chuyển sang làm hai vụ lúa. Vụ chiêm cấy tháng 2, thu hoạch tháng 5 (được gọi là mùa Na xeng); vụ mùa cấy tháng 7 thu

hoạch tháng 10 (được gọi là mùa Na pi). Đa số người Thái Đen đã vận dụng những kỹ thuật hiện đại vào công việc canh tác lúa nước, cụ thể:

Làm đất: Ruộng phải bằng phẳng, có hệ thống thoát nước tốt và không đọng nước. Sau khi chọn nơi bằng phẳng làm ruộng, công việc đầu tiên mà người nông dân phải làm là dọn sạch cỏ, trục đánh bùn và san bằng mặt ruộng bằng máy cày bánh lồng. Người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà cày đất bằng máy, bừa và phơi ải trong thời gian 1 tháng. Bừa, trục và san bằng mặt ruộng bằng máy kéo bánh lồng hay bánh sắt có công cụ trang phẳng mặt ruộng kèm theo.

Gieo mạ và cấy: Gieo mạ bằng tay sau khi đánh rãnh và kéo bằng mặt ruộng. Chọn ruộng nơi khuất gió để làm mạ, quá trình làm mạ được diễn ra như sau: cày bừa kỹ; lên luống (mặt luống rộng hay hẹp tùy thuộc vào độ rộng của nilon che phủ). Sau khi đã san phẳng mặt luống, dùng nilon đã chọc thủng nhiều lỗ hoặc bao xác rần rải lên mặt luống. Tiếp tục bón phân lên trên rồi xoa đều phân với lớp đất bùn. Cuối cùng là gieo mạ. Chia lượng thóc giống để gieo đi gieo lại nhiều lần cho thật đều. Gieo mạnh tay cho mộng lún sâu (kín hạt) vào trong bùn. Khi mạ được 15-18 ngày, ra nhiều rễ trắng, trời ẩm thì lật từng mảng mạ đem cấy.

Chăm sóc

Làm cỏ: Ruộng lúa cần được theo dõi, làm cỏ, khử lẫn thường xuyên. Các thời điểm cần lưu ý là: 10-15 ngày sau khi sạ, cấy, theo dõi và nhổ cỏ sót trên ruộng để giảm nguy cơ cạnh tranh dinh dưỡng ngay từ đầu vụ. 30-35 ngày sau khi sạ, cấy là thời điểm trở bông của 1 số loại cỏ (cỏ lồng vực, đuôi phụng...) hay lúa dại có kiểu hình khác với lúa nhà nên rất dễ dàng phát hiện và loại trừ.

Bón phân: Dinh dưỡng cho lúa được bổ sung ở các thời điểm sau: Bón lót, (Trước khi cấy) bón thúc lần 1: (Bón vào 7-10 ngày sau cấy). Bón thúc lần 2: (Bón khi 50% chồi chính trên đồng có đồng 1mm). Bón bổ sung: Có thể phun phân qua lá để bổ sung khi lúa trở đều khi cần thiết.

Quản lý nước trên ruộng cấy

Giai đoạn cây con: Rút cạn nước trước khi sạ và giữ khô mặt ruộng trong vòng 3 ngày. Ngày thứ 4, sau khi sạ xong cho nước lãng mặt ruộng 1 ngày. Sau

đó tiếp tục rút cạn để đảm bảo đủ ẩm bề mặt ruộng. Giai đoạn sinh trưởng sinh dưỡng: Sau khi sạ 7-10 ngày, bắt đầu cho nước từ từ vào ruộng và giữ nước trên mặt ruộng ở mức 3-5 cm. Trong giai đoạn này, thay nước trong ruộng lúa từ 2-3 lần. Sau mỗi lần thay nước, cần giữ cạn trong 2-3 ngày. Giai đoạn sinh trưởng sinh thực: Giữ nước trong ruộng ở mức 3-5cm. Giai đoạn chín: Giữ nước trong ruộng ở mức 5-10cm cho đến giai đoạn chín vàng. Trước khi thu hoạch 7-10 ngày tháo cạn nước trong ruộng.

Thu hoạch:khi thấy 85-90% số hạt trên bông đã chín vàng. Nếu cắt sớm hay muộn đều làm tăng tỷ lệ hao hụt, giảm chất lượng khi xay xát. Nên sử dụng máy gặt dải hàng hay gặt đập liên hợp để cắt lúa. Sau khi cắt tiến hành tuốt ngay, không nên phơi mớ trên ruộng. Sử dụng máy đập lúa trực dọc (tuốt lúa, máy nhai) để tuốt lúa trong trường hợp dùng máy gặt xếp dây.

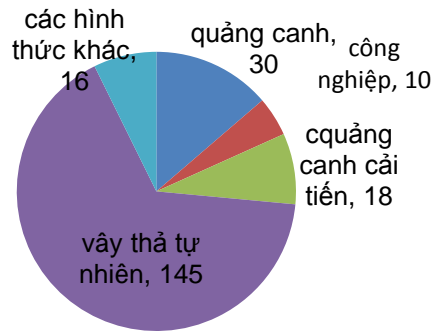
Bảng 2.1. Lịch nông vụ của đồng bào Thái Đen ở Luông Nặm Thà

Tháng dương lịch	Tháng Thái	Các công việc gieo trồng
1	6	Nghỉ ngơi, sửa chữa nhà cửa
2	7	Chuẩn bị đất phát nương, ngô, sắn
3	8	Tiếp tục phát nương, ngô, sắn
4	9	Đốt nương, gieo ngô... sớm
5	10	Trồng lúa nương
6	11	Làm cỏ lúa nương
7	12	Cày cấy ruộng nước
8	1	Thu hoạch ngô ở nước
9	2	Làm cỏ ruộng nước
10	3	Thu hoạch lúa nương sớm
11	4	Thu hoạch lúa nương muộn và lúa nước sớm
12	5	Thu hoạch lúa nước muộn

Nguồn [3, tr. 60]

Trong số 180 hộ được điều tra thì 100% số hộ phát triển nông nghiệp trồng trọt, trong đó trồng lúa là 180 hộ trồng, còn các cây trồng khác số lượng ít hơn như: rau màu 73 hộ trồng, ngô 49 hộ trồng và khoai sắn 30 hộ trồng. Theo

điều tra 180 hộ tham gia điều tra có tổng diện tích là 216,3ha. Như vậy, bình quân khoảng 1,2 ha/hộ.

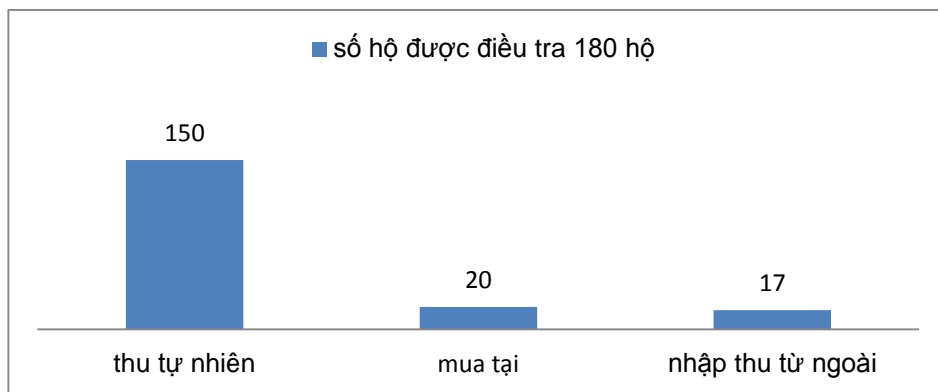


Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ hình thức canh tác nông nghiệp của người Thái Đen

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

Hình thức canh tác chủ yếu của người Thái Đen theo điều tra là vây thả tự nhiên. Như vậy họ sống theo tự nhiên, không lạm dụng hoá chất, công nghệ, nhưng sự cải tiến trong canh tác còn quá ít. Đây cũng là hạn chế làm giảm năng suất cây trồng.

Cùng với hình thức canh tác tự nhiên nên nguồn giống cây trồng cũng chủ yếu là tận dụng từ nguồn tự nhiên. Việc nhập giống cây trồng ngoại (từ nước ngoài) rất ít, chưa phổ biến trong cộng đồng người Thái Đen chỉ chiếm 1/10 số hộ được điều tra.



Biểu đồ 2.2. Phân bổ nguồn giống cây trồng của người Thái Đen

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

Bảng 2.2. Thống kê hình thức tiêu thụ sản phẩm của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016

Stt	Hình thức	Số hộ gia đình	Tỷ lệ
1	Bán buôn	43	23,89%
2	Bán lẻ	98	54,44%
3	Cả hai	39	21,67%
Tổng cộng		180	100%

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

Sản phẩm làm ra cần phải tiêu thụ được, thì mới có tái sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Hình thức tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nói chung, sản phẩm cây trồng nói riêng chủ yếu là hình thức bán lẻ dân tiêu thụ trực tiếp, chiếm hơn ½ số hộ được điều tra, còn hình thức bán buôn cùng bán lẻ cả hai cũng chiếm tới 20%, số hộ được điều tra. Như vậy chứng tỏ sản phẩm cây trồng ở nhiều hộ của người Thái Đen năng suất cao và họ biết cách tiêu thụ sản phẩm của mình.

Bảng 2.3. Thống kê các khó khăn trong phát triển sản xuất của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016

Stt	Nội dung	Số hộ gia đình điều tra	Tổng số hộ được điều tra
1	Vốn	52	180
2	Thị trường	32	
3	Nguồn giống	27	
4	Trình độ kỹ thuật	88	
5	Khó khăn khác	17	

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

Bên cạnh những thuận lợi, trong quá trình sản xuất nông nghiệp trồng trọt của người Thái Đen còn tồn tại một số khó khăn đặc biệt là nguồn vốn, trình độ khoa học kỹ thuật chưa được áp dụng vào sản xuất. Vì vậy năng suất trung bình trong cộng đồng người Thái Đen vẫn còn thấp. Cư dân người Thái Đen cũng chưa biết tìm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình, phần lớn là tự cung tự cấp.

Cũng chính từ những khó khăn trên, thu nhập của các hộ nông dân từ sản xuất nông nghiệp không cao, nhưng so với các hộ khác cùng tỉnh vẫn cao hơn.

Bảng 2.4. Thu nhập từ trồng trọt của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016

Loại cây trồng		Tên huyện		
		Luông Nặm Thà	Sing	Long
Lúa	Diện tích (ha)	123	36	15
	Sản lượng(tấn)	369	108	45
	Tổng thu nhập(kíp)	1.107.000.000	324.000.000	135.000.000
2. Ngô	Diện tích (ha)	150	7	20
	Sản lượng(tấn)	900	42	120
	Tổng thu nhập(kíp)	900.000.000	42.000.000	120.000.000
3.Khoai, Sắn	Diện tích (ha)	12	-	8
	Sản lượng(tấn)	136	-	120
	Tổng thu nhập(kíp)	54.400.000	-	48.000.000
4. Mía	Diện tích (ha)	45	12	8
	Sản lượng(tấn)	2,477	660	440
	Tổng thu nhập(kíp)	1.238.500.00	300.000.000	220.000.000
5. Lạc	Diện tích (ha)	10	-	20
	Sản lượng(tấn)	31	-	30
	Tổng thu nhập(kíp)	62.000.000	-	60.000.000
6.Đậu	Diện tích (ha)	26	-	9
	Sản lượng(tấn)	104	-	14
	Tổng thu nhập(kíp)	57.200.000	-	7.900.000
7.Dưa hấu	Diện tích (ha)	19	57	10
	Sản lượng(tấn)	479	1 438	310
	Tổng thu nhập(kíp)	958.000.000	2.876.000.000	620.000.000
8. Bí đỏ	Diện tích (ha)	15	7,25	5
	Sản lượng(tấn)	180	130	92
	Tổng thu nhập(kíp)	630.000.000	455.000.000	322.000.00
9.Rau	Diện tích (ha)	31	20	8
	Sản lượng(tấn)	96	70	33
	Tổng thu nhập(kíp)	217.899.000	158.884.000	74.902000
10.Cây ăn quả	Diện tích (ha)	38	21	17
	Sản lượng(tấn)	200	27	24
	Tổng thu nhập(kíp)	1.400.000.000	189.000.000	168.000.000

[Nguồn: Báo cáo của Sở Nông nghiệp năm 2016]

Từ bảng thu nhập từ trồng trọt của người Thái Đen ở các huyện trong tỉnh, mới thấy được sự chênh lệch về thu nhập từ trồng trọt của người Thái Đen giữa

các huyện trong tỉnh. Các loại cây trồng của huyện Luông Nặm Thà luôn có diện tích, sản lượng và tổng thu nhập đều cao nhất tỉnh, đặc biệt trồng lúa và trồng cây ăn quả đạt trên 1 tỷ kíp (tiền Lào)/1 năm. Còn huyện Sing nhiều loại cây trồng không có như Lạc, đậu, khoai sắn và các cây trồng khác thì diện tích, sản lượng và tổng thu nhập hơn huyện Luông Nặm Thà.

2.1.2. Chăn nuôi

Bên cạnh trồng trọt thì chăn nuôi là ngành không thể thiếu trong kinh tế nông nghiệp. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi: núi đồi, ao hồ, đồng cỏ nhiều nên việc chăn nuôi của cư dân Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà rất thuận lợi chủ yếu là trâu, bò, ngoài ra còn dê, lợn, gà, vịt. Các gia đình người Thái Đen đều quan tâm đến chăn nuôi. Trâu, bò được chăn nuôi để làm sức kéo và vận chuyển làm hàng hoá trao đổi, buôn bán. Trong chăn nuôi truyền thống người Thái đặc biệt chú trọng tới việc phát triển đàn trâu. Trâu là loại gia súc được chăn nuôi khá nhiều, trở thành vật nuôi quan trọng nhất.

Trâu là vật nuôi được sử dụng vào trong quá trình sản xuất, nó còn được xem như thứ hàng hoá trao đổi trên thị trường. Trâu thường được coi là tài sản lớn nhất của người nông dân. Người Thái Đen rất có nhiều kinh nghiệm trong việc chọn giống chăn nuôi, nhất là chăn nuôi trâu bò. Theo người Thái Đen, giống trâu bò tốt là phải có chân to, dáng cao, cổ lớn nhưng ngắn. Ngoài ra, họ còn xem sừng, khoáy, khẩu đuôi của con vật để đánh giá giống xấu hay tốt. Người Thái Đen thường thả rông trâu bò vào rừng kiếm ăn. Khoảng một tháng sau mới đi tìm. Buổi tối họ thường buộc trâu bò dưới gầm sàn nhà. Ngày nay Kỹ thuật sản xuất ngày càng thay đổi nhiều, do vậy trâu, bò không giữ được vị trí quan trọng như xưa nữa, nhưng trên thị trường nó vẫn là một mặt hàng giá trị cao.

Lợn là vật nuôi quan trọng trong gia đình và là con vật có sự gắn gũi với đời sống của dân tộc Thái Đen. Việc chăn nuôi lợn trong các gia đình người Thái Đen không chỉ để cung cấp thịt cho bữa ăn, mà còn là được coi là lễ vật, chủ yếu trong các lễ hội, đình, đám. Lợn được nuôi theo các hộ gia đình, họ chăm sóc theo lối thả rông, được thả trong các khu vườn của gia đình. Cách chọn giống lợn

của dân tộc Thái Đen cũng giống như các dân tộc khác phải chọn lợn có vóc dáng cao to, đòn dài, lưng thẳng, ngực rộng, đuôi to, vai nở sức khỏe tốt mới nuôi được hiệu quả cao. Có nhiều gia đình người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà đã nuôi lợn làm kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình của mình.

Về gia cầm: người Thái Đen tỉnh Luông Nặm Thà rất chú trọng chăn nuôi gà, vịt... Nuôi để làm thức ăn hàng ngày hoặc sử dụng trong tế lễ, đãi khách.

Bảng 2.5. Thống kê chăn nuôi theo số điều tra của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016

Stt	Vật nuôi chính	Số hộ gia đình điều tra	Tổng số hộ được điều tra
1	Trâu	63	180
2	Bò	81	
3	Lợn	126	
4	Vịt/ngan	89	
5	Gà	138	
6	Khác	51	

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

Những năm gần đây, chăn nuôi của dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà có bước phát triển chăn nuôi dần trở thành hoạt động kinh tế chiếm vị trí quan trọng. Việc chăn nuôi mới phát triển ở phạm vi gia đình và chủ yếu là phục vụ nhu cầu tự cấp, tự túc là chính. Phương thức chăn nuôi ở đây vẫn là: nửa thả rông, nửa chăm sóc. Trong chăn nuôi, người Thái Đen cũng phân công lao động theo giới. Các loại gia súc lớn chủ yếu là do nam giới và thanh niên đảm nhận. Còn gia cầm chủ yếu là do phụ nữ chăm sóc. Có thể nói, chất lượng chăn nuôi của người Thái Đen chưa được chú trọng đúng mực. Nhưng dù sao chăn nuôi cũng đóng vai trò quan trọng đối với đời sống tự cấp tự túc của cộng đồng dân tộc này.

Bảng 2.6. Thu nhập từ chăn nuôi của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016

Đối tượng vật nuôi		Tên huyện		
		Luông Nặm Thà	Sing	Long
1. Trâu	Số lượng (con)	791	56	22
	Tổng thu nhập (kíp)	2.475.000.000	120.000.000	17.000.000
2. Bò	Số lượng (con)	683	71	39
	Tổng thu nhập (kíp)	1.020.000.000	135.000.000	46.100.000
3. Lợn	Số lượng (con)	828	63	44
	Tổng thu nhập (kíp)	371.700.000	27.000.000	19.800.000
4. Dê	Số lượng (con)	921	84	41
	Tổng thu nhập (kíp)	225.000.000	16.800.000	9.500.000
5. Ngựa	Số lượng (con)	-	-	10
	Tổng thu nhập (kíp)	-	-	-
6. Gia cầm	Số lượng (con)	7 686	564	182
	Tổng thu nhập (kíp)	192.150.000	11.600.000	4.550.000
7. Cá	Số lượng (ao)	128	31	0
	Tổng thu nhập (kíp)	388.000.000	-	-

[Nguồn: Báo cáo của Sở Nông nghiệp năm 2016]

Bảng thu nhập từ chăn nuôi của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà thể hiện rõ sự đa dạng con vật nuôi trong chăn nuôi, trong đó bò, trâu là vật nuôi với số lượng nhiều nhất. Trong 3 huyện của tỉnh thì huyện Luông Nặm Thà cũng vẫn là huyện có đa dạng vật nuôi, và số lượng loại vật nuôi nhiều, đồng thời thu nhập từ vật nuôi cũng cao nhất tỉnh. Huyện Long là huyện có số lượng các vật nuôi ít nhất, nên thu nhập từ chăn nuôi của cư dân người Thái Đen ở huyện này cũng thấp nhất tỉnh.

2.2. Khai thác nguồn lợi tự nhiên

Tỉnh Luông Nặm Thà là vùng đất có đặc điểm thực vật là rừng lá rộng, thường xanh, có hệ thực vật phong phú, đa dạng, có nhiều sông suối rất thuận lợi cho việc hái lượm, săn bắn và đánh cá. Từ năm 1986 đến nay, nhờ công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế của nước Lào đã chuyển sang cơ chế thị

trường mở cửa. Vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số được quan tâm đúng mức. Vì vậy, diện mạo ở vùng dân tộc thiểu số nói chung, người Thái Đen nói riêng đã có những chuyển biến và thay đổi rõ rệt. Tuy nhiên, việc khai thác nguồn lợi tự nhiên đối với người Thái Đen vẫn là một công việc không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Săn bắt hái lượm

Săn bắt và hái lượm là hai hoạt động cơ bản của việc khai thác nguồn lợi tự nhiên. Săn bắt là công việc chủ yếu của người đàn ông, đây là sự phân công lao động theo giới tính đã tồn tại từ lâu trong cộng đồng người Thái Đen. Có hai hình thức săn bắt tự nhiên: săn bắt tập thể và săn bắt cá nhân. Săn bắt tập thể là hình thức săn bắt có tổ chức mang tính cộng đồng sâu sắc. Mùa săn của người Thái Đen thường diễn ra vào mùa khô-từ tháng 3 năm trước đến tháng 3 năm sau. Săn bắt cá nhân chủ yếu do cá nhân thực hiện, săn bắt thú nhỏ gần như việc thường xuyên, phổ biến. Săn bắt tập thể và cá nhân không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn góp phần mở mang sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Hái lượm là công việc thường xuyên của người phụ nữ Thái Đen, nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm rau xanh và nhu cầu thuốc chữa bệnh của người Thái Đen. Sản phẩm hái lượm là những loại cây, rau, củ, quả có sẵn trong tự nhiên, như các loại rau rừng, nấm, mộc nhĩ...có nhiều trong mùa mưa. Các loại cây củ thường được kiếm vào vụ giáp hạt hay mất mùa. Đến mùa rau củ quả người Thái Đen thường rủ nhau thành nhiều nhóm cả nam và nữ vào rừng hái những sản phẩm của mùa vụ đó. Sản phẩm họ hái lượm được thường đem chế biến theo nhiều cách khác nhau phù hợp với nhu cầu sử dụng.

Đánh cá: Người Thái Đen định cư ở ven sông suối nên họ, giỏi bắt cá, thích ăn cá. Cá đã trở thành món ăn hàng ngày và không thể thiếu được khi có khách. Người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà ngoài việc khai thác cá từ nguồn tự nhiên như ở sông suối, họ còn rất quan tâm đến việc nuôi thả cá ở ao và ruộng, cá được thả vào ruộng khi lúa đã xanh cây. Mùa gặt, thả nước để bắt cá và đây chính là

phương thức canh tác rất đặc trưng của người Thái Đen, nghề đánh cá khá phát triển, đồng bào Thái Đen có nhiều cách đánh cá: vó, chài, lưới, đơm, chém...thường tổ chức đánh cá theo từng nhóm ở bên cạnh những dòng suối hay sông như: Sông Nậm Thà, sông Nậm Thung, sông Nậm Nghen, sông Nậm Ha... Cá mà họ bắt được có nhiều loại như: pá tong (cá còm), pá khô (cá tràu), pá cốt (cá bò), pá cặng (cá sộp), pá khếng (cá rô), pá sỏi (cá nhỏ), pá xiu (cá còm), pá phăn, cụng (tôm), pú (cua)... Còn phụ nữ Thái Đen thường dùng cái vọt, xúc, câu bắt cá.

Bên cạnh các loại thủy sản, đối tượng săn bắt của người Thái Đen còn gồm có các loại côn trùng như: châu chấu, dế mèn, trứng kiến (khay một sộ) mật ong... Số lượng bắt không nhiều nên có thể được chế biến ăn ngay chứ không dự trữ.

Có thể nói, việc khai thác nguồn lợi tự nhiên đã đem lại nguồn thu nhập quan trọng trong cuộc sống tự cấp, tự túc của người Thái Đen. Hoạt động này tồn tại và phát triển mạnh khi dân số chưa tăng; điều kiện tự nhiên còn khá thuận lợi; rừng, sông, suối còn nguyên sinh. Còn hiện nay, khi dân số gia tăng nhanh chóng; tài nguyên rừng, sông dần cạn kiệt thì hoạt động săn bắt, hái lượm của người Thái Đen không đem lại hiệu quả nữa, nhưng hoạt động này vẫn tồn tại ở vùng xa, vùng nông thôn.

2.3. Nghề thủ công

Cũng như các dân tộc khác ở Lào, người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm thà rất giỏi nghề thủ công đồng thời đây cũng là hoạt động kinh tế chủ yếu. Các nghề thủ công của người Thái Đen đã góp phần làm cho sản phẩm, hàng hóa của tỉnh đa dạng và phong phú. Đây cũng là một nguồn thu nhập đáng kể cho các gia đình dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm thà. Sản phẩm từ nghề thủ công của người Thái Đen có thể đảm bảo cho những nhu cầu tối thiểu của đời sống tự cấp tự túc.

2.3.1. Nghề dệt

Người phụ nữ Thái Đen học nghề thêu, dệt thổ cẩm từ những người phụ nữ thế hệ trước và truyền lại cho con cháu đời sau. Để dệt được những tấm vải

thổ cẩm hoàn mỹ, đòi hỏi người dệt phải trải qua rất nhiều công đoạn. Sản phẩm thêu, dệt thổ cẩm truyền thống được làm hết sức tỉ mỉ, thủ công với những công cụ thô sơ nên chỉ những người phụ nữ mới có thể kiên trì làm được. Do đó, đã hình thành trong dân gian quan niệm đánh giá đàn ông Thái Đen qua đan lát, đánh giá người phụ nữ Thái Đen qua thêu thùa, dệt vải.

Điểm đặc biệt của nghề thêu, dệt thổ cẩm truyền thống dân tộc Thái Đen là họ đều tự tay làm tất cả, từ khâu chuẩn bị nguyên liệu, dệt vải, nhuộm màu, nhuộm chỉ và thêu thành sản phẩm. Xưa kia người dệt dùng những nguyên liệu tự mình tạo nên từ trồng dâu, nuôi tằm lấy sợi và tìm kiếm màu sắc từ thiên nhiên để pha thành những sắc màu đa dạng. Tùy vào từng mẫu hoa văn trên tấm thổ cẩm người dệt có thể pha, nhuộm các màu độc đáo khác nhau. Những tấm vải dệt lên có thể tạo thành váy, áo, khăn Piêu, những chiếc gói xinh xắn,...

Thổ cẩm của người Thái Đen thường sử dụng các màu trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây, tím... tạo ấn tượng mạnh. Hoa văn trên trang phục cũng như các vật dụng làm từ thổ cẩm thường theo mô típ tượng trưng, cách điệu các hình tượng từ thiên nhiên và đời sống thường ngày như hoa lá, động vật,... Những họa tiết này được kết hợp một cách khéo léo, cân đối và mang đặc trưng tính cách, thẩm mỹ và tài nghệ của từng người làm ra. Hoa văn trên thổ cẩm diễn tả những tình cảm, suy nghĩ của con người về cuộc sống xã hội và tự nhiên chứ không sao chép nguyên mẫu. Mỗi hoa văn đều có ý nghĩa nhất định trong tổng thể khung hoa văn trên mỗi tấm thổ cẩm. Qua đôi bàn tay khéo léo của người phụ nữ, vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày được khắc họa sinh động, rồi chính những trang phục ấy lại phục vụ cuộc sống sinh hoạt của đồng bào dân tộc Thái Đen tỉnh Luông Nặm Thà.

Nghệ thuật trang trí của người Thái Đen rất phong phú và độc đáo. Họa tiết thường đối xứng với nhau, phản ánh quan niệm về sự hòa hợp trường tồn của cuộc sống, quan niệm về vũ trụ, triết lý âm dương, đất trời cùng vạn vật... Lấy thiên nhiên làm hình mẫu, sản phẩm thổ cẩm của người Thái Đen như những bức tranh phong cảnh thiên nhiên thu nhỏ, đó là những hình thoi như quả trám chạy

viền, hoa ban cách điệu, con suối với thác ghềnh tung bọt trắng xóa, những chùm hoa buông dài như xà tích, lá đơn, lá kép, búp cây, dây leo,... Âm dương hòa hợp thể hiện sự khát khao hướng tới sự sinh sôi nảy nở, sự khát vọng chung sống thuận hòa theo quy luật của muôn đời, được thể hiện vô cùng tinh tế và phải trải qua nhiều thế hệ trao truyền, chắt lọc mới có được.

Có tới hơn 20 loại hoa văn, họa tiết được thể hiện sống động trên thổ cẩm và phù hợp với từng loại sản phẩm khác nhau, thể hiện tâm hồn hướng đến thiên nhiên và vẻ đẹp của người phụ nữ Thái Đen. Đối với khăn Piêu thì hoa văn trang trí với màu sắc đa dạng, sinh động và hài hòa. Nét đặc biệt của nghệ thuật thêu khăn Piêu là họa tiết ở mặt trái nhưng hoa văn lại hiện ra ở mặt phải nên để thêu nên một chiếc khăn Piêu đẹp theo lối truyền thống đòi hỏi người phụ nữ Thái Đen phải nắm chắc nguyên tắc, kỹ thuật, bởi tính phức tạp của kỹ thuật thêu nên khăn Piêu được coi là một tiêu chuẩn xã hội để đánh giá người phụ nữ. Qua chiếc khăn Piêu có thể biết được chủ nhân của nó là người tài hoa, siêng năng, chịu khó hay là người lười nhác, vụng về. Khăn Piêu của phụ nữ Thái Đen không chỉ mang giá trị thẩm mỹ mà còn mang tính xã hội. Cùng với váy, áo, khăn Piêu góp phần tạo nên một nét đẹp, một sắc thái riêng, hấp dẫn về trang phục truyền thống của dân tộc Thái Đen. Ngắm nhìn từng sản phẩm lại mang cho ta cảm nhận mỗi một người con gái Thái Đen là một nghệ nhân tài hoa. Việc biết thêu thùa, dệt vải được coi là tiêu chuẩn, là sự tất yếu cần phải có như người Thái Đen thường nói “Nhinh hụ tám phen”, nghĩa là con gái phải biết làm vải. Vì vậy các cô gái trong bản từ khi mới lớn đã biết dệt vải, thêu thùa. Mỗi khi các cô gái ngồi vào khung cửi, mỗi họa tiết như có hồn, lung linh sống động, nhằm ca ngợi đôi bàn tay khéo léo của người phụ nữ đã thêu lên những sản phẩm thổ cẩm để phục vụ cho bản thân, gia đình và một phần cung cấp cho thị trường. Cho đến nay nghề thêu, dệt thổ cẩm truyền thống của phụ nữ dân tộc Thái Đen vẫn lưu giữ được cái hồn của mình, góp phần tạo nên một nét văn hóa độc đáo riêng của dân tộc Thái Đen ở Lào nói chung, người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nói riêng.

Dân tộc Thái Đen tập trung nhiều ở huyện Luông Nặm Thà vì thế trong huyện này có nhiều làng dệt nổi tiếng, nhất là bản Nặm Nghen, bản Thông Ôm, bản Hua Khoa, bản Thông Cháy, bản Pa Sắc, bản Thông Pung và còn nhiều bản nữa. Qua trao đổi trực tiếp với ông Hom trưởng bản Nặm Nghen được biết: năm 2016, Nặm Nghen có 126 hộ gia đình. Trong đó có 32 gia đình làm nghề dệt vải bằng tay. Có 55 khung dệt. Sản phẩm từ nghề dệt của người Thái Đen ở bản Nặm Nghen có nhiều mặt hàng như: váy, chân váy... Những sản phẩm từ nghề dệt đã thu hút nhiều khách hàng và thu nhập từ nghề này ngày càng tăng lên. Từ đó, sản phẩm làm ra ngày càng nhiều và có thể đáp ứng nhu cầu của xã hội. Điều đó được thể hiện rõ qua số liệu thống kê thu nhập từ những sản phẩm dệt của người Thái Đen ở bản Nặm Nghen năm 2016 sau đây: Váy, 330 chiếc (214.500.000 kíp). Chân váy, 524 chiếc (62.880.000 kíp). Như vậy nghề dệt không chỉ phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của các gia đình mà còn tạo ra sản phẩm hàng hoá đem lại nguồn thu nhập cho dân. Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà.

2.3.2. Đan lát

Trong các nghề truyền thống, nghề đan lát của đồng bào Thái Đen có từ lâu đời, và phổ biến trong cộng đồng người Thái Đen ở các tỉnh. Riêng tỉnh Luông Nặm Thà, đây được xem là công việc của người đàn ông Thái Đen nên từ bé họ đã được ông bà, cha mẹ truyền dạy rất kỹ. Nhờ vậy, mọi sản phẩm từ đơn giản đến phức tạp họ đều thực hiện thuần thục. Ngoài yêu cầu kinh nghiệm, thợ đan lát còn phải khéo léo, công phu, tỉ mỉ trong từng công đoạn mới tạo thành sản phẩm như ý.

Do điều kiện tài nguyên tự nhiên của tỉnh Luông Nặm Thà rất phong phú, việc sử dụng những nguyên liệu để thực hiện từng sản phẩm đan lát, hầu như sẵn có trong tự nhiên: mây, tre, nứa, giang... Tuy vậy việc lựa chọn nguyên liệu cần kỹ càng- là một trong những bước quan trọng của nghề đan lát: tre, nứa đã già, ống cây phải thẳng. Sau khi mang về nhà, tre không nên để lâu (tránh mốc, khô

sẽ khó chẻ), được cắt khúc từng đoạn, sau đó chẻ nan và vót tre làm sao phù hợp với từng loại sản phẩm. Các nan tre được chẻ và vót khá đều nhau, trước khi đan thường được ngâm nước để tăng độ dẻo. Kỹ thuật đan của đồng bào Thái Đen khá đa dạng: ô vuông, ngang, dọc, đan bắt chéo... Mỗi sản phẩm muốn bền đẹp phải mất ít nhất vài ba ngày, thậm chí những sản phẩm phức tạp có khi mất cả tháng trời. Sau khi hoàn thiện, bà con thường gác trên bếp để hun khói, giúp đồ vật bền hơn, tránh mối mọt.

Ép khẩu: Là chiếc giỏ đựng cơm nếp trong bữa cơm ở nhà, khi vào rừng, đi nương rẫy. Ép khẩu thường là hình trụ, có nhiều màu, một cái ép khẩu bao gồm 2 bộ phận: thân và nắp. Đó là 2 hình trụ rỗng đan theo kiểu lồng đôi có thể lồng khít vào nhau. Phần thân được đan kép, mặt đáy và mặt nắp được đan rời tạo thành hình tròn rồi dùng mây, giang khâu liền với thân và nắp. Phần trên của thân được đan hoa văn.

Huột: Cùng với đan ép khẩu, người Thái Đen ở tỉnh này còn đan huột (cái chõ đồ xôi hoặc cái hấp xôi). Nồi đồ xôi của người Thái Đen cũng phải có ít nhất 2 tầng. Tầng dưới, gọi là “mỏ nong”. Tầng này là tầng đựng nước, để khi nấu sôi thì hơi nước bốc lên trên làm cho chín gạo. Tầng thứ 2 trở lên gọi là huột, dùng để chứa gạo. Đáy của tầng này luôn phải có lỗ rất nhỏ để cho hơi nước bốc lên được. Nguyên liệu chính mà người Thái Đen sử dụng để đan huột là tre. Gia đình người Thái Đen nào cũng đều có cái chõ đồ xôi. Có thể nói, cái chõ đồ xôi là sản phẩm từ đan lát chủ yếu mà bất kể gia đình nào cũng không thể thiếu được. Đây cũng là một sản phẩm mang lại thu nhập đáng kể cho họ. Giá bán một cái chõ đồ xôi thấp nhất là 7.000, cao nhất cũng là 25.000 kíp (tương đương gần 18.000 gần 70.000 đồng).

Vinh (Vợt xúc cá): Đã từ lâu, vợt xúc cá đã trở thành vật dụng quen thuộc của nhiều gia đình đồng bào dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà cũng vì thế mà nghề đan vợt xúc cá ra đời. Trước đây, chỉ do đàn ông đảm nhiệm, nhưng nay, từ trẻ nhỏ đến người già, phụ nữ hầu hết đều biết làm, trở thành nét độc đáo

trong đời sống sinh hoạt, tạo thêm nguồn thu nhập, giúp người dân cải thiện đời sống.

Trước đây, nguyên liệu đan vợt được làm từ vỏ cây pán, cây po mọc tự nhiên trong rừng. Vỏ cây có 2 lớp, cạo phần vỏ ngoài lấy phần trong phơi khô, xe thành những sợi nhỏ dẻo, chắc để đan vợt. Cũng bởi công đoạn nặng nhọc này mà trước đây làm vợt xúc cá chỉ do đàn ông đảm nhiệm. Bây giờ người dân không mất nhiều công làm sợi cây po, cây pán nữa mà chuyển sang đan vợt bằng dây dù, bởi sự tiện lợi là có sẵn ngoài thị trường mà vợt làm bằng dây dù ngâm nước được lâu và bền hơn. Chính vì thế, bây giờ phụ nữ và trẻ nhỏ cũng có thể đảm nhiệm công việc làm vợt. Vợt xúc cá dùng để xúc ở các khe suối, bờ ao, sản phẩm thu được thường là tôm, cua, cá... Ngoài ra, khi tháo ao, tháo ruộng, vợt được dùng đặt vào khe nước chảy để hứng tôm, cá. Qua tìm hiểu được biết, vợt xúc cá có hình túi, mắt vợt nhỏ 0,3-0,4cm², đáy vợt tròn nhỏ khoảng 7cm, miệng rộng 60-70cm, được cạp với thanh tre nhỏ uốn thành hình tam giác. đan khoảng 5-6 ngày xong 1 cái.

Gia đình bà Deng, bản Púng, với 7 thành viên cũng ngồi quay quần, chăm cùi đan vợt, bà bảo: Người dân ở bản này hầu như ai cũng biết đan vợt, mỗi chiếc vợt bán được 25 nghìn kíp (tương đương gần 65.000 đồng). Tranh thủ thời gian rảnh rỗi, gia đình tôi mỗi tháng đan được 10-15 cái vợt, có thêm thu nhập phục vụ sinh hoạt gia đình.

Có thể nói: Đan lát là một nghề khá đặc trưng của người Thái Đen. Người Thái Đen có câu: “Nếu dệt vải là tiêu chí để đánh giá người con gái, thì đan lát là tiêu chí để đánh giá người con trai”. Đan lát đối với gia đình người Thái Đen là một nghề thủ công truyền thống phổ biến, đặc trưng. Tuy nhiên việc dạy nghề, truyền nghề là hoàn toàn tự phát, “cha truyền con nối” chưa chuyên môn hóa, chưa tập trung mà chỉ nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình.

2.4. Buôn bán trao đổi

Buôn bán trao đổi là một trong những hoạt động kinh tế của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà là sự kết hợp giữa hoạt động trao đổi các sản phẩm thủ công, sản phẩm của hái lượm, săn bắn và sản xuất nông nghiệp. Tỉnh Luông Nặm Thà có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống. Đông nhất là người Lào, người Khơ mu... Theo đó, việc trao đổi hàng hóa của người Thái Đen cũng xuất hiện và được duy trì không chỉ trong nội bộ của tộc người Thái Đen mà còn diễn ra giữa tộc người Thái Đen với các tộc người khác. Tức là hoạt động trao đổi chỉ diễn ra trong cộng đồng hoặc giữa họ và các dân tộc khác dưới hình thức vật đổi vật. Hình thức trao đổi chủ yếu của người Thái Đen là: vật đổi vật có định giá và không định giá. Giá cả do hai bên thỏa thuận và tùy thuộc vào từng loại sản phẩm. Loại vật được đem ra trao đổi chủ yếu là nông sản, gia súc, đồ đan lát. Khi đó, rất ít người Thái Đen bán hàng tại các chợ lớn của huyện và trung tâm bán hàng. Sự trao đổi, mua bán chỉ diễn ra tại làng bản của họ.

Trong các loại sản phẩm của người Thái Đen thì sản phẩm từ nghề dệt được đem trao đổi nhiều nhất như: vải, váy, khăn... Chẳng hạn: người Thái Đen đem một miếng vải đổi lấy 3-4 con gà với người Khơ Mú; đem 1 chiếc váy đổi lấy 15kg muối với người Lào; đem 1 chiếc váy đổi lấy 3-4 con dao với người Mông... Sự hội tụ của nhiều dân tộc sống cận cư ở tỉnh Luông Nặm Thà là điều kiện cho sự hình thành, tồn tại và phát triển của loại hình chợ phiên.

Hiện nay, cơ chế thị trường phát triển, hàng hóa lưu thông. Nhiều chợ, nhiều trung tâm trao đổi buôn bán xuất hiện. Hoạt động buôn bán của người Lào, người Khơ Mu, người Thái Đen phát triển. Sản phẩm của họ tạo ra cũng đa dạng và phong phú hơn. Hình thức trao đổi buôn bán cũng vì thế mà thay đổi. Ngoài buôn bán tại các chợ và trung tâm buôn bán, họ còn xây cửa hàng tại làng bản. Đặc biệt, cũng có một số gia đình lấy nhà ở làm nơi bán hàng. Mặt hàng chủ yếu họ thường bán là những nhu yếu phẩm cần thiết trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày như: bánh kẹo, mỳ tôm, nước ngọt, mỳ chính, muối, nước mắm, dầu ăn,

thuốc lá, bật lửa... và các loại đồ uống (chủ yếu là bia, rượu, nước ngọt, trà, cà phê...). Khác hẳn với những mặt hàng buôn bán tại chợ và trung tâm. Ở chợ và trung tâm, người Thái Đen thường bán: quần áo, đồ trang sức, công cụ lao động, vàng bạc... như những người buôn bán là người dân tộc khác.

Qua điều tra ở các bản có người Thái Đen sinh sống đã thống kê được số lượng hộ gia đình người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà làm nghề buôn bán như sau:

Bảng 2.7. Thống kê số lượng hộ gia đình người Thái Đen làm nghề buôn bán ở tỉnh Luông Nặm Thà năm 2016

STT	Tên huyện	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình buôn bán
1	Luông Nặm Thà	2776	164
2	Sing	276	25
3	Long	206	19
	Tổng cộng	3258	208

[Nguồn: Thu thập trực tiếp từ phòng kế hoạch và tư tỉnh LNT]

Ngoài những hoạt động kinh tế đã kể trên đây, người Thái Đen còn làm công chức và cán bộ trong các cơ quan nhà nước. Hiện nay, có rất nhiều đơn vị và nhiều cơ quan có nhân viên và cán bộ là người Thái Đen. Do trình độ nhận thức được nâng cao đã giúp họ có hiểu biết về vị trí và vai trò của những người làm công chức trong các cơ quan nhà nước. Vì vậy, gia đình nào cũng mong muốn và động viên con cái mình học hành để trở thành công chức nhà nước, làm việc trong nhiều lĩnh vực phục vụ cho xã hội. Có thể nói người Thái Đen đã góp sức mình vào nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục góp phần phát triển đất nước một cách toàn diện. Hiện nay, trong các cơ quan lãnh đạo từ cấp thấp đến cấp cao đều có sự tham gia của người Thái Đen. Đơn cử ở Trường Cao đẳng Sư phạm Luông Nặm Thà, một trong 8 trường Cao đẳng Sư phạm của nước CHDCND Lào có nhiệm vụ đào tạo giáo viên giảng dạy các cấp mầm non, tiểu

học, trung học cơ sở (nơi tác giả luận văn đang công tác) có 138 cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý, thuộc nhiều dân tộc khác nhau. Trong đó, có 35 cán bộ, giảng viên là người Thái Đen.

Bên cạnh những ngành nghề đã kể trên đây, hiện nay còn có một bộ phận người Thái Đen làm thuê mang tính tự do ngoài xã hội. Nhất là những gia đình nghèo, không có đất đai trồng trọt, không có vốn đầu tư. Tiền công của nhóm người này khá rẻ. Số lượng của nhóm người này không nhiều. Họ thường làm việc cho những gia đình giàu có và những gia đình buôn bán lớn.

Như vậy tộc người Thái đen hiện nay trên tỉnh Luông Nặm Thà không chỉ gìn giữ phát huy những ngành nghề truyền thống của tộc người mình. Mà còn nâng cao trình độ văn hóa để tham gia các hoạt động của tỉnh nhà, của đất nước. Chứng tỏ sự năng động của một tộc người trong cộng đồng các dân tộc ở quốc gia Lào.

Tiểu kết chương 2

Từ năm 1986, dưới tác động của điều kiện mới đã diễn ra quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở vùng người Thái Đen cư trú. Sự thay đổi về đời sống kinh tế của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà được diễn ra theo từng giai đoạn, theo từng ngành kinh tế. Cụ thể: Trong trồng trọt, bên cạnh hình thức canh tác chính là trồng lúa nước và nương rẫy cũng xuất hiện nhiều hình thức canh tác mới như: làm vườn; trồng sắn, khoai lang, ngô, lạc và trồng các cây công nghiệp như: cao su, mía, bông, gỗ. Sản xuất nông nghiệp ở mức độ nào đó đã có sự ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại, góp phần làm tăng sản lượng và làm tăng chất lượng sản phẩm. Trong chăn nuôi, bên cạnh việc chăn nuôi các loại gia súc như: trâu, bò, lợn và gia cầm, đã xuất hiện việc đào ao thả cá tuy chưa phổ biến. Hiện nay, việc chăn nuôi ngày càng được quan tâm chăm sóc và áp dụng các biện pháp kỹ thuật. Sản phẩm chăn nuôi được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau. Trong đó, mục đích hàng hóa được quan tâm. Thủ công nghiệp chủ yếu là nghề phụ gia đình. Trong đó, dệt vải là ngành thủ công truyền thống của người Thái đen có từ lâu đời. Sản phẩm từ nghề dệt có nhiều loại như: váy, khăn, vải may

quần áo, túi... Đan lát là nghề thủ công phổ biến ở mỗi gia đình. Đây là công việc phù hợp với người đàn ông, đặc biệt là người cao tuổi. Các sản phẩm của nghề thủ công không chỉ đáp ứng nhu cầu của cộng đồng mà còn đáp ứng nhu cầu của các dân tộc khác. Khai thác nguồn lợi tự nhiên, bên cạnh sự tồn tại của săn bắt, hái lượm truyền thống, các hoạt động khai thác lâm thổ sản có giá trị hàng hóa như măng rừng, nấm rừng, tre, luồng, gỗ, củi được đem ra thị trường tiêu thụ đem lại nguồn thu nhập cho cuộc sống hàng ngày của họ.

Có thể nói, đời sống kinh tế của người Thái đen hiện nay có nhiều thay đổi lớn. Sự thay đổi đó được diễn ra theo xu hướng đi lên. Việc sản xuất nương rẫy giảm, các hình thức sản xuất khác tăng lên, nhất là việc làm ruộng, trồng ngô và các sản phẩm nông nghiệp khác. Vì thế, đời sống của đồng bào người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà ổn định và có tính bền vững hơn, có điều kiện chú trọng hơn đến đời sống chính trị văn hóa, để nâng cao chất lượng cuộc sống.

Chương 3

ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN

Ở TỈNH LUÔNG NẶM THÀ NƯỚC LÀO GIAI ĐOẠN 1986-2016

“Văn hóa” là một khái niệm mà cho đến nay còn có nhiều cách hiểu khác nhau: Tác giả Lakheun Vongsaly định nghĩa văn hóa là những giá trị do con người sáng tạo nên trong qua trình phát triển của lịch sử xã hội loài người. Văn hóa là những giá trị truyền thống của một cộng đồng, một dân tộc được lưu giữ qua nhiều thế hệ [39; tr 10]. Tác giả Trần Ngọc Thêm định nghĩa: “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình” [25, tr.17-18]. Tác giả Trần Quốc Vượng định nghĩa “Văn hóa có thể coi là tổng thể những nét riêng biệt của tinh thần và vật chất, trí tuệ và cảm xúc quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm: nghệ thuật, văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng” [28, tr. 23].

Lào là một quốc gia đa dân tộc, có nền văn hóa chung “thống nhất trong đa dạng”, song mỗi dân tộc lại có địa cực cư trú, một điều kiện hoàn cảnh lịch sử địa lý văn hóa riêng qua thời gian phát triển của mình mỗi dân tộc lại tạo dựng nên một truyền thống văn hóa đầy bản sắc, và chính bản sắc riêng đó đã xây đắp nên tổng thể bản sắc của dân tộc Lào đa dạng và phong phú.

Về văn hóa dân tộc Thái Đen ở Luông Nặm Thà là đòi hỏi phải được nghiên cứu cụ thể, chi tiết thêm bởi tính lịch sử và thời sự của nó. Vì vậy, để tìm hiểu về văn hóa dân tộc Thái đen ở Luông Nặm Thà, tác giả sử dụng khái niệm của văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình nghiên cứu văn hóa dân tộc Thái Đen trên hai góc độ văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

3.1. Văn hóa vật chất

Văn hóa vật chất là các giá trị văn hóa tồn tại một cách hữu hình mà con người có thể nhận biết một cách cảm tính, trực tiếp qua các giác quan có giá trị văn hóa, lịch sử, khoa học, được cộng đồng dân tộc, nhân loại thừa nhận. Đó là một bộ phận của văn hóa nhân loại, thể hiện đời sống tinh thần của con người dưới hình thức vật chất; là kết quả của hoạt động sáng tạo, biến những vật và chất liệu trong thiên nhiên thành những sản phẩm có giá trị sử dụng và giá trị thẩm mỹ, nhằm phục vụ cuộc sống con người.

3.1.1. Nhà cửa

Ở mỗi ngôi nhà, từ kiến trúc cho đến các đồ vật đều thể hiện tính triết lý nhân sinh của đồng bào dân tộc. Bởi ngôi nhà không chỉ đơn thuần là một yếu tố vật chất trong đời sống của mỗi gia đình, mà nó còn là yếu tố tinh thần. Với người Thái đen, nhà là một vật thể linh thiêng. Ngôi nhà truyền thống của người Thái đen ở Lào nói chung, ở tỉnh Luông Nặm Thà nói riêng, và nhiều dân tộc thiểu số khác ở Lào đều là nhà sàn. Nhà sàn của người Thái đen là một công trình kiến trúc tài hoa, hoà đồng với thiên nhiên, đất trời cùng vạn vật. Từ kiến trúc xây dựng đến nghệ thuật trang trí đều bắt nguồn từ thực tế cuộc sống khách quan được cách điệu hoá đạt tới trình độ thẩm mỹ cao.

Về nhà cửa của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà cũng giống tộc người thái ở nơi khác đã sáng tạo ra nhà sàn. Những ngôi nhà của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà được làm bằng các loại cây thân gỗ và các loại cây khác như: tre, vầu, nứa... chôn cột hoặc kê trên phiến đá có một mặt phẳng và được lợp bằng cỏ gianh hay lá cọ. Thay vì đóng đinh thì giữa các mấu nối được buộc bằng dây chằng, thắt nút khá công phu và tinh xảo. Dây buộc là giang, mây hoặc vỏ những cây chuyên dùng như năng hu, năng xa. Khi làm nhà để nối các cột kèo, người Lào thường lắp mộng còn nhà sàn người Thái đen sử dụng những đòn dầm xuyên suốt qua các cột. Vì vậy, kiến trúc nhà sàn của người Thái đen nhìn đơn giản nhưng chắc chắn. Nhà của người Thái đen có mái giống hình con

rùa. Phía trên mái nhà có Khau Cút là hai thanh tre để chéo nhau. Người Thái đen lấy kiểu dáng và chất liệu làm nhà là tre hay gỗ làm căn cứ vào để phân biệt các tầng lớp trong xã hội.

Ngôi nhà có từ 3 gian, 5 gian hoặc 7 gian theo điều kiện của từng gia đình, cao ráo, rộng rãi, thoáng mát. Mỗi gian nhà được bố trí và có vai trò rất rõ ràng. Trong ngôi nhà, thì gian chính giữa trang trọng nhất và là nơi người Thái đen đặt ban thờ. Trong gian này chỉ có nam giới mới được ngủ lại. Còn người phụ nữ, nhất là người con dâu khi đi qua gian nhà này phải cúi người xuống.. Có hai cầu thang lên xuống : "Tang chan" và "Tang quản", "Tang chan" ở cuối nhà, bên trái dành cho phụ nữ lên xuống. "Chan" là phần sàn nhà được nối dài ra ngoài trời. Đây là nơi các mẹ, các chị, các em... thường ngồi chơi lúc nhàn rỗi, thêu thùa, cầu thang này bao giờ cũng mang số lẻ, thường là 9 bậc, cầu thang dành riêng cho nam giới, "tang quản" ở đầu nhà, thường có 7 bậc.

Trước đây nhà không có buồng riêng. Mỗi cặp vợ chồng, con cái ở một gian, dùng màn đen, theo thứ bậc từ ông bà, cha mẹ, con trưởng trở xuống , và tính xếp từ phía quản sang phía "chan". Trong nhà có thể có vài ba thế hệ cùng chung đầm ấm, hoà thuận do người trưởng gia điều hành.

Che chắn mỗi gian là một chiếc "phả man" (rèm ruy đô) bằng vải hoa, màu hoa văn rực rỡ. Phía đầu giường ngủ là hàng chông (bem) hòm các loại, chăn đệm, màn, khít quần áo của gia đình. Trong nhà thường có khung cử để dệt vải, khít, mặt, chần... Thường là đặt ngay cửa sổ, gần chỗ ngủ của cô gái. Chỗ đó làm sao để người ngoài dễ dàng nhìn thấy. Vì ngày xưa con gái mà không biết dệt vải thì không lấy được chồng vì những của hồi môn của người Thái ngày xưa do chính bàn tay các cô gái làm ra như gối, chần, đệm không chỉ dành cho đôi vợ chồng mà còn mang về tặng cho nhà trai như bố mẹ chồng, ông bà舅, những người bề trên. Đặc biệt số chần, gối làm số lượng nhiều để chia cho nhà trai. Chính vì vậy không gian dệt trong ngôi nhà được người ta xem trọng. Trong gia đình có con gái Thái thì phải có khung dệt. Nếu không có khung dệt thì họ cho

rằng người con gái đó lười biếng không biết làm gì, lười sẽ bị xã hội chê cười và khó lấy chồng.

Trong nhà người Thái có 2 bếp lửa. Bếp lửa chính thường đặt ở giữa ngôi nhà và dùng để tiếp khách. Bên ánh lửa bập bùng, cả chủ và khách ngồi quây quần, chia sẻ những câu chuyện về cuộc sống để làm cho mối quan hệ thêm khăng khít, gần nhau hơn. Còn bếp lửa phía cuối nhà dùng vào việc nấu nướng, sinh hoạt hàng ngày. Trên bếp có gác bếp là “Xạ” và “Thàn”. “Xạ” là phía dưới và họ để những gì thường xuyên sử dụng như mắm muối, nồi niêu, vật dụng đan lát còn những gì ít sử dụng như dây mây dùng dãn, mẹt, cót để ở cót trên.

Nhà của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà xưa, nhất thiết phải có 4 thứ là: Mỏ nung, tin he, mạ đập, làm ống (cái ninh, chân chài, thanh guom, khẩu súng kíp).

Nhà sàn của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà hiện nay cũng đã có nhiều thay đổi. Để đảm bảo vệ sinh, đa phần người Thái đen không còn buộc trâu, bò ở dưới gầm sàn, làm chuồng gia súc riêng. Quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng đã đẩy lùi kiến trúc nhà sàn truyền thống. Những năm gần đây, việc sử dụng vật liệu vào việc làm nhà sàn có nhiều thay đổi. Vật liệu làm nhà chính vẫn là gỗ nhưng mái lợp bằng tôn, ngói, prô.

Đặc biệt, cùng với quá trình đô thị hóa của tỉnh, hiện nay nhiều ngôi nhà truyền thống ở tỉnh Luông Nặm Thà với mái ngói, mái gianh hình mu rùa không còn nữa. Mà thay vào đó là những ngôi nhà cao tầng mái bằng hiện đại xây dựng bằng bê tông cốt thép. Xu thế ngói hóa biến đổi từ mái khum thành mái phẳng, kiểu dáng vẫn là nhà sàn truyền thống nhưng kết cấu đã thay đổi nhiều. Cầu thang lên xuống bằng gỗ được thay thế bằng cầu thang bê tông chắc chắn, nhiều ngôi nhà chỉ còn một lối cầu thang. Cuộc sống trong thời đại mới, đặc biệt là những vùng hẻo lánh, xa xôi như tỉnh Luông Nặm Thà đã có nhiều thay đổi. Rất nhiều gia đình người Thái đen đã bỏ kiểu nhà sàn truyền thống của dân tộc mình và chuyển sang ở nhà kiểu hiện đại gọi là nhà tầng.

Kết quả điều tra 180 hộ người Thái Đen cho thấy, họ đều có công trình nhà ở kiên cố, được xây dựng bằng vật liệu mới gạch, đá. Đồ dùng sinh hoạt của cư dân các hộ này rất phong phú, tiếp cận công nghệ như Tivi, tủ lạnh, điện thoại, điều hoà. Phương tiện đi lại cũng thay đổi do đường làm, thôn được xây dựng, mở rộng nên họ biết sử dụng xe máy, ô tô.

Bảng 3.1. Thống kê phương tiện sinh hoạt của người Thái Đen ở tỉnh Luông Năm Thà năm 2016

Stt	Nội dung	Số hộ gia đình điều tra	Tổng số hộ được điều tra
1	Ti vi	180	180
2	Tủ lạnh	180	
3	Đài/radiô	87	
4	Điện thoại	180	
5	Điều hoà	18	
6	Máy giặt	39	
7	Máy tính	14	
8	Phương tiện đi lại	114	
9	Các tiện nghi khác (như cái quạt, loa...)	81	

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

3.1.2. Đời sống ẩm thực

Ẩm thực là “chiếc gương soi” chân thực cho nền văn hóa của mỗi dân tộc. Ẩm thực cũng là một cách để mỗi dân tộc quảng bá nền văn hóa của họ. Nền văn hóa ẩm thực của mỗi dân tộc đều lớn lên và đi cùng với mỗi bước phát triển của dân tộc đó, là một khía cạnh để đánh giá dân tộc đó có một nền văn hóa phát triển rực rỡ, sát cánh với nền ẩm thực đa dạng, phong phú, muôn hình, muôn vẻ của quốc gia đang phát triển từng ngày. Bên cạnh những món ăn hiện đại là cả một kho tàng phong phú về những món ăn cổ truyền hấp dẫn muôn vàn thể hệ của các tộc người.

Truyền thống ăn uống của mỗi dân tộc là biểu hiện nét đặc tính của dân tộc đó. Người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà trong những điều kiện kinh tế, xã hội nhất định đã biết chế biến các món ăn từ nguồn lương thực, thực phẩm do mình sản xuất và thu hái lượm từ môi trường tự nhiên theo cách thức riêng của mình và đã được định hướng qua hàng trăm thế hệ, góp một hương sắc riêng vào rừng hoa văn văn hóa các dân tộc Lào.

Một trong những đặc trưng nổi bật của dân tộc Thái đen là văn hóa ẩm thực nông sản chính của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà là gạo nếp. Gạo nếp là loại gạo được dùng chủ yếu trong bữa ăn hàng ngày. Trong một bữa cơm đều có cơm nếp đặt trong mâm cơm. Ngoài ra, gạo nếp còn được dùng trong những dịp tế lễ, ngày hội, tiếp khách; được chế biến thành nhiều loại món ăn như: bánh, xôi, nấu rượu. Bên cạnh gạo nếp, còn có những lương thực phụ khác gồm: ngô, khoai, gạo tẻ, gạo tẻ ngày nay đã có vai trò chủ đạo trong bữa cơm của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà. Dụng cụ dùng nấu nướng và ăn uống của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà rất phong phú gồm: Hay khẩu là cái chõ gỗ, hông dùng để đựng gạo, hay khẩu được đặt lên cái một nồi gọi là mỏ nụng (là cái ninh dùng để đồ xôi, đun nước uống); mỏ keng (là cái nồi để nấu canh); mó kháng (là cái chảo dùng để rán, rang, chiên)... Từ gạo nếp chế biến thành cơm đối với người Thái đen khá cầu kỳ, mang đậm bản sắc dân tộc. Có hai các chế biến gạo chủ yếu là nấu xôi và làm cơm lam.

Cơm lam (khẩu lảm)

Đây là món ăn đặc trưng của nhóm người Lào-Tày trong đó có người Thái Đen. Dụng cụ chính mà người Thái Đen ở Luông Nặm Thà dùng để làm cơm lam là ống nứa và ống trùng. Sở dĩ chọn những loại cây này chúng có lóng (lạng) dài, nhưng chọn lóng còn non, có vị ngọt và còn hương thơm. Lấy được nứa hoặc trùng ở rừng về phải chặt ngay ra từng ống. Mỗi ống chỉ để lại một bên mắt, dùng nước súc sạch rồi cho gạo đã ngâm mềm vào. Đầu tiên, vo gạo cho sạch rồi ngâm nước khoảng 1-2 tiếng, vớt ra rửa để ráo. Tiếp theo người Thái trộn gạo với nước

dừa và muối, rồi đổ gạo vào ống nứa, thêm nước ngập gạo. Để cho món cơm lam ngon, người Thái không đổ nhiều gạo mà cách miệng ống khoảng một đoạn để khi gạo chín sẽ nở đầy kín miệng ống. Dùng lá chuối đập kín miệng ống rồi nướng trên lửa. Khi nướng liên tục xoay ống nứa để cơm được chín đều. Đến khi thấy hơi nước bốc ra từ miệng nắp có mùi thơm là cơm lam đã chín. Sau đó chẻ lớp vỏ bên ngoài để lại lớp lát mỏng. Khi ăn bóc vỏ và ăn cùng với muối vừng sẽ rất ngon.

Cơm lam là một món ăn giản dị, độc đáo và luôn tạo được sự bất ngờ cho người ăn. Món cơm tưởng chừng rất đơn giản trong nguyên liệu và cách làm nhưng ngược lại là cả một nghệ thuật, một ý tưởng của người Thái về sự hòa quyện giữa nước, lửa và những ống nứa non. Ngày xưa, cơm lam là món ăn mang đi rừng dài ngày của đồng bào dân tộc Thái. Người đi rừng chỉ việc mang đi ít gạo, lên rừng chặt ống nứa, dùng nước suối và tìm củi khô để chế biến cơm lam. Ngày nay, trong ngày hội văn hóa các dân tộc, người Thái thường trình diễn món cơm lam để giới thiệu nét ẩm thực đặc sắc gắn với văn hóa tộc người đến với bạn bè gần xa.

Cá nướng (pính pa tộp)

Đây là món phổ biến nhất trong bữa cơm hàng ngày của người Thái, bởi lẽ, cá nướng không đòi hỏi phải cần dụng cụ nấu như xoong, nồi, chỉ cần vài con cá, 1 con dao, vài thanh nứa tươi là có thể làm món cá nướng thơm ngon rồi. Món cá nướng thường có cách làm cầu kỳ ngay từ khâu chọn nguyên liệu. Món cá nướng này sử dụng nguyên liệu là cá chép hay trôi, trắm và một số loại cá suối khác. Cá được làm sạch vẩy rồi mổ, khác với cách mổ cá thông thường ở dưới bụng, người Thái đen mổ dọc theo sống lưng, để cá dễ gập úp lại, rồi khía những đường song song trên mình cá để ngấm gia vị. Dao mổ cá phải thật sắc, vết mổ thật gọn để giữ được nguyên các thớ thịt. Tiếp theo, cá được sát qua chút muối cùng ớt bột khô để khử bớt mùi tanh, sau đó dùng gia vị, gừng, tỏi, sả, hành, rau thơm rừng, ớt bột... băm nhỏ, trộn lẫn với nhau và sát đều lên mình là nhồi vào

trong bụng cá. Người Thái sẽ gấp đôi mình con cá theo chiều ngang, kẹp vỉ hoặc que nướng bằng tre tươi để giữ và nướng đều trên than hoa đã quạt hồng. Lửa than phải đều và nhỏ để cá chín đều và ngấm.

Suốt quá trình nướng, những gia vị được tẩm ướp và kẹp trong bụng cá sẽ thấm dần, giúp món ăn vừa nhanh chín, lại có hương vị thơm ngon đậm đà hơn. Cá vừa chín tới, người làm gỡ khỏi vỉ và bày lên đĩa. Mùi thơm ngọt của cá chín quyện hương nồng từ các gia vị tỏa ra đầy mời gọi. Nhiều thực khách miền xuôi khi nếm thử cũng phải cất lời khen hương vị độc đáo không lẫn với bất cứ món cá nào từng thưởng thức trước đó. Thưởng thức miếng cá mới thấm được sự giỏi giang và cầu kì của người Thái đen trong việc bếp núc, khéo léo, tỉ mỉ từng công đoạn và cách pha chế các gia vị với nhau thật độc đáo.

Món rêu

Trong mâm cơm của người Thái có nhiều món ăn, mỗi món đều có hương vị đặc trưng riêng và chúng còn hấp dẫn hơn bởi cách chế biến cầu kỳ, lạ mắt. Đặc trưng nhất là món nướng bởi hương vị đậm đà, giàu chất dinh dưỡng làm mê hoặc lòng người. Các loại thịt gia súc, gia cầm hay thủy sản đều có thể nướng nhưng gây ấn tượng mạnh mẽ và lạ lùng nhất có lẽ là món rêu: Rêu được lấy từ những con suối trong. Sau khi được làm sạch, người Thái thường trộn hạt dổi, hạt mắc khén (những gia vị được lấy từ rừng) cùng ớt, tỏi, gừng, củ xả, lá chanh rồi thêm ít thịt mỡ. Dùng lá dong (Tong chinh) được rửa sạch để gói rêu và gia vị, buộc lạt tre túm lại hai đầu, bẻ quạt hai mép lá lại thành cái hình khum khum treo lên một thanh nẹp tre. Đem tất cả vùi vào trong tro ấm. Không than, không lửa cũng không hơi khói. Bao giờ lá dong cháy tít tách, thì lôi thanh tre ra, hơi cả gói rêu nướng trên than hoa. Lá dong cháy đến lớp trong cùng, mỡ và nước xanh thơm mát của rêu suối rỉ ra, thì bày ra đĩa. Khi ăn, mở gói lá dong, mùi mắc khén, hạt sen và mấy chục thứ gia vị cùng ngạt ngào, riêng có rêu vẫn mát lịm, thanh tao. Gắp miếng rêu thả vào miệng, nhấp một chút rượu, một cảm giác lạ lùng dễ chịu lan tỏa khắp người, một cảm giác không dễ để quên.

Ngoài nướng rêu có thể làm món khác được nữa như nộm rêu. Rêu sạch đem cắt nhỏ bỏ vào chỗ hấp chín, trộn muối, đường, gừng, rau thơm, hạt sen, nếu cay cho ớt hoặc hạt tiêu. Canh rêu tươi là món ăn công phu và sang trọng nhất. Rêu được nấu với nước canh xương lợn hầm hoặc luộc gà, với thịt nạc băm nêm gia vị và ăn nóng.

Rêu có nhiều tác dụng như giúp hoạt huyết, giải độc, thanh nhiệt, chống cao huyết áp. Theo kinh nghiệm dân gian, ăn rêu chống được ngã nước, mụn nhọt, sốt rét, phong hàn. Người đi rừng khi uống nước suối, ăn rêu sống hoặc rêu nướng sẽ chịu được cái lạnh, chống khí sơn lâm. Rêu chủ yếu là chất xơ còn có tác dụng giảm mỡ máu.

Nộm rau luộc (xúp phắc)

Là món ăn phổ biến trong mâm cơm của gia đình người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà. Rau mà người Thái Đen dùng để làm nộm gồm có nhiều loại như: rau bí, rau má, mùi tàu, rau lang, rau sắn, cà... Cách chế biến không cầu kì, trước hết phải nhặt rau rửa sạch sẽ, đun nước đến khi nước sôi thì cho các loại rau vào luộc chín, khi rau chín, vớt rau ra đĩa to. Tiếp theo lấy ớt, riềng, gừng, tỏi, hành khô rang cho khô thơm rồi cho tất cả vào cối giã thật kĩ. Trộn rau luộc với các gia vị đã kể trên, cho mì chính, nước mắm, muối, vừng vào rồi trộn tất cả với nhau. Cuối cùng là cho rau mùi, hành lá vào trộn đều là được.

Canh Pịa (Nặm Pịa)

Trong tiếng Thái, “nặm” có nghĩa là canh, “pịa” là chất sền sệt ở trong ruột non nằm giữa đoạn dạ dày và ruột già của bò, dê, trâu... Món có tên đơn giản là nặm pịa, tùy theo cách hiểu của mỗi người. Nặm Pịa là món ăn truyền thống có từ rất lâu đời và được đồng bào dân tộc Thái đen rất yêu thích và tự hào. Nguyên liệu chính của món này là nội tạng các loài vật ăn cỏ bao gồm dạ dày, tiết, lòng, tim gan, phèo phổi... và không thể thiếu một thứ nước sền sệt từ bên trong ruột non của con bò, dê, trâu, ngựa gọi nó là “pịa” đem ninh nhừ.

Khi chế biến món này đầu tiên người ta chọn một đoạn ruột non ngon để lấy pịa, ninh xương lên để lấy nước, sau đó đổ pịa vào, có nơi còn cho thêm chút

mật vào pịa. Phần ruột non sau khi lấy phải buộc chặt hai đầu, sau đó cắt thành khúc, trộn kèm rau thơm, bột hạt sên, tỏi, ớt, mùi tàu... tất cả các gia vị được băm nhỏ.

Sau khi chuẩn bị xong, đặt nồi pịa trên bếp lửa đun đến khi nồi pịa sánh, sền sệt lại là được. Món Nặm Pịa được múc ra bát có màu nâu đen, nước sền sệt, ban đầu khi nếm thử ta sẽ thấy vị đắng và mùi hơi nồng. Nặm Pịa không phải là món dễ ăn, nhưng rất an toàn cho những ai yếu bụng. Nặm pịa khi mới ăn có vị đắng nhẹ ở cổ họng nhưng lúc sau lại thấy ngon ngọt kèm theo những vị là lạ của mắc khén - tiêu rừng. Chính hương vị là lạ này khiến người ăn mãi mê theo món ăn mà không thấy chán. Nặm Pịa có thể dùng làm nước chấm cho các món thịt nướng, thông thường, những người dân nơi đây ăn Nặm Pịa cùng với thịt bò hoặc dê luộc, ăn kèm với rau chuối và bạc hà. Khi chấm những miếng thịt luộc vào bát Nặm Pịa thì bạn mới cảm nhận được hương vị của các loại gia vị lan tỏa đầu lưỡi bởi vị giác chuyển từ đắng sang ngọt khiến khó ai đã nếm có thể quên được món Nặm Pịa, và có thể thưởng thức trực tiếp như một loại canh, đặc biệt có tác dụng giải rượu rất tốt. Tuy nhiên, khi đã ăn đôi ba miếng, bỏ qua những ác cảm ban đầu về mùi vị, bạn sẽ cảm nhận sự quyến rũ của các nguyên liệu từ núi rừng.

Nặm Pịa khiến cho người ăn nhớ mãi về một nền văn hóa ẩm thực rất độc đáo của đồng bào dân tộc Thái đen, món ăn này đã góp phần tạo nên nét văn hóa ẩm thực độc đáo của người Thái ở tỉnh Luông Nặm Thà nói riêng và người Thái ở các nơi khác nói chung.

Đồ chấm (chéo, nước chấm)

Chéo hoặc nước chấm là một loại thức ăn không thể thiếu được trong mâm cơm của người Thái Đen. Cách làm cũng rất đơn giản. Chỉ cần lấy bột ớt hoặc ớt tươi nướng giã với hành củ rồi trộn thêm mì chính, nước mắm hoặc mắm tôm. Chéo hoặc nước chấm thường ăn với rau luộc, măng luộc, thịt nướng. Đồ chấm trong bữa ăn của người Thái Đen có nhiều loại như: Chèo Pả Đục (nước chấm

trộn với Pả Đục), Chèo Bong, Chèo Pả, Chèo Mắc Thùa Nẫu. Trong đó, Chèo Mắc Thùa Nẫu là nổi tiếng nhất và cũng là đặc sản của người Thái Đen.

Về đồ uống

Người Thái đen ở Lào nói chung và Người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nói riêng cũng giống người Thái đen ở nơi khác hay uống rượu trắng (lẩu xiêu), rượu cần (lẩu xá). Rượu trắng làm bằng gạo, ngô, sắn và bột cây báng. Các loại nguyên liệu nói trên đồ lên, đồ ra nong cho nguội, rắc men đảo đều, ủ 3-4 ngày để lên men, có mùi thơm của rượu bốc lên, thấy men mọc đều thì chuyển vào chum sành lèn chặt, đậy kín, một tháng sau đem cất thành rượu trắng để uống.

Rượu cần là một đặc sản của nhóm dân tộc Lào - Tày nói chung và của đồng bào người Thái Đen nói riêng. Người Thái Đen gọi rượu cần là Lẩu Háy, có 3 loại: rượu cần có vị ngọt (lẩu van), rượu cần có vị đắng (lẩu khôm), rượu cần có vị chua (lẩu xôm). Tùy trường hợp họ sẽ dùng các loại khác nhau, thông dụng nhất là loại có vị ngọt. Rượu cần thường làm bằng gạo nếp, đồ xôi, đồ ra nong để nguội, lấy một lượng trấu nhất định đãi thật sạch, đồ trộn đều vào xôi, rắc men ủ 3-4 ngày, có mùi thơm của rượu thì chuyển vào chum sành lèn chặt, lấy tro nhào nước trát kín miệng chum lại không cho men rượu bốc ra, khoảng 15-20 ngày là uống được. Tuy nhiên, rượu cần để càng lâu càng ngon. Gọi là rượu cần vì người uống dùng cần để uống không dùng chén. Cần rượu làm bằng cây trúc nhỏ. Chiếc cần được thông các vách ngăn giữa các ống, sau đó người ta hơ trên lửa tạo thế cần và làm cho cần dẻo không bị gãy khi dùng. Số lượng cần cắm ở chum bao giờ cũng phải là số chẵn. Trước khi uống, vớt hết lớp tro ở miệng chum, đổ nước cho đầy, lấy cần trúc cắm sâu xuống tận đáy chum để khoảng 15 phút là uống được. Rượu cần có thể uống nhiều lần nước cho đến khi nhạt thì thôi.

Phong cách ăn uống của người Thái đen tương đối bình đẳng. Các thế hệ khác nhau đều ngồi ăn chung mâm được, chỉ khác là vị trí ngồi phải tuân thủ theo ngôi thứ. Trong cùng một gia đình, khi ăn cũng phải ngồi theo ngôi thứ, ở phía

bên trên của mâm cơm là ông bà, cha mẹ rồi mới đến con cái. Khi tổ chức ăn đông người, họ rất chú trọng sắp xếp chỗ ngồi theo thứ bậc cho thích hợp, ở phía bên trên mâm cơm ưu tiên số một là người đại diện bên ngoài, tiếp đó là các bậc cao niên ngồi xen cài với những người bên ngoài (gọi là lúng ta). Mâm đặt liền chạy dài theo chiều dọc của ngôi nhà sàn. Khi ngồi ăn sẽ hình thành hai dãy dài đối diện nhau. Theo thông lệ, phía trên là phía vách nhà. Giữa mâm phía trên là chỗ ngồi của người đại diện quan trọng nhất bên ngoài, từ đó kéo ra phía sàn quản là chỗ ngồi của các bậc cao niên và người bên ngoài thuộc nam giới. Từ giữa mâm ra phía sàn chán (sàn phụ) dành cho các bà ngồi và cũng xếp theo thứ tự từ trong ra ngoài. Phía bên dưới của mâm dành cho những thứ bậc không quan trọng đối với gia chủ, chủ yếu dành cho con cháu và chia ra phía sàn quản là nam, phía sàn chán là nữ, không bao giờ nam và nữ ngồi xen kẽ nhau khi ăn uống. Con cháu ngồi trong mâm cơm phải có trách nhiệm rót rượu, bổ sung thức ăn và phục vụ các cụ cho thật chu đáo.

Khi đặt mâm cơm, nếu có người bên ngoài đến dự thì ở chính giữa phía trên nhất thiết phải đặt đôi chén rượu và một đĩa thịt gà, có đủ hai cái đùi, hai cái chân và cái đầu gà, chủ yếu mang tính tôn trọng bên ngoài, chỉ khi nào người quan trọng nhất bên ngoài gấp chia cho, mọi người mới được ăn. Khi uống rượu, mọi người chúc tụng nhau xong, dùng tay phải cầm chén rượu lên, ngoảnh ra phía sau rót vài 3 giọt rượu xuống kẽ sàn gọi là "phái lầu" rồi mới đưa lên uống. Làm như vậy, theo quan niệm của người Thái đen, là để các hồn ma đi theo mình cùng được hưởng và cầu mong các hồn ma phù hộ độ trì cho mình. Uống độ 5-6 chén rượu, chủ nhà làm chén rượu đôi để mời bên ngoài, đến các bậc cao niên rồi mới đến con rể, con dâu. Còn đối với khách đến thăm, gia chủ có đôi chén rượu mời là tỏ lòng tôn kính và hiếu khách, và do vậy mọi người không được từ chối.

Bánh chưng

Bánh chưng của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà được nhuộm đen bằng nước tro rom có vị bùi bùi, thơm mát, không gây nóng cổ, nóng bụng như

bánh chung bình thường. Đây là một loại bánh đặc biệt mang nét riêng của nhóm Thái đen, nguyên liệu chính chỉ là gạo nếp trắng và được nhuộm đen bằng tro rơm, chứ không phải làm từ nếp cẩm hay là loại nếp có màu đen tự nhiên. Nguyên liệu để làm bánh thì đơn giản, nhưng quá trình chuẩn bị lại khá cẩn thận. Bánh chung đen là món ăn không thể thiếu của người Thái đen ở Luông Nặm Thà trong ngày lễ. Để bánh có màu đen đẹp bóng, ngay từ tháng 10 âm lịch, sau vụ gặt lúa mùa, người ta chọn nếp và rơm cát sẵn. Nếp phải chọn loại nếp dẻo thơm nhất, lựa bông đẹp, chắc hạt, đập lấy hạt, giã đến khi trắng. Rơm chọn những cọng nếp, to, vàng ươm, đem về phơi khô, đốt thành tro, vò kỹ, rây lấy phần mịn nhất rồi trộn với gạo nếp thơm.

Công đoạn cầu kỳ nhất là trộn bột tro nếp với gạo sao cho khi thử miết mạnh hạt gạo trên đầu ngón tay, thấy vẫn tròn vẹn màu đen nhánh mới đạt. Ngoài ra, trước khi gói bánh thêm ít hạt Nga Chiêng (một loại vừng mọc tự nhiên trong rừng) xay nhỏ trộn vào để tạo vị đậm đà cho bánh. Công thức pha trộn thì tuốt bao nhiêu lúa thì lấy bấy nhiêu rơm. Lá gói bánh cũng dùng lá dong rừng rửa sạch, lau khô mới đem gói. Bánh đen người Thái được gói theo 4 loại. Đầu tiên là Khâu tôm kháu khoài (bánh sừng trâu), bánh nhọn, hình sừng con trâu. Loại bánh này có ý nghĩa cầu cho đàn trâu khỏe mạnh, sinh sôi để cày kéo. Thứ hai Bánh Khâu tôm cộp (Bánh đôi), mỗi chiếc bánh là một cặp đôi gói nhỏ, hình trụ. Bánh thể hiện quan điểm cầu may cho gia đình hạnh phúc. Thứ ba Bánh Khâu tôm khuôn tụ (Bánh gậy), gói bánh hình chiếc gậy. Loại bánh này có ý cầu cho người già được sống lâu. Thứ tư Khâu tôm pom (Bánh hình vuông nhỏ), bánh lớn hơn hộp diêm, buộc thành chùm, mỗi chùm 5 bánh. Bánh có ý nghĩa cầu cho sung túc, mọi sự tròn trịa, đầy đủ trong năm mới. Gói xong thì cho bánh chung vào nồi rồi luộc cho chín.

Có thể nói, đời sống vật chất của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà rất giản dị. Họ sống gần gũi, hòa đồng, thích nghi với tự nhiên. Đây cũng là đặc điểm chung của cư dân nông nghiệp lúa nước. Tuy nhiên, người Thái Đen ở đây

cũng mang những sắc thái riêng khác với các dân tộc khác. Chính điều này đã làm nên những giá trị riêng của người Thái Đen.

Ngày nay, cuộc sống vật chất của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà đã có nhiều thay đổi. Nhiều gia đình đã có những tiện nghi hiện đại phục vụ cuộc sống như: ti-vi, ra-di-o, xe máy, ô tô... Đây là một dấu hiệu đáng mừng, tạo điều kiện cho người Thái Đen ở đây hòa mình vào sự phát triển chung của quốc gia, của dân tộc [27, tr.33].

3.1.3. Trang phục

Trang phục có thể coi là “Thứ ngôn ngữ biết nói” để chúng ta cảm nhận và so sánh được sự khác biệt giữa các nhóm người với nhau trong một cộng đồng. Cái bản sắc riêng ấy thường dễ nhận thấy, dễ phân biệt chính là ở bộ trang phục, nhất là trang phục của phụ nữ. Cùng là dân tộc Thái, nhưng trang phục Thái Đen và Thái Trắng có những nét khác nhau rất rõ ràng. Về phong cách ăn mặc của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà cũng giống như người Thái đen ở tỉnh khác điều đó được thể hiện qua những tìm hiểu về bộ trang phục truyền thống của người Thái Đen dưới đây:

Trang phục nữ giới

Chiếc Áo: Người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà gọi chiếc áo là “Sửa”. Cách ăn mặc truyền thống của phụ nữ Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà là mặc áo “Khóm”. Áo khóm tiếng thía gọi là xửa côm được may bó sát người, dài đến ngang eo, khi mặc thì được dặt vào bên trong váy, chính giữa áo là hàng khuy áo được may bằng loại vải khác màu và trên đó được đơm những hàng cúc bạc có nhiều hình thù như hình bướm, con ong, ve... Chính hàng khuy cúc bạc này đã tạo nên nét đặc trưng cho trang phục của dân tộc thái đen. Chất liệu làm áo xưa kia là bằng vải nhuộm chàm, có khi là thổ cẩm tự dệt, ngày nay phụ nữ dân tộc thái đen đã biết tạo cho mình những chiếc áo khóm với nhiều màu sắc và chất liệu khác nhau nhưng vẫn giữ được hình dáng chiếc áo. Áo có hai kiểu dựa vào kiểu cổ áo, áo cổ tròn nhỏ và áo cổ hình trái tim mở dài xuống trước ngực rất mềm mại, duyên dáng. Cổ áo của phụ nữ Thái Đen được trang trí những sợi chỉ

màu đỏ, vàng, xanh, trắng. Thân áo bó sát người. Tay áo hẹp, từ nách khâu hẹp dần xuống. Ở hai đầu ống tay thường được chắp hai mảnh vải.

Váy: Người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà gọi chiếc váy là “Sin”. Váy của phụ nữ Thái Đen thường là màu đen. Mặc không được quá ngắn, cũng không quá dài tùy thuộc vào chiều cao của người mặc, thường là đến mắt cá chân. Váy được cấu tạo gồm 3 phần: đầu váy, thân váy (được trang trí hoa văn nhiều màu sắc, nhất là màu đen). Cuối cùng là chân váy (thường là màu trắng, hồng), thắt lưng của phụ nữ Thái Đen làm bằng vải hoặc làm bằng bạc.

Khăn piêu (Khăn đội đầu): Người Thái Đen gọi chiếc khăn đội đầu là “Khăn piêu”. Khăn là một mảnh vải to, dệt thô, được nhuộm màu đen, khăn dài nhưng khi đội chỉ có một đầu khăn vắt trên đỉnh đầu rũ xuống trán, còn đầu kia thả xuống sau gáy. Khăn piêu được xem như vật bất li thân của các cô gái Thái. Khăn piêu được các cô gái Thái Đen dệt ra vừa để dùng theo cô gái lên nương, đến chợ hay khi tham gia lễ hội, là quà tặng người yêu, tặng bố mẹ, anh chị em chồng khi về nhà chồng, với một sự tự hào và khoe khéo về tài “nữ công gia chánh” của mình. Bố mẹ chồng cũng lấy đó là niềm tự hào với bản mường khi chọn được dâu thảo khéo tay hay làm, nó thể hiện sự khéo léo của mỗi cô gái. Piêu thường dài khoảng 150 cm, rộng nhất cũng không quá 2 gang tay. Mặt piêu thường được dệt hoa văn hình ngôi sao tám cánh biến thể hoặc hình quả trám... bằng các loại chỉ màu trắng, xanh, đỏ, tím, vàng rất sắc sỡ. Ngày nay, piêu không chỉ được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng người Thái mà nó còn được các dân tộc khác dùng, cùng với đó piêu đã trở thành một món quà lưu niệm đối với du khách mỗi khi có dịp ghé thăm.

Đồ trang sức: Cùng với sự phong phú trong trang phục, đồ trang sức cũng góp phần tạo nên tổng thể trang phục Thái đen. Trong dịp lễ hội, ngoài váy, áo và khăn piêu, các cô gái Thái Đen còn làm đẹp cho mình bằng những đồ trang sức làm bằng bạc hoặc vàng như vòng cổ, vòng tay, vòng tai, làm tăng thêm nét duyên dáng của người phụ nữ Thái Đen [23, tr. 22].

Trang phục nam giới

Áo: Thường là màu chàm, gồm có hai loại, áo cánh ngắn và áo dài, được cắt may theo kiểu xẻ ngực cổ tròn gần giống như cổ áo bà ba, có hai túi ở hai vạt áo phía trước, cúc làm bằng vải. Vào những dịp hội hè, đình đám, nam giới còn mặc thêm chiếc áo dài (sửa vạt lấm) màu chàm, kiểu áo năm thân, các cúc lệch về phía ngực trái, áo dài quá gối. Khi mặc áo này, bên trong mặc thêm chiếc áo xẻ ngực màu trắng.

Quần: Có hai loại, quần ngắn và quần dài, quần dài màu chàm, được cắt may đơn giản theo kiểu quần dài của dân tộc Lào, thắt giải rút hoặc dùng dây lưng [23, tr.23-24]. Ngày nay, xu hướng Lào hóa trong đời sống các dân tộc thiểu số trở nên phổ biến và dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà cũng không ngoại lệ. Nhiều thiếu nữ không còn thấy mặc trang phục truyền thống nữa, mà thay vào đó là váy theo kiểu người Lào và kiểu phương Tây: quần Jean, áo phông, áo sơ mi... Trang phục truyền thống chỉ thấy xuất hiện trong các ngày lễ hội [42, tr. 25].

Có thể nói, hầu hết trang phục của người phụ nữ Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà đều có sự biến đổi. Một số gia đình không cần phải tự dệt vải để may trang phục nữa. Thay vào đó, họ có thể mua ở chợ với rất nhiều chủng loại và với nhiều màu sắc khác nhau. Họ có nhiều lựa chọn hơn trong việc chuẩn bị may quần áo. Trang phục họ mặc trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, trong lao động sản xuất đều được làm bằng các vải sợi công nghiệp. Thậm chí, họ còn sử dụng những bộ quần áo may sẵn được bán khá phổ biến ở chợ, nhất là với tầng lớp thanh thiếu niên. Tuy nhiên, trang phục mặc trong các dịp cưới xin, tang ma và lễ hội của phụ nữ Thái Đen vẫn là loại trang phục truyền thống.

3.2. Văn hóa tinh thần

3.2.1. Ngôn ngữ, giáo dục

Về ngôn ngữ: Ngôn ngữ của người Thái Đen nằm trong ngành riêng của nhóm ngôn ngữ Lào-Tày (Thái). Ngôn ngữ của dân tộc Thái Đen được thể hiện

dưới 2 hình thức: tiếng nói và chữ viết. Chữ viết của người Thái Đen là chữ cổ, gốc Ấn Độ, tự dạng Sanskrit ở Đông Nam Á, có nguồn gốc trực tiếp từ chữ Khor me. Người Thái Đen đã vay mượn và cải biến chữ Khor me để tạo ra chữ Thái Đen khoảng thế kỷ thứ IX sau Công nguyên. Nhìn chung hiện nay, người Thái Đen tỉnh Luông Nặm Thà có số người biết chữ của dân tộc mình ngày càng ít, nhưng tiếng nói thì vẫn tồn tại trong cộng đồng người Thái Đen cho đến nay [26].

Người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà không bảo tồn và phát huy được chữ viết của mình. Một số người biết đọc nhưng không biết viết, riêng tiếng nói hiện nay vẫn giữ được và có phần gần với ngôn ngữ nói tiếng Lào. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, tác giả sẽ đưa ra một số từ trong ngôn ngữ nói của dân tộc Thái Đen để so sánh với tiếng Lào và tiếng Việt Nam như sau:

Bảng 3.2. So sánh giữa ngôn ngữ nói của dân tộc Thái Đen với tiếng Lào và tiếng Việt

STT	Thái Đen	Lào	Việt
1	Ha	khọi	Tôi
2	Êm	Mè	mẹ
3	Pó	Phò	bố
4	Aiù	Phò pù	ông nội
5	Sinh cu	Phươn	Bạn
6	Pí ai	Ai	anh trai
7	ỷ phu	phuộchâu	chúng ta
8	suộng	sộng	quần
9	phả piêu	phả khiên húa	khăn đội đầu
10	Hai	cọp	giày
11	Múa	muộc	Mũ
12	thốngkhaling	thống pệ	ba lô
13	cặ chọng	Khãnhôm	cái ô

STT	Thái Đen	Lào	Việt
14	khảo ká	khẩu pược	Thóc
15	Pa yêu	pay lịn	đi chơi
16	Pay lặc	pay cày	đi xa
17	mợ vên ó	Văn kọt	ngày sinh nhật
18	mợ ngua	mự van	hôm qua
19	mợ pụ	mur ừn	ngày mai
20	Pòng tang	pòng giếm	cửa sổ
21	Hom phày	phắcpėjo	rau răm
22	nò hiều	nò mạy hẹng	măng khô
23	Nhó	Chèo	đồ chấm
24	sặc chay	hua si khay	củ xả
25	mạ ướt	mắc phết	quả ớt
26	hóm pẹn	hóm pọm	rau mùi
27	hết ta nùn	hết hún nú	mộc nhĩ
28	mạc sáng sạ	mạc lăm nhay	quả nhãn
29	Măn hông	Măn đạng	khoai lang
30	Hom kip	phắc thiêm	củ tỏi
31	Ap húa	sá húa	gội đầu
32	suồi nạ	lạng nạ	rửa mặt
33	Nam pong	Khỉ tôm	Bùn
34	Hìn phon	Hìn pun	Đá vôi
35	Tong	Thong	Đồng
36	lầu sá	lậu hay	rượu cần
37	lầu siêu	lậu kháo	rượu trắng
38	quản đụt	dàsụp	thuốc lá
39	Sên	hết bun	làm lễ

STT	Thái Đen	Lào	Việt
40	còm	Giên	lạnh
41	paymặng	payhuôm	tham dự
42	on há mai	khọpchay	cảm ơn
43	nhù chẵm	giù kạy	ở gần
44	chôm mừng	xôm xơi	hoan nghênh
45	Nhướí	Xin	Thịt
46	Pi	Tuy	Béo
47	Côn trai	Phu xai	Nam
48	Côn nhing	Phu nhing	Nữ
49	Bo chẵn	Bo ngam	Không đẹp
50	Chẵn	Ngam	Đẹp

Nguồn: [41, tr. 121-123]

Về giáo dục, Trước năm 1986, hệ thống giáo dục của người Thái Đen hầu như chưa phát triển do nhiều nguyên nhân. Trong đó có thể nói hệ thống giao thông đi lại khó khăn; mạng lưới trường học không kiên cố, chưa ổn định; thiếu giáo viên, trình độ học vấn của giáo viên còn thấp; nhà nước chưa có chính sách ưu đãi đối với những người dạy học. Bên cạnh đó là do chính phong tục tập quán của dân tộc, của gia đình làm cho số lượng người Thái đen đi học còn ít, tỷ lệ người mù chữ trước đây rất cao.

Vào thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay), hệ thống giáo dục được cải thiện, trình độ học vấn của giáo viên được nâng cao, hệ thống trường học được mở rộng, nhà nước có chính sách bắt buộc mọi người dân phải học, làm cho đồng bào người Thái đen có cơ hội đi học tại các trường THPT, trường Cao đẳng và trường Đại học trong và ngoài nước. Từ đó trình độ học vấn, trình độ dân trí của đồng bào người Thái Đen được nâng cao, góp phần hết sức quan trọng vào việc đánh dấu sự thay đổi cuộc sống của dân cư ở nơi đây.

Bảng 3.3. Tuổi của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà theo điều tra (năm 2016)

Stt	Tuổi	Số hộ gia đình	Tỷ lệ
1	Từ 30-39	57	31,67%
2	Từ 40- 49	76	42,22%
3	Từ 50- 59	31	17,22%
4	Từ 60 trở lên	16	8,89%
Tổng cộng		180	100%

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

Bảng 3.4. Trình độ học vấn của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà theo điều tra (năm 2016)

Stt	Cấp	Số hộ gia đình	Tỷ lệ
1	1	50	27,78%
2	2	21	11,67%
3	3	75	41,67%
4	Trên cấp 3	34	18,88%
Tổng cộng		180	100%

[Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả]

Những người được điều tra có trình độ học vấn cao, cấp 3 chiếm 41,67%; trên cấp 3 chiếm 18,88%. Có thể thấy, người Thái Đen chú trọng đến phát triển giao dục trong cộng đồng, đặc biệt những người trung tuổi trở xuống.

3.2.2. Tín ngưỡng dân gian

Tín ngưỡng dân gian là một bộ phận cấu thành nền văn hóa dân gian. Được hình thành cùng với sự hình thành và phát triển của lịch sử một tộc người, tín ngưỡng dân gian có sức sống dai dẳng và mãnh liệt. Ngày xưa, người Thái Đen cho rằng: mọi hoạt động đời sống hàng ngày của họ là do các lực lượng siêu nhiên chi phối, lực lượng siêu nhiên này được gọi là phi (ma).

Văn hóa của người Thái đen nói chung và văn hóa của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nói riêng có sắc thái đặc trưng theo cách giải thích riêng

của họ. Người Thái không theo Phật giáo, Ki tô giáo hay bất cứ một tôn giáo nào khác mà họ chỉ giai thích những vấn đề liên quan đến những hiện tượng khách quan của trời đất và của con người theo lối có tính chất tôn giáo mà thôi. Với người Thái thì tín ngưỡng dân gian rất đậm nét bởi là cư dân nông nghiệp sống lâu đời ở miền núi, người Thái có thái độ riêng về hình thái tâm linh của cộng đồng. Tín ngưỡng dân gian là biểu hiện của nhận thức lý thức tình cảm....Về các hiện tượng xã hội và tự nhiên xung quanh mình, trên ý nghĩa đó trong đời sống của cộng đồng thế giới tâm linh của người Thái được biểu hiện sinh động dưới nhiều dáng vẻ khác nhau nhưng theo một quan niệm thẩm mỹ sinh quan vũ trụ và nhân sinh quan tộc người thống nhất.

Theo cách giải thích có tính chất tôn giáo, người Thái cho rằng trên thế gian có tồn tại hai thế giới. Đó là thế giới của sự sống và thế giới của hư vô. Thế giới của sự sống bao gồm sự tồn tại của con người, muôn vật và các hiện tượng trong thế trạng thực của nó mà con người có thể tri giác được. Thế giới hư vô tồn tại trong ý niệm bao hàm cái mà họ gọi là “Phi”. Thế giới hư vô và thực tại có quan hệ và chi phối lẫn nhau. Cái hư vô ấy quyết định sự sống hiện tại trên trái đất, chẳng hạn như người ta muốn sống và sống được là nhờ “Phi Khuôn” có ý nghĩa tượng trưng như linh hồn. Hồn núi rừng sống với tất cả những dáng vẻ tự nhiên, những hình thù kỳ lạ của nó, cây cối mọc...đều có “Khuôn” của nó tạo ra. Lực lượng sáng tạo ra “Phi Khuôn” của con người và vật là “Phi Then” tức là chủ cõi trời.

Thế giới “Phi” có nhiều loại, trong những hoàn cảnh cụ thể của nó có ý nghĩa khác nhau, đa dạng, phong phú về chủng loại và chức năng trong đời sống tâm linh của cộng đồng... “Phi Khuôn” có thể hiểu như linh hồn của con người và của vật, “Phi Pá” có thể hiểu như một loại yêu quái trong rừng...Mỗi loại “Phi” cũng có một hình thù riêng, ví dụ như “Phi Khuôn” có dáng như cái bóng của con người hay các vật chứa đựng nó, “Phi Pá” có hình thù như của cầu bay khá nhanh trong đêm tối. Tất cả các loại “Phi” đều có khả năng biến hoá và có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến cuộc sống của con người. Người Thái quan niệm là có

“Phi” phù hộ khi gặp được điều tốt lành hay có sức khỏe tốt “Phi cùm” (ma bảo vệ), nhưng ngược lại khi gặp rủi ro, đau ốm thì họ cho rằng có “Phi” gây điều ác “Phi báp” hay “Phi diệt hủ”.

Người Thái xưa quan niệm “Phi” có cuộc sống ngược với con người. Đêm của người là ngày của “Phi”, người ăn bằng thức ăn thực còn “Phi” ăn hương hoa của thức ăn thực đó mà thôi, người biết sống biết chết, nhưng có loại “Phi” như “Phi hươn”, “Phi then” thì tồn tại vĩnh hằng.

Tín ngưỡng “Phi” của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà bao gồm nhiều Phi nhưng ở đây tác giả xin nói đến một số Phi như:

Phi khuôn

Cũng như một dân tộc khác, người Thái cho rằng: Con người sống và hoạt động được là do có linh hồn và vía. Người Thái Đen gọi hồn là khuôn, theo họ, hồn của con người ngự trị trên cơ thể, có chức năng và nhiệm vụ riêng. Linh hồn chính của con người là ở trên đầu. Vì vậy, người Thái Đen kiêng xoa đầu hoặc vỗ vào đầu vì sợ linh hồn sẽ sợ mà bỏ đi (khuôn ní), làm cho con người bị ốm. Họ cũng cho rằng: linh hồn của con người có đặc tính yếu đuối, nên khi gặp điều gì đáng sợ hay bị giạt mình thì con người rất dễ bị “xia khuôn” (mất linh hồn) và bị ốm. Cũng theo họ, linh hồn cũng có một đặc điểm nữa là rất thích rời khỏi thể xác đi lang thang, bay bổng để du ngoạn, nhất là linh hồn trẻ em. Để bảo vệ hồn cho trẻ em, người ta thường đeo vòng cổ, vòng tay có gắn bạc để kị ma. Quan niệm về “Phi khuôn” tồn tại ở hầu hết trong tiềm thức từng cá nhân người Thái và ý niệm tâm linh này vẫn còn tồn tại cho đến tận ngày nay. Đó là tục “Sên khuôn” cho trẻ em người già hay người ốm đau do các thầy Mo thực hiện. Hoặc khi đám tang kết thúc lễ gọi “Phi” về nhà có tục “Xú khuôn” tức gọi hồn mọi người về nhà. “Phi khuôn” phổ biến nhất là “Sên khuôn” cho người ốm hay người vùi bị tai nạn.

Phi hươn (ma nhà, tổ tiên, người trong họ đã mất)

Khi các thành viên trong nhà chết thì biến thành linh hồn vĩnh cửu. “Hồn Chủ” ngụ trên chòm tóc biến thành “Phi hươn” (ma nhà), bản chất của ma nhà

chính là tổ tiên của gia đình. “Phi hươn” được người ta cho ngụ ở một gian nhà bỏ trống sát đầu hồi phía Tây gọi là Hoóng của những gia Hoóng và một ngăn gọi là Đằm nên “Phi hươn” cũng có tên là “Phi đằm”. Gian Hoóng có một cột trụ bằng tre chống xà ngang lên đòn móc nhà gọi là “Xau tởn lẳng” đó chính là thanh tre để ma nhà leo lên, thoát khỏi đầu hồi rồi lên trời hoặc khi ở trời xuống cũng theo cái cột đó để đi vào Hoóng.

Vì cũng là “Phi” nên “Phi hươn” cũng sinh hoạt như các Phi khác, chúng ăn hương hoa của động vật, thực vật sống hoặc chín. Ban ngày chúng ngủ trên xà nhà nên gọi là “Chầu hạ khứ” (Chủ đầu xà ngang). Bình thường không khi nào chúng đòi ăn, nhưng khi người ta mang thịt sống qua gian Hoóng, chúng sẽ ngửi thấy mùi và vùng dậy đòi ăn. Khi “Phi hươn” đòi ăn thì chủ nhà sẽ bị ốm đau... Bởi vậy người Thái có tục kiêng mang thực ăn qua ngang trước gian Hoóng, người ta còn kiêng mang lá xanh qua gian Hoóng vì lá xanh biểu hiện nơi có rừng cây vốn là chỗ trú ngụ của các loại Phi, cầm lá xanh qua gian Hoóng “Phi hươn” sẽ tưởng ma quỷ ở đâu đến vội vàng dậy hỏi chủ nhà, do đó người trong nhà sẽ sinh ốm đau, bệnh tật...

Ban đêm “Phi hươn” thường đi lang thang đây đó. Có khi chúng lại còn rú cả ma rừng về hại người trong nhà nên có câu “*Phi hươn chuôn Phi pá*”(Ma nhà rú ma rừng). Tất nhiên những trường hợp như vậy rất hiếm khi xảy ra, bình thường ma nhà luôn ủng hộ con cháu vì là tổ tiên bao giờ cũng thường người trong dòng họ.

Ở hầu hết các bản trong các huyện có người Thái sinh sống ở tỉnh Luông Nặm Thà, nhà nào cũng có gian Hoóng để thờ “Phi hươn”. Nơi cúng ma nhà gọi là Klo hóng. Khi trong gia đình có người mất mà người đó là già nhất hay là chủ nhà thì con trai sẽ phá Klo hóng (nơi thờ ma nhà). Mục đích của việc làm này là để đuổi ma thể hệ trước đi lên với tổ tiên “Đằm” ở cõi niết bàn để sau tang lễ lại đón người mới chết thay thế tại nơi thờ cúng đó. Tục thờ cúng “Phi hươn” của người Thái ở tỉnh Luông Nặm Thà được tổ chức khi lên nhà mới, đám cưới, vào

dịp Tết hàng năm và đặc biệt là khi có người mới mất trong thời gian còn tang, cứ 10 ngày cúng một lần gọi là “Pạt tông”. Người Thái ở đây không thắp hương và thờ cúng vào ngày mùng một hay ngày rằm như một số dân tộc khác.

Tính tích cực của tín ngưỡng này là tôn trọng tổ tiên, cầu ước cho “Phi hươn” che trở, phù hộ cho mọi thành viên trong gia đình được khỏe mạnh.

Tục thờ cúng tổ tiên

Thờ cúng là nghi lễ, là thủ tục và là phương tiện giao tiếp bày tỏ nguyện vọng và quan niệm của con người trong thế giới thực tại và hư vô. Người Thái ở tỉnh Luông Nặm Thà thường thờ cúng tổ tiên và còn lưu lại dấu ấn cho đến tận ngày nay.

Nghi thức thờ cúng thường xuyên mang tên “Pạt tông”. Lễ này được tiến hành theo lịch của người Thái cứ 10 ngày họ lại làm cơm cúng một lần. Người Thái Đen có quan niệm rằng: Con người khi qua đời vẫn có thể tiếp tục phù hộ, tạo phúc và giải trừ hoạn nạn cho con cháu. Song nếu có điều gì làm người đã chết phật ý thì họ có thể gieo họa hạn cho con cháu như: làm gia súc chết, người ốm đau... Lúc đó, con cháu phải làm lễ để tạ ơn hoặc làm lễ giải hạn cầu xin tổ tiên tha thứ. Thờ cúng tổ tiên là một hình thức thờ cúng quan trọng trong đời sống tâm linh. Người Thái Đen cúng giỗ 4 đời: cha mẹ, ông bà, cụ, kị. Bàn thờ là nơi tổ tiên ngự mỗi khi con cháu mời về hưởng cỗ trong dịp tết. Bàn thờ tổ tiên được đặt ở vị trí quan trọng trong nhà, là nơi trang nghiêm nhất. Không được gây ồn ào, không được nằm quay chân vào bàn thờ. Việc thờ cúng tổ tiên do chủ nhà chịu trách nhiệm, vào những ngày lễ tết, họ dâng lên các thực phẩm để cầu xin tổ tiên phù hộ cho gia đình trong năm được yên lành, sung túc. Đồ cúng gồm có rượu, gà luộc, nước uống, các loại hoa màu trắng và màu vàng. Chủ nhà dâng các đồ lên bàn thờ và rót rượu mời tổ tiên về ngự trên bàn thờ và thưởng thức cỗ do con cháu dâng cúng.

Thờ cúng tổ tiên trong gia đình người Thái Đen là hình thức tín ngưỡng đặc trưng đã có từ lâu và được duy trì cho đến tận hiện nay. Đây không chỉ là tín ngưỡng của dân tộc Thái Đen mà nó cũng là tín ngưỡng phổ biến của các dân tộc

ở Lào và Việt Nam. Nó thể hiện tình cảm gắn bó, sự tôn trọng của người còn sống với những người đã chết.

Dân tộc Thái Đen ngày xưa không theo một tôn giáo nào, song họ lại tin ở thế giới thần linh và quan niệm sâu sắc về ma. Họ cho rằng: không phải chỉ có con người mới có linh hồn mà nhiều loại sinh vật khác cũng có sự tồn tại của linh hồn. Đây là quan niệm tín ngưỡng rất quan trọng trong toàn bộ thế giới quan của người Thái Đen.

Niềm tin của người Thái Đen gần đây về thế giới tâm linh hầu như không thay đổi nhiều. Họ vẫn tin các loại ma, tin các vị thần và tin vào sức mạnh của những người hành nghề cúng bái nên vẫn tồn tại các hình thức thờ cúng và chữa bệnh bằng phương pháp cúng bái. Tuy nhiên, cùng với sự tiến bộ của xã hội, các hình thức mê tín dị đoan cũng dần bị xóa bỏ. Ngày nay, việc chữa bệnh bằng phương thức cúng bái hầu như chỉ tồn tại ở vùng sâu vùng xa của huyện. Hệ thống y tế đã phát triển đến tận các làng bản, kịp thời chữa bệnh cho bà con trong làng bản. Đồng bào Thái Đen ngày càng tin tưởng hơn vào y học và khi có bệnh họ thường đến bệnh viện để khám chữa trước tiên. Họ không còn thờ ma núi, ma rừng và các vị thần bản mệnh của làng bản.

3.2.3. Nghệ thuật dân gian

Nghệ thuật múa dân gian của người Thái rất phong phú. Người Thái gọi múa là “xé”, một trong những hình thức sinh hoạt văn nghệ phổ biến nhất của đồng bào dân tộc Thái là múa tập thể, mọi người cầm tay nhau thành vòng tròn để bước vào, lùi ra, uyển chuyển, đều đặn theo nhịp 2-4 của tiếng trống, tiếng chiêng. Trong khi múa người ta còn kết hợp với hát múa theo kiểu ứng thơ. Kiểu múa này được gọi là “Xe vong” (Múa vòng) thể hiện tính cộng đồng rất cao của cộng đồng người Thái.

Vòng xé Thái là một điệu múa tập thể vui nhộn, một điệu múa liên hoan cộng đồng, đoàn kết bình đẳng, không phân biệt dân tộc, già trẻ, trai gái, tôn giáo, đẳng cấp. Mọi người đều có quyền vui múa và được phép nắm chặt tay

nhau nhảy múa nhịp nhàng theo điệu múa, uyển chuyển theo đúng nhịp điệu của tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng sáo, tiếng kèn, tiếng đàn. Ít người thì vòng nhỏ, nhiều người thì vòng lớn, thành hai vòng, ba vòng càng nhiều người thì càng vui càng ấm cúng. Điệu múa này đơn giản, dứt khoát song không kém phần uyển chuyển. Khi tiếng trống xòe nổi lên mọi người tay nắm tay kê vai chân bước nhịp nhàng triền miên khó dứt ... Xé Thái ở Luông Nặm Thà là điệu múa nổi tiếng được ưa chuộng với nhiều ý nghĩa sâu lắng.

Vòng xé Thái thường được tổ chức ngay trong sàn nhà của người Thái, trong hội trường, ngoài sân bãi rộng rãi bằng phẳng thoáng mát, ở giữa vòng xé người Thái thường dựng một cây nêu gọi là “xặng bók”. Xung quanh đặt cái chum rượu cần và bên mỗi chum rượu thường có một cô gái đẹp rót mời rượu gọi là “nai cóng” (chủ rượu), người chủ rượu rất khéo léo mời mọi người trong vòng xé vào uống rượu cứ thế luân phiên đổi nhau múa xé và uống rượu từ chum này đến chum khác. Điệu xé vòng thường diễn ra vào các dịp lễ hội, cưới xin, mừng nhà mới.

Âm nhạc phục vụ múa hát chủ yếu là chiêng trống, song trước đây chỉ có tầng lớp trên mới được sử dụng. Vì vậy, có rất nhiều hạn chế trong việc sử dụng phát huy âm nhạc dân gian nhưng dân tộc Thái ở Luông Nặm Thà là dân tộc rất yêu thích múa, nghệ thuật múa, vì thế điệu múa xé phát triển rất nhanh. Bản thân nội dung và hình thức của điệu múa thường ít khuôn phép, cứng nhắc vì vậy nó sớm trở thành thứ không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người Thái ở Luông Nặm Thà Luông Nặm Thà và đồng thời đây cũng là sở trường tiêu biểu của nghệ thuật dân tộc Thái Đen.

Bên cạnh múa, ca hát và âm nhạc cũng là môn môn nghệ thuật được người Thái ưa thích. Trong đời sống và sản xuất sinh hoạt, hát người Thái gọi là “Khắp” đối với họ không thể thiếu được. Người ta nghe hát, qua hát người ta không chỉ biểu diễn để thưởng thức mà còn gửi gắm tâm tư tình cảm của mình trong đó.

Lối hát phổ biến, người Thái gọi là “Quan khắp” (hát thơ). Họ dùng thơ để hát, ứng khẩu thành thơ đồng nghĩa với hát. Ai biết làm thơ tất yếu sẽ biết hát,

hoặc có thể nói rằng người Thái cứ hát là có thơ trong đó. Hát thơ theo làn điệu “Khấp xu” (hát thơ theo nội dung truyện thơ), “Khấp mo” là lời hát của thầy cúng mo dùng trong các lễ nghi...

Như vậy ca hát dân gian Thái là một trong lĩnh vực phong phú và đa dạng biểu hiện rõ trong làn điệu, trong hình thức diễn xướng và nhất là chức năng sinh hoạt của nó.

Sự thay đổi trong đời sống kinh tế xã hội, sự phát triển của công nghệ thông tin khiến văn hóa cổ truyền Luông Nặm Thà nói riêng và âm nhạc dân gian nói chung đang ngày càng mai một dần. Một số lễ hội chỉ còn lại trong ký ức của người già. Lớp trẻ hầu như ít để ý đến dân ca, dân nhạc của ngay cả dân tộc mình, vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị âm nhạc dân gian nói chung, âm nhạc dân gian Thái Luông Nặm Thà nói riêng là việc làm hết sức cần thiết, cấp bách. Việc làm này không thể phụ thuộc vào sự cố gắng của một cá nhân, mà cần sự quan tâm của nhiều người, của cộng đồng và góp sức của các cơ quan ban ngành.

3.2.4. Phong tục tập quán

Phong tục tập quán là những thói quen, lối sống được hình thành trong cuộc sống của cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội. Phong tục là những tập quán được hình thành bền vững; được nâng lên thành quy định, quy ước lễ sống; được chặt lọc, đúc kết trong cuộc sống mà thành. Phong tục tập quán được tạo ra thống nhất trong một cộng đồng. Là trung gian hòa giải, là cán cân công lý trong quan hệ xã hội truyền thống, là cơ sở cho việc giáo dục và rèn luyện con người. Phong tục tập quán là một quá trình xã hội hóa, làm thảo mãn đời sống tâm linh; hài hòa con người với xã hội, con người với tự nhiên; cân bằng trạng thái tâm lý tình cảm trước những hiện tượng tự nhiên và xã hội. Phong tục tập quán là sự vun đắp tình nghĩa giữa con người với gia đình, với làng xóm, với quê hương, với dân tộc [4, tr.36].

Hôn nhân

Trước đây và hiện nay hôn nhân của dân tộc Thái mang tính chất phụ quyền. Hôn nhân của người thái rất đặc trưng, họ rất coi trọng gia đình. Người

thái ở tỉnh Luông Nặm Thà sống rất chân thật, giản dị và hoà thuận, trong các gia đình ở trong bản ít thấy người ta to tiếng với nhau, gặp lúc đói kém người ta sẵn sàng chia sẻ gạo gũi và quan tâm lẫn nhau, người thái ở tỉnh Luông Nặm Thà giàu lòng vị tha, tình nghĩa rất sâu đậm, nét sống hoà thuận, tôn trọng người già, thương yêu con trẻ và giúp đỡ nhau vô tư là đặc điểm chung của dân tộc Thái ở tỉnh Luông Nặm Thà và các dân tộc khác trong tỉnh. Vấn đề lao động sản xuất, giáo dục con cái, cưới hỏi, lập vợ gả chồng rất được quan tâm.

Việc cưới gả có nghi thức rất đặc biệt: Thường được chia làm ba giai đoạn như dạm hỏi, ở rể, lễ cưới. Trong xã hội Thái Luông Nặm Thà trước đây và hiện nay phổ biến vẫn là hôn nhân một vợ một chồng. Hôn nhân một chiều lấy người ngoài tộc, người trong Đăm không lấy được nhau.

Nếu dựng vợ gả chồng phụ thuộc vào sự quyết định của bố mẹ và sự đồng ý của hai họ nhất là những người già cả như trước đây là dịp mua bán đầy tính toán của hai bên: trai của mua, gái của bán (Nhớ không khai-chái không sự) thì hiện quan niệm đó không còn nữa. Người con trai, con gái Thái khi lớn lên đến tuổi dựng vợ gả chồng mang tính tự do, hầu như không bị cha mẹ ép buộc. Trái gái tự do tìm hiểu lựa chọn bạn đời trăm năm. Những chuyện bị ai trong tình yêu trai gái trước đây không còn nữa.

Tình yêu nam nữ thanh niên Thái hầu như không bị cha mẹ ngăn cấm mà còn tạo điều kiện thuận lợi. Khi thiếu nữ Thái đến tuổi trưởng thành sẽ được cha mẹ cho ngủ riêng ở góc sàn khu cầu thang bên chạn, để người yêu dễ gặp gỡ, tâm sự. Hình thức chọc sàn, chơi đàn tính tẩu của người Thái dưới gầm sàn là hình thức gọi bạn tình rất độc đáo. Người phụ nữ Thái trong hôn nhân ít bị giàng buộc bởi vấn đề trinh tiết vì thế việc kết hôn với người phụ nữ đã có chồng có con thường không bị câu nệ bởi theo họ những phụ nữ có con trước khi lấy chồng là những người biết sinh đẻ.

Cưới xin là một hình thái sinh hoạt tinh thần ngày nay còn lưu lại không ít những nét cổ truyền xa xưa. Các bước của hôn nhân được tiến hành như sau:

Lễ dạm hỏi (Pay ôm): Lễ này do bên trai chọn ngày lành tháng tốt cho ba mối (sứ lam) đi dạm hỏi nhằm thăm dò ý kiến của bố mẹ bên nhà gái có ưng thuận chấp nhận lời đề đạt của nhà trai hay không? Nếu có thì định ngày ăn hỏi, nếu không thì nhà trai sẽ phải nhận lại những lễ vật. Người được nhà trai cử làm mối phải là người khéo ăn nói, gia đình hạnh phúc, được nhiều người tín nhiệm.

Lễ đi hỏi (Pay váy): Ông mối đến nhà gái hỏi ý kiến cùng với người trong họ nhà trai đem trâu cau, gà lợn, rượu gạo để tổ chức bữa ăn. Bàn định ngày để đưa rể và thậm chí cả tiền “Ca hoa” tức là mức tiền lễ vật. Người con trai Thái có thể được trả bằng tiền và sức lao động thông qua thời gian ở rể thay cho tiền lễ vật.

Lễ ở rể: còn gọi là đưa rể (Sống khươi). Trong lễ này là đưa con trai đến nhà gái tập “làm rể” để bố mẹ tương lai và người yêu chưa cưới hiểu rõ phẩm chất và năng lực của chàng rể. Người con trai mang đến nhà con gái những đồ dùng cần thiết như chăn đệm, màn, gối, quần áo, dao... Người con rể phải ngủ bên bếp, đầu hồi gian tiếp khách đàn ông còn gọi là gian (quản) và làm những công việc khó khăn nặng nhọc nhất cho gia đình vợ tương lai. Việc cư trú ở nhà vợ là bước thử thách rất khó khăn về phẩm giá và khả năng lao động của chàng rể tương lai. Việc ở rể có thể kéo dài 3-5 năm ở nhà vợ đôi khi đã có con mới làm lễ cưới chính thức “đong lông” (lễ cưới đón dâu về nhà chồng).

Lễ cưới: được bắt đầu khi họ nhà trai đến rước dâu, số người không hạn chế nhưng thường đi thành cặp. Những người này phải là những người có gia đình hạnh phúc. Nhà trai phải đến trước một hôm, mang theo lợn, gà... để sáng hôm sau làm bữa cơm cúng tổ tiên và mời gia đình họ gái. Trước khi đưa dâu, nhà gái làm lễ cúng tơ hồng cho đôi vợ chồng trẻ. Bên nhà gái, khi đưa dâu về, trừ nàng dâu, số người cùng đi cũng phải là số chẵn. Đồ mà nàng dâu thường mang theo là đệm, chăn, gối, vải. Ngoài để dùng cho hai vợ chồng còn để biếu bố mẹ chồng, ông bà, anh em... để tỏ tấm lòng hiếu thảo. Trước khi đón dâu, ông mối và chàng rể nói lên những lời ca tụng công ơn bố mẹ vợ đã sinh thành và nuôi dưỡng người con gái nên người để làm dâu nhà mình và sẽ tạo ra dòng giống cho dòng họ mình sau này.

Chàng rể thì tự tay mình đeo cho mẹ vợ một vòng bạc, biếu mẹ vợ một vò rượu, đĩa trầu với hàm nghĩa biết ơn. Sau đó 2 vợ chồng vái lạy cha mẹ vợ, nâng chén rượu, đĩa trầu cau mời mọi người và mọi người cũng chúc hạnh phúc cho đôi vợ chồng bằng tiền cho vào một cái đĩa chung.

Trên đường đón dâu về, đến đầu bản của mình, nhà trai phải quà lễ mở cửa bản gồm một trai rượu, một coi trầu, với hàm ý báo cáo rằng: từ nay, người con gái này sẽ thành người của bản. Về đến nhà, chàng rể phải nắm tay nàng dâu lên cầu thang. Chàng rể đi phía ngoài, nàng dâu đi phía trong, sau chú rể một chút. Lên hết cầu thang nhà sàn, bà mối múc nước trong cái sanh đồng rửa chân cho hai vợ chồng trẻ, chàng rể rửa chân phải, cô dâu rửa chân trái.

Khi vào nhà sàn rồi, chàng rể ngồi phía ngoài, nàng dâu ngồi phía trong. Ông mối đặt một mâm cơm trước mặt dâu rể. Trong mâm cơm, ngoài xôi, thịt gà, phải có hai quả trứng gà luộc, hai cây mía còn cả ngọn, hai bát cơm, hai đôi đũa, một vò rượu nhỏ, với hai cái cần. Sau khi đốt cháy hai cây nến sáp bằng nhau ông mối làm lễ rồi tuyên bố cho mọi người cùng ăn cùng uống rượu cần. Chàng rể chủ động mời cô dâu: cơm, canh, rượu, thịt... Cô dâu mời chàng rể: cơm, rượu, thịt, trầu, nước uống. Mâm cơm này gọi là mâm cơm rượu chung tình vợ chồng, tiếp theo bà mối đeo trâm vào tai và búi tóc cho nàng dâu. Lúc này nàng dâu phải ngồi cạnh cột chính có hàm ý báo cáo với ma nhà rằng: từ nay, ta là người gia đình này.

Sau đó hai họ bắt đầu ăn uống vui vẻ, ăn xong, họ nhà gái ngồi nguyên chỗ, nàng dâu bung mâm trầu ra chào, ai có gì thì cho. Cuối lễ cưới, hai họ cùng nhau uống rượu cần, khi uống rượu cần người ta hát, đây là lúc vui vẻ, hò hời nhất. Ngày hôm sau, hai vợ chồng đến nhà người mối làm lễ cảm ơn. Lễ này thường có một mâm xôi, một vò rượu, và trầu cau, gia đình nào giàu thì có thêm một đệm, một chiếc khăn, một gói.

Người có thể được búi tóc ngược (Tăng cầu), hoặc sau đó mấy ngày sau ngày cưới mà được búi tóc thì mới công nhận là có chồng, hai bên mới được chung chăn kẻ gối.

Như vậy xét theo khía cạnh văn hóa ta thấy hôn nhân của người Thái nói chung, người Thái ở tỉnh Luông Nặm Thà nói riêng được quy định rất chặt chẽ và hợp lý. Mang ý nghĩa gắn bó đôi vợ chồng trẻ và hai bên thông gia để mở đầu một cuộc sống tốt đẹp, thuận hòa. Điều đó chứng tỏ tính tổ chức và văn hóa cao của xã hội người Thái Đen.

Những gì được coi là văn hóa truyền thống, nó đều có sự biến đổi theo thời gian và không gian. Ngày nay do việc tiếp xúc, giao lưu, học tập những tiến bộ trong lối sống văn hóa mới theo chủ chương của Đảng và Nhà nước, nhiều đám cưới của người Thái Đen đã được thực hiện theo cách thức của đời sống văn hóa mới, các thủ tục, lễ nghi có phần gọn nhẹ và tiết kiệm hơn trước.

Gia đình

Gia đình người Thái đen truyền thống là tiểu gia đình phụ hệ, người vợ được tôn trọng song có vị trí thấp hơn. Người Thái khi lập gia đình thường được cha mẹ cho ở riêng khi đủ điều kiện (ông bà, cha mẹ, con cháu) cùng chung sống gọi là gia đình lớn, gia đình đông người thường có vị trí trong xã hội, có nhiều đất đai ruộng vườn...và các thành viên trong gia đình được quan tâm chăm sóc chu đáo. Gia đình lớn là đơn vị kinh tế thống nhất, những con gái thành viên trong gia đình đều phải tuân thủ theo những quy định của người trưởng họ hoặc chủ nhà. Sự phân chia thành các mái nhà khác nhau trong các gia đình lớn cũng diễn ra như một thông lệ và thường là khi các ông trưởng qua đời hoặc nếu thấy không cần thiết phải tách thì các gia đình nhỏ vẫn chung sống trong một mái nhà gia đình lớn.

Cơ cấu gia đình người Thái, ta thấy dân tộc này luôn bảo lưu sự tồn tại của đại gia phụ hệ. Sự bảo lưu đó có ý nghĩa làm tăng tính ràng buộc của sợi dây huyết thống. Song cũng làm cho tính cục bộ trong mỗi gia đình dòng họ tăng lên,

tính độc lập, sự chủ động trong phát triển kinh tế của gia đình hạt nhân bị hạn chế, điều đó cũng có nghĩa là kìm hãm sự phát triển.

Mặc dù nằm trong khuôn phép của gia đình phụ hệ và ít nhiều cũng bị ảnh hưởng bởi quan niệm “trọng nam, khinh nữ”, song mỗi quan hệ của vợ chồng của người Thái luôn hòa thuận, thương yêu và hết mực thủy chung cũng như tương đối bình đẳng. Đó là những nét nổi bật, mang đậm bản sắc văn hóa ứng xử của cộng đồng người Thái.

Cũng như nhiều dân tộc, dân tộc Thái quan niệm lấy vợ, lấy chồng để sinh con đẻ cái nối dõi tông đường. Họ coi thiên chức sinh nở của phụ nữ là thiên chức quan trọng nhất. Những phụ nữ không có con bị coi là vô phúc, bị chơi phạt vì thế người phụ nữ không có con, ít con hoặc nhiều con cũng có vị trí khác nhau trong gia đình truyền thống. Người phụ nữ nhiều con được trọng vọng hơn, người nào không có con, theo luật Thái, người chồng được phép bỏ đi lấy vợ khác. Người phụ nữ Thái khi có thai phải giữ gìn và kiêng kị nhiều điều: không được ăn thịt trâu trắng, cá trôi, không được đi thăm viếng đám ma, họ cho rằng nếu vi phạm sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, hình thể của đứa trẻ. Trước khi sinh nở, sản phụ sẽ được dọn ra ở gian đựng đồ gần bếp lửa thứ nhất. Theo quan niệm của người Thái, lửa sẽ tẩy uế những cái không trong sạch khi đẻ, xua đuổi ma quỷ, hung thần đến hại người mẹ và đứa trẻ, song quan trọng hơn cả có lẽ là để sưởi ấm, sản phụ Thái phải hơ lưng trên bên lửa một tháng sau khi sinh. Để tránh người lạ đến nhà, người Thái làm dấu hiệu “ta leo”(cắm cành cây có lá xanh, trên có buộc một gói tro bếp trước cửa nhà). Đứa trẻ sau khi sinh sẽ được mẹ buộc một sợi chỉ chàm ở cổ tay để giữ linh hồn. Như nhiều dân tộc khác trên đất nước Lào, người Thái coi nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục con cái là nhiệm vụ quan trọng của mỗi gia đình, coi việc nuôi con khôn lớn là niềm hạnh phúc lớn nhất của bố mẹ.

Trải qua quá trình phát triển của lịch sử, xã hội Thái mặc dù có nhiều thay đổi, song quan hệ dòng tộc có tính chất truyền thống đó vẫn tiếp tục phát huy tác dụng của nó. Mỗi quan hệ đó vừa mang tính chất hàng xóm láng giềng vừa mang

tính chất huyết thống. Mỗi quan hệ đó không chỉ biểu hiện những nét bản sắc văn hóa, mà còn là cơ sở quan trọng, tạo nên truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng dân tộc Thái. Đồng thời cũng là nhân tố quan trọng, tích cực để giữ gìn, bao lưu bản sắc văn hóa dân tộc Thái.

Tang ma của người Thái đen

Nghi lễ ma chay và các tập tục liên quan đến ma chay của người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà là một trong những nét văn hoá của dân tộc phản ánh quan niệm về tôn giáo tín ngưỡng, tập quán địa phương và mối quan hệ giữa con người với con người. Một đám ma thông thường diễn ra theo các trình tự sau: Khi trong nhà có người tắt thở, người nhà phải tắm rửa bằng nước thơm và thay quần áo cho người chết. Nước thơm dùng để tắm cho người chết thường được đun lên và cho một ít hoa thơm có trong gia đình như: hoa bưởi, hoa ban... Người Thái cho rằng dùng nước có ướp các loại hoa trên sẽ có mùi thơm dịu và có tác dụng khử các mùi hôi tanh. Người ta gội đầu, chải, búi tóc và thay quần áo cho người quá cố. Đối với nhà nghèo, đồ thay cũng chỉ là những bộ quần áo hàng ngày, còn đối với gia đình giàu có thì đồ thay được chuẩn bị từ trước. Thông thường, người ta sẽ mặc theo thứ tự áo trắng ở trong, áo đen ở ngoài. Tiếp đó người ta đặt người quá cố xuống đệm và lấy vải trắng cuốn quanh người, vải đỏ phủ lên trên. Lấy một ít đồng bạc trắng cho vào tay người chết, làm như vậy khi lên trời họ sẽ có chút tiền để tiêu.

Sau đó người nhà sẽ mổ một con vịt, chặt đầu, hai cánh và hai chân buộc lại rồi để cạnh người chết, nếu để lâu họ thường treo gác bếp. Với quan niệm khi người chết lên trời sẽ phải đi qua sông và tiếng kêu của con vịt sẽ giúp đưa đường cho người chết qua sông để mau lên trời về với tổ tiên.

Sau khi làm xong các thủ tục trên, người nhà sẽ gọi người chết một lần nữa xem còn sống không. Nếu không thừa thì họ ra sân trước nhà kêu thật to: “Trời ơi! Bố (mẹ) tôi chết rồi”, khi đó những người trong gia đình mới được khóc. Trong đám ma, người Thái đen quan niệm: họ hàng gần xa với tang chủ chia làm hai loại. Một loại được mang khăn tang (bả hua đón) và một loại không

mang khăn tang (bả hua đăm) trong số “bả hua đón”, người ta cử ra 3 người làm “po pả” (chủ đám tang). Hiện nay, chủ đám tang thường là Trưởng bản. “Po pả” sẽ phân công công việc cho mọi người. Một số đi bắt rẻ gốc (khươi cóc), rẻ thứ về chịu tang. (Khươi cóc: thông thường trước khi qua đời, người ta sẽ chọn cho mình trong số các con rẻ một người làm nhiệm vụ đưa đường. Nếu không kịp chọn thì sẽ cử ra một trong số các con rẻ mà người quá cố yêu quý nhất). Trong đám ma của người Thái đen thì Khươi cóc có nhiệm vụ rất quan trọng như làm cơm phục vụ những người đến viếng, đọc số “páp sống” (sổ đưa ma), bàn giao tài sản cho người chết...

Trong đời sống hàng ngày, người quá cố ngủ ở đâu thì khi chết, thi thể họ sẽ được đặt ở chỗ đó. Người ta khâm liệm cho người chết dưới xà ngang giữa hai cột cái trong nhà, đó là cột “khou he” và “khou châu xừ”. Theo quan niệm của người Thái đen, ma nhà trú ngụ trên xà ngang đó, khâm liệm ở đây để ma nhà biết mà đi. Trước khi đặt người chết vào quan tài, mỗi con dâu phải có một đôi khăn mặt (một chiếc màu trắng, một chiếc màu đỏ) để phủ mặt người chết. Tiếp theo, con cháu lấy chuôi dao gỗ mạnh vào cột “châu xừ” dưới gầm sàn nơi liệm người chết, người ta cũng dùng đinh đóng xuống. Trên mái nhà đối diện với nơi đặt người chết, người ta thường dỡ một viên ngói hoặc lấy ngọn giáo chọc thủng, làm như vậy, người Thái đen cho rằng họ đã mở cửa đất, cửa trời cho người chết về với tổ tiên.

Trong đêm thứ nhất của ngày khâm liệm, mỗi gia đình trong bản đều cử người túc trực ở nhà người chết. Theo người Thái đen, người chết để trong nhà bao lâu sẽ do “lung tà” (người đứng đầu bên ngoài) quyết định. Thông thường họ sẽ tránh chôn người chết vào các ngày: ngày mất của những người trong gia đình và ngày “mừ tấu” (đây là ngày không có gì, nếu chôn người chết vào ngày này thì con cháu ở lại sẽ không làm ăn được). Tuy nhiên hiện nay, để thực hiện theo nếp sống văn hoá, người Thái sẽ không để người chết trong nhà quá lâu. Theo phong tục, thường trước khi qua đời, người chết đã dặn nên chôn cất ở đâu trong bãi tha ma của bản. Nếu chưa kịp dặn thì con cái hoặc Khươi cóc sẽ

chọn. Khi chọn được chỗ ưng ý, Khươi cốc sẽ dọn sạch một khoảng nhỏ bằng chiếc chiếu và làm nghi lễ xin phép thổ địa bằng cách lấy một con gà luộc, một nắm xôi và một chút tro bếp mang theo từ nhà đặt giữa khoảng đất lót lá cây, rồi lấy thanh kiếm cắm trước những lễ vật trên sao cho phía lưỡi kiếm quay về phía mình và khấn những lời xin phép thổ địa trao đất cho người chết. Tiếp theo, Khươi cốc tung hai thanh tre vào lưỡi kiếm, nếu hai thanh tre rơi xuống một thanh xấp, một thanh ngửa thì việc chọn nơi chôn cất đã xong, ngược lại phải đi tìm nơi khác.

Trước khi đưa người chết đi chôn, người ta làm nghi lễ từ biệt con cháu, đó là khiêng quan tài đi một vòng quanh nhà, dâng lên hạ xuống ba lần chào con cháu mong ở lại mạnh khỏe, làm ăn phát đạt. Đi đầu là Khươi cốc tay cầm bó đuốc, đeo dao, lưng đeo cò v.v... Bó đuốc phải được châm lửa từ bếp, trên đường đi nếu bị tắt phải chạy về nhà châm tiếp không được xin người khác. Nếu người khác cho lửa thì hồn của người đó sẽ đi theo người chết. Còn nếu lửa bị tắt phải quay về nhà lấy thì mọi thứ người đó mang theo phải để lại rừng vì sợ ma người chết về theo.

Khi đi đến chỗ chôn, người ta đặt quan tài cạnh miệng huyệt và làm một mâm cơm mời người chết ăn bữa cuối cùng. Mâm cơm thường có xôi, gà và rượu. Trước khi hạ huyệt Khươi cốc cầm đuốc và dao hua trong huyệt để xua đuổi hồn của người khác không cho đi theo người chết.

Sau khi chôn xong sẽ làm nhà mồ, nhà mồ người Thái đen cao đến thắt lưng được lợp bằng cây cỏ gianh tươi. Ngày nay, nhà mồ thường lợp bằng ngói, không đào rãnh sâu mà thay vào đó họ sẽ rào xung quanh cẩn thận, có cổng ra vào, xung quanh được cắm lá cờ nhỏ, hai bên đầu sàn cắm cờ lớn. Nếu người chết là đàn ông thì nhất thiết phải có thêm cờ lớn, tiếng Thái gọi là “chao phạ” dài khoảng từ 8 đến 12 sải tay. Độ dài của “chao phạ” phụ thuộc vào tuổi và uy tín của người chết. Nếu người chết là nữ còn có một ô màu đen, thang lên xuống của nhà mồ có số bậc là chẵn. Trong nhà mồ thường có các đồ dùng của người chết như: chiếu, chăn, đệm, gối, “bem” (đồ đựng quần áo)... Ngoài nhà mồ treo

đầu, chân, cánh vịt. Xung quanh nhà mồ trồng cây chuối, dứa, sả... Các con cháu dâu mỗi người gom một ít củi nhỏ để trong nhà mồ để người chết có thể dùng củi đó nhóm lửa cho linh hồn bớt cô quạnh.

Sáng sớm hôm sau, người ta phải tổ chức ngay lễ “Au phi khừn hươn” (mời ma người chết về nhà để trở thành ma nhà. Lễ này phải được tiến hành càng nhanh càng tốt vì nếu để lâu người chết bơ vơ giữa rừng sợ ác thần bắt mất. Nghi lễ này phải mời thầy mo đến cúng. Lễ cúng thường có xôi, gà, rượu, thịt... mang ra chôn cúng, mời hồn người chết về và mang theo một nắm đất nơi chôn người chết. Khi về đến nhà, người nhà sẽ phải mở lợn cúng lần nữa để nhập hồn người chết vào và đưa lên bàn thờ thờ cùng tổ tiên.

Trong thời gian một năm, những người trong họ của gia đình có người chết không được phép xây dựng gia đình, làm nhà.

Ngày nay, quá trình phát triển của đất nước Lào nói chung, tỉnh Lôông Nặm Thà nói riêng đang diễn ra một cách mạnh mẽ và đa dạng, đã tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cuộc sống của những người dân nơi đây. Những biến đổi đó cũng phản ánh rất rõ sự ảnh hưởng của quá trình phát triển xã hội và trình độ dân trí. Đó là sự biến đổi trong tổ chức quản lý hành chính - xã hội, không gian kiến trúc và cơ sở hạ tầng, thành phần dân cư; những chuyển biến về cơ cấu kinh tế, ngành nghề... đã kéo theo những biến đổi về đời sống tinh thần, đặc biệt là đời sống tín ngưỡng trên cả bình diện cộng đồng và gia đình, dòng tộc.

Việc lo cho người mất là nghĩa vụ và cũng là trách nhiệm thiêng liêng của người đang sống. Ở đây, các nghi lễ cử hành đám tang để tiễn đưa những người mới mất qua đời sang thế giới bên kia được thực hiện chủ yếu theo các phong tục, tập quán có từ lâu đời và thông qua các quy định của chính quyền địa phương, hương ước của bản. Trong tang ma có nhiều nghi thức, nghi lễ được người dân nơi đây bảo tồn và lưu giữ cho đến ngày nay. Tuy nhiên, dưới tác động của quá trình phát triển xã hội, cách thức tổ chức đám tang được đơn giản hóa và ít nhiều biến đổi so với trước đây [24, tr.35].

Hiện nay, cách thức tổ chức đám tang của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà giản hơn trước nhiều. Người dân không để người mất trong nhà lâu. Theo quy ước của địa phương và hương ước của bản, người chết chỉ được để trong nhà không quá 3 ngày; người chết vì bệnh truyền nhiễm không quá 24h. Các nghi lễ về tang ma cũng biến đổi theo thời gian. Một vài nghi thức cũng được bỏ qua, không cầu kì, phức tạp như trước kia nữa. Điều đáng chú ý ở đây đó là họ không để người chết trong nhà quá lâu như trước kia nữa (ngày xưa là 4-7 ngày). Đã có những đám tang tổ chức theo hình thức Phật giáo bởi họ được tiếp cận với Phật giáo, tiếp cận với nhiều phương thức tổ chức ma chay hiện nay qua các phương tiện thông tin đại chúng... Vì vậy mà họ có những quan niệm khác trước và đã thay đổi cách thức để hợp với xu thế phát triển của xã hội. Đó là xu thế vừa hiện đại, vừa truyền thống; vừa đầy đủ các thủ tục cho người đã khuất mà vẫn đáp ứng được yếu tố tâm linh của họ cho sự chuẩn bị đầu thai kiếp sau của người đã khuất.

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, nghi lễ tang ma của người dân nơi đây so với truyền thống có nhiều điểm khác nhau, đó là điều tất yếu của quá trình phát triển kinh tế-xã hội trong thời kỳ hội nhập. Có nhiều thay đổi mang xu hướng tích cực và mặt khác, nó còn góp phần tạo ra những tác động hiệu quả đến tư tưởng của từng cá nhân trong cộng đồng. Nhịp sống hiện đại đang ngày càng len lỏi vào từng góc nhà, từng bản làng của người Thái Đen [43, tr.37].

3.2.5. Lễ hội

Như chúng ta đã biết lễ hội là một hình thức sinh hoạt trong văn hóa tinh thần của nhiều tộc người. Tổ chức lễ hội có nhiều hình thức và nội dung khác nhau, tùy điều kiện cuộc sống của người dân đối với từng cơ sở, từng dân tộc, sự biến đổi và phát triển xã hội của từng thời kỳ nhất định. Giống như các lễ hội của người Lào và các dân tộc khác sinh hoạt lễ hội của người Thái ở Luông Nặm Thà được coi như sự giao lưu văn hoá, là nơi gặp gỡ giao duýện của lứa đôi. Về đẹp truyền thống của dân tộc Thái ở Luông Nặm Thà được biểu hiện rất đầy đủ trong các buổi lễ hội.

Lễ hội vào nhà mới

Lễ mừng nhà mới của dân tộc Thái từ lâu đã trở thành nét sinh hoạt văn hóa truyền thống mang tính cộng đồng cao. Dân tộc Thái Đen nói chung, người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà nói riêng cũng như các dân tộc sống lâu đời khác đã biết khai phá tự nhiên, xây dựng bản mường. Họ biết tìm tre, kiếm gỗ, đan phiên, kiếm lá để làm nhà sàn che chắn nắng mưa để ổn định cuộc sống. Người Thái làm nhà sàn bằng tre, gỗ, lá gianh, để tránh thú dữ, mưa lụt ảnh hưởng đến cuộc sống. Từ chỗ làm nhà sàn, các cuộc vui mừng nhà mới dần dần đã trở thành lễ hội lên nhà mới “Khửn hươn mẩu”. Trong thực tế, một cuộc tổ chức lễ hội lên nhà mới của người Thái cũng có phần lễ và phần hội, theo hai bước:

Lễ vào nhà mới, theo phong tục những người cao tuổi trong gia đình, được mọi người kính trọng, tín nhiệm và họ cũng là những người hiểu biết và nắm rõ phong tục hơn cả, người Thái rất tôn trọng bên ngoại và họ hàng đằng ngoại nên bố mẹ vợ thường là người lên nhà mới trước, đặt kiềng lên bếp rồi mới mời và dẫn dắt chủ nhân lên nhà mới. Khi đó, chủ nhà cầm chài đánh cá, một con dao cán dài, lưỡi dao buộc một cái khăn đỏ, vai khoác túi khít bên trong có quần áo của cả nhà cùng với một người đại diện bên nội bước lên nhà mới, tiếp đó là tập thể chú bác, con cháu khiêng, gánh chần đệp và mọi của cải trong gia đình kéo nhau lên nhà mới. Đồ đạc đưa lên xếp gọn một góc trong nhà mới. Chủ nhà sắp sẵn một mâm cúng bao gồm một bát hương, một con gà, đĩa xôi, đĩa muối ớt và mời thầy Mo về cúng. Bài cúng được phổ biến là đuôi tà ma, ác thú, cầu phúc mọi điều yên vui, tốt lành. Sau khi cúng xong thì bẻ ba ngọn cây còn xanh hươ hươ từ trong ra, qua cửa chính, đến trước cầu thang vứt bỏ xuống đất, ba lần liên tục như thế với lời khấn “hại quát ni, lì quát khẩu” (điều xấu đi ra, điều tốt đi vào).

Sau khi tiến hành xong phần lễ, mọi người cùng nhau làm cơm, đồ xôi, nướng thịt cá, chế biến các món ăn truyền thống của dân tộc Thái và cùng nhau lên nhà tổ chức ăn uống, họ cũng hát hò đối đáp, chúc mừng chủ nhân có nhà

mới, chúc tụng sức khỏe lẫn nhau. Sau khi ăn uống xong, những người đàn ông thanh niên tiếp tục giúp gia chủ hoàn thiện những công việc phụ để ngôi nhà hoàn thiện. Đến đêm họ nhảy múa, ca hát, uống rượu cần, đoàn kết quanh vòng xòe. Một cuộc vui trong lễ hội lên nhà mới của người Thái như vậy thường kéo dài đến hai ngày [43, tr. 74].

Lễ cúng ma nhà (bun sên phi hươn):

Việc tổ chức bun sên phi hươn mang ý nghĩa rất quan trọng. Thứ nhất là để tổng kết lại việc phát triển trong gia đình. Thứ hai là thông báo kế hoạch tiếp theo cho mọi người biết. Cuối cùng là để thể hiện sự biết ơn tới bố mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng con cháu từ nhỏ bé đến lớn. Bên cạnh đó còn cầu các thần linh trên trời đến nhà để phù hộ mọi người trong nhà và phù hộ cho mưa gió thuận hòa, mùa màng tốt tươi và tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa những người trong gia đình và họ hàng làng xóm. Mỗi năm, người Thái Đen tổ chức lễ này một lần. Nếu gia đình nào không đủ điều kiện tổ chức hàng năm thì 2-3 năm tổ chức một lần cũng được. Bun sen phí hươn được tổ chức lớn hay nhỏ tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi gia đình.

Trước khi đến ngày sen phí hươn một ngày, vào buổi tối, người ta chuẩn bị 1 cái thớt, 1 con dao, 1 đôi đũa mới, cặp, nem chua, lá chuối làm lễ thông báo cho các thần linh biết ngày mai gia đình mình sẽ sen hươn bằng câu khấn: “Ngày mai nhà cháu sẽ sên phon hươn nhạo. Nếu ông vào rừng phải trở về. Nếu đi làm nương làm ruộng cũng phải về”. Đồng thời phải mời khách và họ hàng biết trước một ngày để đến nhà ăn sen hươn.

Đến ngày lễ, người ta thường dọn dẹp làm sạch sẽ và sắp xếp lại nhà cửa, đặc biệt là phòng mà họ đặt ban thờ để chào đón các thần linh đến nhà.

Chuẩn bị đồ lễ gồm có: thịt lợn luộc, cá, các loại hoa quả có vị chua và vị ngọt, trầu cau, rượu, đũa, thịt nướng, gỏi, lạp, nước uống, rau luộc và rau sống, quần áo của các thanh niên trong nhà và họ hàng cùng dòng máu, cùng tổ tiên (quần áo lấy vào một túi riêng). Sau khi chuẩn bị đầy đủ lễ vật, Mố Tắm (thầy

cúng) thay mặt chủ nhà thực hiện lễ mời các vị thần đến nhà ăn sen. Đúng 3 giờ chiều, Mố Tắm mời các thần linh trở về trời.

Đối với phụ nữ đã lấy chồng và về nhà chồng rồi, khi gia đình bố mẹ đẻ làm lễ này thì khi về nhà phải mang theo một con lợn hoặc một con gà, rượu, bánh chưng, khoai, măng đắng, bộ trang phục... để dâng cho họ hàng đã chết. Mố Tắm thay mặt gia đình mời họ hàng và khách tham dự lễ. Những người tham dự lễ phải mừng tuổi và tặng quà cho cô gái đó bằng tiền (nhiều hay ít tùy mỗi người).

Tiếp theo, chủ nhà rót rượu cho mọi người uống, trước tiên phải rót cho những người đàn ông cao tuổi, sau đó là những cụ bà cao tuổi. Họ cùng nhau uống hết chén rượu đó và chúc sức khỏe nhau. Việc làm này được người ta gọi là Khai Lẩu (khai rượu). Sau khi uống hết chén rượu đó, chủ nhà mời mọi người ăn cơm.

Những hoạt động vui chơi trong lễ này thường là chủ nhà hoặc các thanh viên trong nhà hát khắp Thái Đen, đây là dân ca nổi tiếng của dân tộc Thái Đen. Khi khắp thường sử dụng các nhạc cụ truyền thống của người Thái Đen như: cồng, khong và xeng. Sau khi hát khắp, chủ nhà thường mời người khác lên hát. Đây là thời gian vui nhất.

Khi tổ chức lễ truyền thống lớn của dân tộc, họ phân công thành viên làm việc rất rõ ràng. Gia đình nào muốn là lễ lớn trong nhà đều phải thực hiện các bước như dưới đây: Trước hết phải đi bàn bạc với những người cao tuổi và ông trưởng làng, nêu mục đích và nhu cầu của mình để nhờ làng xóm đến giúp việc nhà mình. Sau đó, mời khách và họ hàng trực tiếp. Ngày xưa thường phải đến tận nhà, nêu mục đích và chương trình làm lễ. Chủ nhà phải dọn dẹp, trang trí nhà cửa, chuẩn bị nơi ăn uống, nơi vui chơi (người cao tuổi thường được bố trí ăn cơm ở trong nhà, còn nhóm thanh niên và trẻ em thường ăn uống vui chơi ở ngoài sân). Phân công người tiếp khách và mời khách vào chỗ ăn uống. Lựa chọn những người nấu

ăn thật ngon để nấu ăn và phục vụ mọi người trong buổi lễ, nếu khách bị say nắng, chủ nhà phải đưa khách về đến tận nhà [45, tr.11].

Lễ mừng cơm mới (pạt tổng khậu mẫu):

Khi đến mùa thu hoạch, người Thái Đen thường tổ chức lễ mừng cơm mới. Lễ mừng cơm mới thường tổ chức vào cuối tháng 10 đến đầu tháng 11 hàng năm. Để làm lễ này, họ thường chuẩn bị các đồ vật như: khảo mẫu, khảo hang và những đồ ăn uống. Việc tổ chức phạt tổng khậu mẫu mang ý nghĩa rất quan trọng thể hiện sự biết ơn các thần linh đã phù hộ cho mưa gió thuận hòa, mùa màng tốt tươi, cả nhà no đủ. Đến ngày vên tổng, từ sáng sớm, người ta thường dọn dẹp, bố trí nhà cửa và bàn thờ, đôi nậm tậu tổng (quả bầu rượu), chuẩn bị một mâm cơm bao gồm 1 con gà luộc, rượu, bánh, cơm gạo nứt, cốm, xôi, một số đồ ăn, khoai, hoa quả. Sau khi chuẩn bị đầy đủ các loại lễ vật, chủ nhà thay mặt những người trong nhà thực hiện lễ. Trước tiên, họ lấy lễ vật lên bàn thờ, mời tổ tiên, họ hàng và những người qua đời đến nhà để ăn phạt tổng khậu mẫu. Sau đó, họ để lại lễ vật trên bàn thờ khoảng 15 - 20 phút. Tiếp theo, để lại 2 chén rượu, một ít cơm gạo nứt, cốm và chân gà ở trên bàn thờ để cúng tổ tiên, còn những lễ vật khác có thể mang vào bếp để chế biến thành món ăn. Cuối cùng, họ mời họ hàng và làng xóm ăn trưa. Đến đây, buổi lễ này kết thúc.

Lễ cơm mới các thành viên quây quần bên nhau, đây sẽ là dịp để ông bà, cha mẹ dạy bảo con cháu biết quý trọng sức lao động, đạo lý, lối sống đúng mực ở đời. Vì thế, dù công việc bận rộn đến đâu, con cháu vẫn cố gắng sắp xếp thời gian về sum vầy cùng gia đình trong ngày cơm mới. Phong tục này rất vui và hay, một phần là để người dân gìn giữ và phát huy truyền thống, một phần để người dân tổ chức ăn cơm mới là họ thấy mình được mùa.

Lễ cơm mới được người Thái coi trọng và gìn giữ từ này sang đời khác bởi nó vừa phản ánh tín ngưỡng tâm linh, vừa biểu hiện nét văn hóa truyền thống đặc trưng, mang tính nhân văn sâu sắc và khắc sâu ý nghĩa xã hội. Bởi lẽ, đây cũng là dịp để anh em trong gia đình, thông gia, làng xóm hội ngộ, chung vui, chia sẻ với nhau công việc làm ăn, xây dựng gia đình và thắt chặt thêm tình đoàn kết thôn bản hướng về một cuộc sống đủ đầy [46, tr. 9].

Tiểu kết chương 3

Trải qua quá trình phát triển lâu dài của lịch sử, người Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà đã xây dựng cho mình một đời sống văn hóa hết sức phong phú và đa dạng. Đời sống của người Thái Đen nơi đây có nhiều thay đổi. Nhất là trong khoảng 10 năm gần đây. Những chuyển biến và thay đổi đó được thể hiện rõ nét trong một số điểm sau

Về nhà cửa, nếu như trước đây họ chỉ ở nhà sàn, ngủ ngay trên sàn, thì hiện nay nhiều ngôi nhà truyền thống ở tỉnh Luông Nặm Thà với mái ngói, mái gianh hình mu rùa không còn nữa. Mà thay vào đó là những ngôi nhà cao tầng mái bằng hiện đại xây dựng bằng bê tông cốt thép. Xu thế ngói hóa biến đổi từ mái khum thành mái phẳng, kiềo dấng vẫn là nhà sàn truyền thống nhưng kết cấu đã thay đổi nhiều. Cầu thang lên xuống bằng gỗ được thay bằng cầu thang bê tông chắc chắn. Cuộc sống trong thời đại mới, đặc biệt là những vùng hẻo lánh, xa xôi như tỉnh Luông Nặm Thà đã có nhiều thay đổi. Rất nhiều gia đình người Thái Đen đã bỏ kiểu nhà sàn truyền thống của dân tộc mình và chuyển sang ở nhà kiểu hiện đại gọi là nhà tầng.

Tín ngưỡng, việc chữa bệnh bằng phương thức cúng bái hầu như chỉ tồn tại ở vùng sâu vùng xa của huyện. Hệ thống y tế đã phát triển đến tận các làng bản, kịp thời chữa bệnh cho bà con trong làng bản. Đồng bào Thái Đen ngày càng tin tưởng hơn vào y học và khi có bệnh họ thường đến bệnh viện để khám chữa trước tiên. Việc thờ cúng có phần bị sao nhãng. Họ không còn thờ ma núi, ma rừng và các vị thần bản mệnh của làng bản.

Sự biến đổi này chứng tỏ xu thế quốc gia hóa, thậm chí quốc tế hóa mạnh mẽ trong đời sống của đồng bào Thái Đen. Tuy nhiên, không vì thế mà người Thái Đen nơi đây làm mất đi nếp sống văn hóa cổ truyền của mình. Ngược lại, họ biết tiếp thu cái mới để làm phong phú thêm truyền thống tốt đẹp vốn có của dân tộc mình.

KẾT LUẬN

Tỉnh Luông Nặm Thà là một trong 18 tỉnh của nước CHDCND Lào, cũng là một trong những tỉnh có lịch sử phát triển sớm. Tỉnh Luông Nặm Thà có tỷ lệ người Thái đen cư trú khá đông trong tỉnh. Người Thái đen đã có nhiều đóng góp vào công việc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội tỉnh, nhất là góp sức vào công việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

Về kinh tế, nông nghiệp trồng lúa nước và làm nương rẫy giữ vai trò chính trong hoạt động kinh tế của người Thái Đen. Trong đó, cây lúa là loại cây trồng chủ đạo (nhất là lúa nếp). Bên cạnh đó còn các cây lương thực phụ khác là sắn, khoai, ngô... Song song với trồng lúa, thì chăn nuôi và làm nghề thủ công, trao đổi hàng hóa, săn bắn, hái lượm cũng đóng một vai trò khá quan trọng sau trồng trọt để đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày của cộng đồng người Thái Đen. Hiện nay, đời sống kinh tế của người Thái Đen có nhiều thay đổi. Họ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, sự chuyển dịch từ nuôi thả sang nuôi chăn. Từ đó năng suất và chất lượng sản xuất nông nghiệp được tăng lên, góp phần làm ổn định cuộc sống, nâng cao chất lượng cuộc sống của tộc người Thái Đen trên tỉnh Luông Nặm Thà.

Kinh tế thương nghiệp buôn bán, trao đổi được mở rộng và phát triển với tốc độ nhanh hơn. Nhiều gia đình người Thái Đen có mặt buôn bán tại các chợ và trung tâm bán hàng của huyện và các huyện khác trong tỉnh. Họ không chỉ buôn bán những sản phẩm mà họ sản xuất được mà còn buôn bán những mặt hàng nhập khẩu từ các nước láng giềng, nhất là hàng tạp hóa, đồ xây dựng, trang phục, đồ trang sức, hàng điện tử, đồ dùng văn phòng... họ trở thành những ông chủ, những nhà kinh doanh lớn.

Nhìn chung, cuộc sống kinh tế của người Thái Đen khá phát triển, nhất là kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước với phương thức canh tác và chăn nuôi mới. Họ đã nhận thức sâu sắc về chiến lược phát triển kinh tế. Họ có thể tự xóa đói

giảm nghèo và nâng cao mức sống của mình. Bên cạnh đó, nhờ có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với dân nghèo đã làm cho cuộc sống của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà ổn định và hạnh phúc hơn xưa. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít người không dám áp dụng tiến bộ kỹ thuật, không dám đầu tư mà chỉ biết khai thác cái sẵn có trong tự nhiên để tồn tại. Đối với những người này cần giúp họ thay đổi tư duy, tiếp cận sự tiến bộ của khoa học và sự tự chủ trong cuộc sống hiện đại.

Về đời sống văn hóa, trong đại gia đình các dân tộc Lào, người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà có một nền văn hóa đa dạng và phong phú. Điều đó được thể hiện rõ ở: Các món ăn truyền thống, chủ yếu là cơm nếp với các món ăn hấp, chám chéo, nộm rau, canh pịa, món rêu, cá nướng... và các loại rau củ quả từ tự nhiên như chuối, măng ngọt, măng đắng, hoa chuối... với sở thích khẩu vị ăn uống đắng, cay và mặn. Đồ uống phổ biến nhất là rượu cần. Đây là loại đồ uống không thể thiếu được trong ngày lễ tết của người Thái Đen. Trong xây dựng nhà cửa: Nhà cửa truyền thống của người Thái Đen là nhà sàn. Kiến trúc và cách trang trí nhà cửa khác với các dân tộc khác tạo nên nét độc đáo riêng biệt của dân tộc này. Hiện nay, nhà cửa của dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà có nhiều thay đổi. Họ không chỉ xây dựng nhà sàn theo kiểu truyền thống mà họ còn xây dựng nhà tầng làm bằng gạch, lợp tôn, lợp ngói theo kiến trúc phương Tây.

Về trang phục: Trước đây, họ mặc rất đơn giản, nhất là trong trang phục nữ (váy dệt thổ cẩm, áo cổ tròn và cổ hình trái tim; Người phụ nữ Thái Đen thích mặc váy màu đen). Nhưng những năm gần đây, do chịu ảnh hưởng của người Lào, đa số người Thái Đen đã sử dụng nhiều loại vải, chứ không tự dệt hay tự thêu như trước nữa. Phụ nữ Thái Đen mặc váy lụa theo kiểu mặc của phụ nữ Lào và mặc quần áo may sẵn trong nước và của nước ngoài. Còn nam giới, hiện nay hầu như không thấy mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình mà chủ yếu mua trang phục may sẵn như quần bò, áo phông, áo sơ mi. Nhìn chung, trang

phục truyền thống của dân tộc Thái Đen trong thời gian gần đây và hiện tại rất hiếm thấy. Họ chỉ mặc trong ngày lễ tết truyền thống của dân tộc mình.

Văn hóa tinh thần của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà vô cùng phong phú. Nó được thể hiện trong cuộc sống lao động và quá trình giao lưu giữa các dân tộc qua nhiều thế hệ khác nhau từ khi hình thành cho đến nay. Văn hóa dân gian của dân tộc Thái Đen phát triển mạnh. Ngôn ngữ của người Thái Đen thuộc nhóm ngôn ngữ Lào - Thái. Chữ viết là chữ cổ gốc Ấn Độ - tự dạng Sanskrit ở Đông Nam Á. Là dân tộc có chữ viết riêng. Song hiện nay, những người biết viết chữ Thái Đen trong cộng đồng dân tộc họ là rất ít.

Người Thái Đen có đời sống tín ngưỡng sâu sắc về ma. Họ cho rằng có hai loại ma là ma lành (ma tốt) và ma hại (ma xấu). Tín ngưỡng thờ cúng của người Thái Đen rất đa dạng, nhất là thờ cúng tổ tiên và các vị thần. Hiện nay, do giao lưu với người Lào đã tạo cho họ có cơ hội tiếp thu với Phật giáo. Từ đó có ảnh hưởng ít nhiều trong phong tục, tập quán. Sự ảnh hưởng thể hiện rõ nhất trong việc tổ chức lễ tết. Việc tổ chức các nghi lễ trong vòng đời vẫn giữ được bản sắc truyền thống của dân tộc, đặc biệt là lễ đám cưới, và tang ma. Nhưng hiện nay có sự thay đổi trong các cách thực hiện, họ rút ngắn các bước trong nghi lễ để tiết kiệm thời gian và chi phí.

Trong điều kiện xã hội đang thay đổi từng ngày theo hướng phát triển, hội nhập với xu thế thế giới, đời sống văn hóa của người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà cũng đang dần biến đổi theo. Sự biến đổi của văn hóa người Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà là do nhân tố nội sinh nhằm phù hợp với hoàn cảnh mới và do tác động của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với dân tộc khác. Sự chuyển biến về văn hóa của người Thái Đen mang tính chất hai mặt. Có mặt tích cực nhưng cũng có nhiều hạn chế.

Mặt tích cực của sự biến đổi trong văn hóa của người Thái Đen có thể nhận thấy thông qua việc tiếp nhận những nét văn hóa của các dân tộc khác. Người Thái Đen đã làm cho nền văn hóa của mình ngày càng đa dạng và phong

phù hơn. Sự giao lưu về văn hóa cũng tăng cường tính cố kết cộng đồng giữa các dân tộc. Việc tiếp thu ảnh hưởng của các nền văn hóa của các dân tộc có trình độ phát triển cao hơn làm cho văn hóa truyền thống của người Thái Đen ngày càng bớt yếu tố lạc hậu và ngày càng tiến bộ. Đó là những điều đáng khích lệ.

Bên cạnh những biến đổi tích cực thì xu hướng chuyên hóa làm mất dần những yếu tố truyền thống-tiêu chí làm nên bản sắc của mỗi dân tộc cũng đang diễn ra ngày một nhanh chóng hơn. Văn hóa tinh thần của người Thái Đen ngày càng mất đi những bản sắc vốn có của nó. Các thế hệ trẻ ngày nay không còn biết đến văn hóa dân tộc mình và dần đi theo văn hóa của dân tộc Lào và văn hóa ngoại nhập.

Bên cạnh sự mai một của yếu tố truyền thống trong văn hóa và sự thay đổi theo hướng tích cực, tiến bộ thì văn hóa của người Thái Đen vẫn luôn tồn tại một số hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Đó là tục lệ chữa bệnh bằng phương pháp bói toán, cúng bái. Những kiêng kị thiếu khoa học trong đời sống và sản xuất gây ra những hậu quả không nhỏ cho cuộc sống của đồng bào.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Lưu Đàm Ngọc Anh và Nguyễn Quốc Bình (2012), *Cây nhuộm truyền thống của người Thái Đen tại huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La*.
2. Nguyễn Đại Đồng (2007), *Trang phục cổ truyền của phụ nữ dân tộc thái huyện Thường Xuân, tỉnh Thành Hóa, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học*.
3. Phạm Ngọc Hà (2015), *Lịch và nông lịch của người Thái Đen ở Sơn La, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn*.
4. Trần Văn Hạc (2014), *”Cưới cổ của người Thái đen Tây Bắc Việt Nam”*.
5. Đỗ Minh Hải (2011), *Luận văn thạc sĩ “Văn hóa tinh thần của người Thái đen ở huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La” Trường đại học sư phạm Thái Nguyên*.
6. Đài Thị Hằng (2009), *Khôi phục bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống trong lễ hội Xên Mường của người Thái Đen tại Sơn La, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học văn hóa Hà Nội*.
7. Hoàng Thị Hường (2010), *Khóa luận tốt nghiệp “Phong tục tang ma của người Thái Đen huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La” Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*.
8. Nguyệt Hương (1995), *Hôn nhân và địa vị phụ nữ Thái Đen Tây Bắc trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945, Tìm hiểu dân tộc học, Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 2*.
9. Lộ Thị Huyền (2015), *Tìm hiểu tang ma của người Thái Đen ở xã Nghĩa Lợi, tỉnh Yên Bái, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học văn hóa Hà Nội*.
10. Lo Thị Quỳnh Lan (2008), *Luận văn thạc sĩ đề tài “Bản sắc văn hóa dân tộc Thái trong điều kiện đổi mới và phát triển kinh tế vùng Tây Bắc” Trường Đại học Quốc gia Hà Nội*.
11. Minh Lê (2016), *“Tìm hiểu nghi thức “Hỏa táng” người Thái đen”*
12. Đoàn Thị Hương Lý (2009), *Khóa luận tốt nghiệp “Người Thái Đen với sự phát triển du lịch Mường Lò tỉnh Yên Bái” Trường Đại học văn hoá Hà Nội*.
13. Nguyễn Thị Hồng Mai (2008), *Văn hóa ẩm thực của người Thái đen ở thị xã Sơn La. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học văn hóa Hà Nội*.

14. Nghề đan lát của người Thái Đen
<http://baodaklak.vn/channel/5441/201709/nghe-dan-lat-cua-dong-bao-thai>
15. Nghề dệt thổ cẩm của người Thái Đen <http://tpdienbienphu.gov.vn/Nghe-theu-det-tho-cam-truyen-thong-cua-nguoi-Thai-den-ban-Him-Lam-II-thanh-pho-Dien-Bien-Phu-1469>
16. Nghi lễ ma chay của người Thái đen ở Tuần Giáo-Điện Biên, (<http://web.cemagov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=117453534>).
17. Nhà sàn của người Thái đen (2013), (<http://vovworld.vn/vi-vn/Sac-mau-cac-dan-toc-Viet-Nam/Nha-san-cua-nguoi-Thai-den/187808.vov>
18. Nước trong văn hóa người Thái Đen Mường Lò (2015), (<http://baodantoc.Com.vn/sac-mau-54/nuoc-trong-van-hoa-nguoi-thai-den-muong-lo>).
19. Lữ Thị Mai Oanh, Nguyễn Thị Huệ (2015), Biên đổi về trang phục của phụ nữ Thái đen vùng Tây Bắc.
20. Phong tục cưới hỏi của người Thái đen, (<http://hocban.net/hoidap-ct-140865-phong-tuc-cuoi-hoi-cua-nguoi-thai-den.htm>).
21. Trương Hữu Quỳnh (1996), một bài suy nghĩ về bản sắc dân tộc và giao lưu văn hóa “*văn hoá học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
22. Ngô Thu Thảo (2009), Bảo tồn và phát huy văn hóa ẩm thực của dân tộc Thái Đen thành phố Sơn La, Khóa luận tốt nghiệp trường Đại Học văn hóa Hà Nội.
23. Lê Ngọc Thắng (1987), *Trang phục Thi Đen trong mối quan hệ*, Tập chí dân tộc học số 2.
24. Lương Hoài Thanh (2005), Khóa luận tốt nghiệp “*Tang ma của người Thái Đen ở Sơn La*”, Đại học Sư Phạm Hà Nội.
25. Trần Ngọc Thêm (1996), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, trường Đại học tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

26. Tạ Văn Thông, *Chữ Viết của các dân tộc Thái ở Việt Nam*.
27. Nguyễn Thành Tuấn (2006), Khóa luận tốt nghiệp “*Tìm hiểu Văn hóa truyền thống của dân tộc Thái Đen ở huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa*”, Trường Đại học Vinh.
28. Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

Tài liệu tiếng Lào

29. Bài báo cáo kết quả Sự điều tra dân số và nơi ở lần thứ V của phòng kế hoạch và đầu tư tỉnh Luông Nặm Thà (2015).
30. Bài báo cáo thu nhập trồng trọt và chăn nuôi của sở nông nghiệp tỉnh Luông Nặm Thà (2016).
31. Bài góp ý của đại diện dân tộc Thái đen (2013), cuộc họp về dân tộc Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà và tỉnh Bo Kẹo, tại Thủ đô Viêng Chăn.
32. Bounphone ONSOUVANH (2014), *Dân tộc Thái Đen ở tỉnh Xiêng Khoảng (CHDCND Lào), thủ đô Viêng Chăn*.
33. Bộ Giáo dục và thể thao Lào (2009), *Sách giáo trình "Địa lý 4"*, Nxb Nhan Dan Pring House HCMC.
34. Bộ Giáo dục và thể thao Lào (2009), *Sách giáo trình "Văn hóa xã hội Lào - Asean"*, Nxb Nhan Dan Pring House HCMC.
35. Phạm Đức Dương, Onekeo NUANNANVONG (2015) *Từ điển Lào - Việt tóm tắt về tỉnh Luông Nặm Thà Nxb Giáo dục tại Hà Nội*.
36. Đảng ủy Tỉnh Luông Nặm Thà (2010), *Nghị quyết Đại hội Đảng uỷ lần thứ VI*, Tỉnh Luông Nặm Thà.
37. Đảng ủy Tỉnh Luông Nặm Thà (2015), *Nghị quyết Đại hội Đảng uỷ lần thứ VII*, Tỉnh Luông Nặm Thà.
38. Khampheng ThipMounTaLy (2005), *Quá trình sắp xếp các dân tộc ở nước CHDCND Lào*, Viện nghiên cứu dân tộc và tôn giáo Lào.
39. Lakheun VONGSALY (2010), *Phong tục tập quán và hôn nhân của người Tày Đăm tỉnh Hủa Phăn, (Lào)*.

40. Noychansook MaLaSengYaSit (2003), Lịch sử huyện Hủa Thà hoặc huyện Luông Nặm Thà.
41. Noychansook MaLaSengYaSit, Simeuang NamVaNit (2015), Lịch sử và văn hóa các dân tộc tỉnh Luông Nặm Thà.
42. Phiasy VenMiXay và Alithao PhiaLuông(2015), *Văn hóa của dân tộc Thái Đen ở Bản Xong Tay huyện Xong tỉnh Hủa Phăn*, Khóa luận tốt nghiệp tại trường Đại học Quốc gia Lào.
43. Phuxaykham KhiuSiLiHuong (2006), *Phong tục tập quán của dân tộc Thái Đen tỉnh Luông Nặm Thà*.
44. Sinxay KeoMaNiVong, Mặt trận Xây dựng nước Lào (Cục Dân tộc họ), “Các dân tộc ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào”.
45. Tạp chí phong tục tập quán dân tộc Thái đen ở tỉnh Luông Nặm Thà (1999).
46. Viengmala VANGMUA (2009), “Dân tộc học”, Khoa học xã hội, Trường Đại học quốc gia Lào.
47. Viện nghiên cứu dân tộc và tôn giáo Lào (2009), “*Tìm hiểu các dân tộc ở Lào*”, Nxb Sibunhuong, thủ đô Viêng Chăn.

Tài liệu tiếng Thái Lan

48. Dân tộc Thái Đen Hoặc Thái Xông Đăm hoặc Lào Không, Thư điện tử “Pọtpatusu ISAN”.
49. Người Thái Đen, “Wikipidea”.
50. Nguồn gốc và lịch sử cư trú của dân tộc Thái Đen, Thư điện tử “Pọtpatusu ISAN.
51. Napanat của dân tộc Thái Đen là làng văn hóa.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hình ảnh tỉnh Luông Nặm Thà



Ảnh 1: Thị xã tỉnh Luông Nặm Thà



Ảnh 2: Bản Nặm Nghen tỉnh Luông Nặm Thà

Phụ lục 2:

Các hình ảnh về đời sống kinh tế của dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà

(Nguồn ảnh: Do tác giả chụp trong quá trình thực tế năm 2017)



Ảnh 3, 4: Người dân tộc Thái Đen bản NaLư đang gặt lúa



Ảnh 5,6: Người dân tộc Thái Đen bản NaLư đang gặt lúa





Ảnh ,7, 8, 9, 10: Người dân bản PhaSải nuôi tằm



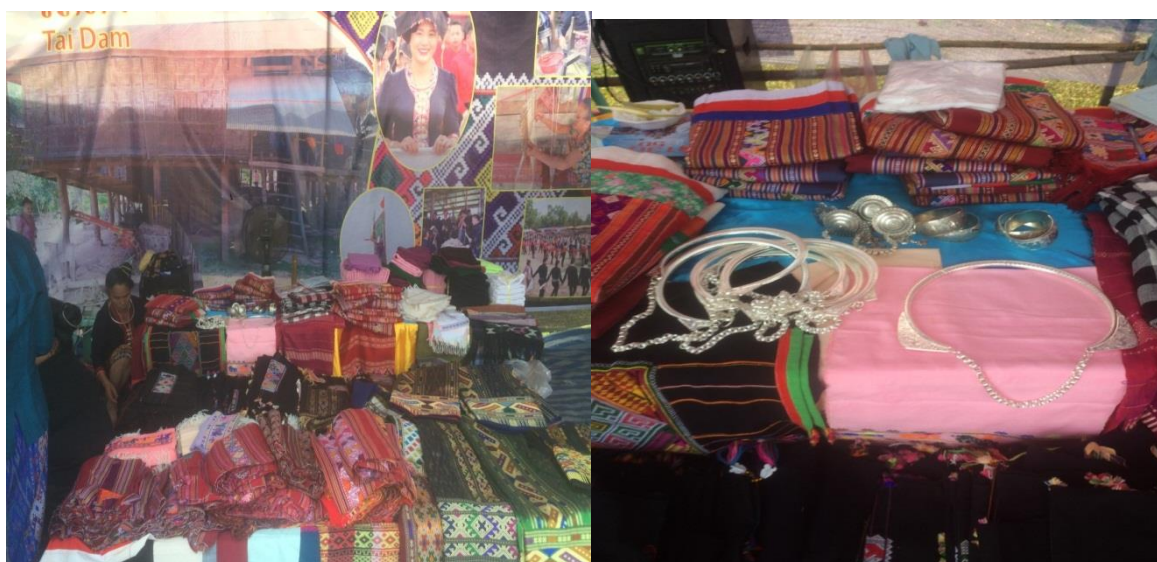
Ảnh11, 12: Đàn bò của dân Thái Đen ở bản Pung



Ảnh13, 14: Đàn lợn của dân Thái Đen ở bản Pung



Ảnh15, 16: Gà nuôi của dân Thái Đen ở bản Thông Ôm



Ảnh17, 18: Quán bán quần áo, đồ dùng của dân Thái Đen ở tỉnh LNT

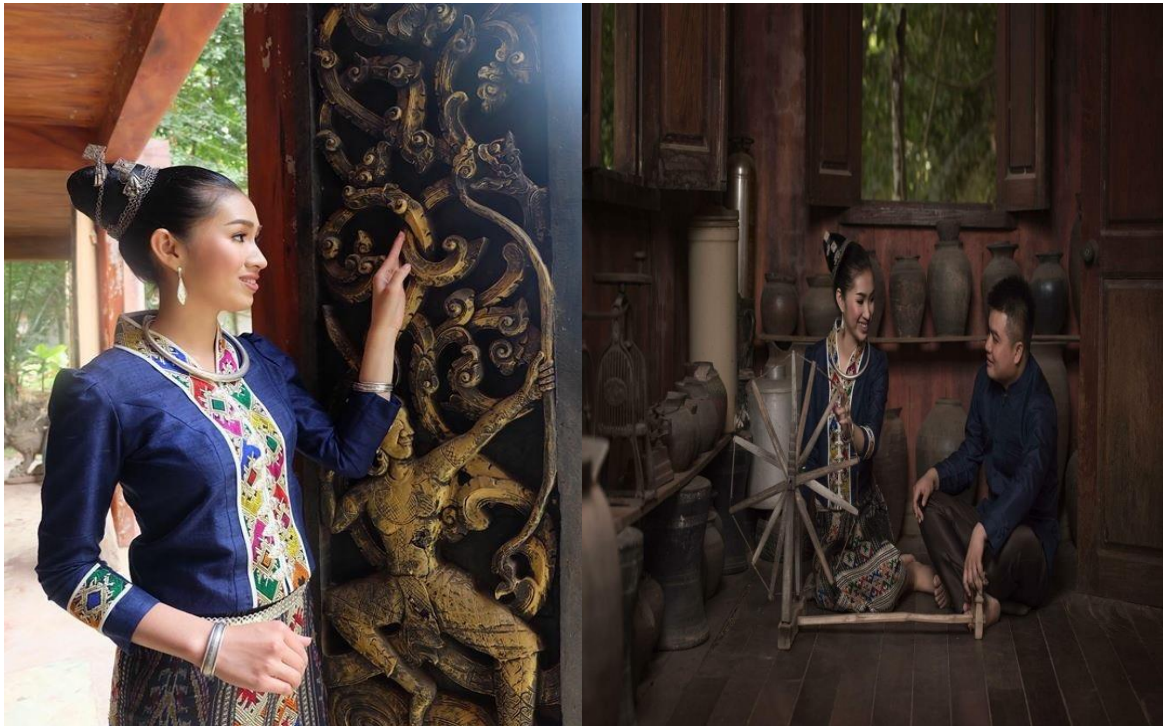


Ảnh19,20: Sản phẩm từ nghề đan lát của dân Thái Đen ở tỉnh LNT

Phụ lục 3:

Hình ảnh về đời sống văn hóa của dân tộc Thái Đen ở tỉnh Luông Nặm Thà

(Nguồn ảnh: Do tác giả chụp trong quá trình thực tế năm 2017)



Ảnh 21, 22, 23, 24: Trang phục của người Thái Đen tỉnh Luông Nặm Thà



Ảnh 25, 26: Mâm cơm trong lễ cúng ma nhà của người Thái Đen



Ảnh 27, 28: Người Thái Đen bản Hua Khua đang làm Com lam



Ảnh 29, 30: Món cá nướng của tộc người Thái Đen